

MỤC LỤC

PHẦN A – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ, Nguyên Tắc Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung.....	4
Điều 2. Phương Pháp Tính Lãi Trong Trường Hợp Cho Vay.....	6
Điều 3. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay.....	6
Điều 4. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Vay Vốn.....	10
Điều 5. Cam Kết, Bảo Đảm Và Các Thỏa Thuận Khác Trong Trường Hợp Khoản Vay, Hạn Mức Được Bảo Đảm 100% Bằng Tiền Gửi Tiết Kiệm/Tiền Gửi Có Kỳ Hạn Của Chính KH Tại VPBank11	
Điều 6. Xử lý nợ vay.....	12
Điều 7. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại.....	13
Điều 8. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp.....	13
Điều 9. Trao đổi thông tin, cung cấp thông tin và các điều khoản sửa đổi, bổ sung.....	14
Điều 10. Ngôn Ngữ.....	15
Điều 11. Tuân thủ FATCA, Cam kết của KH và/hoặc Bên cầm cố đối với quy định về phòng chống tham nhũng; Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố.....	15
Điều 12. Sự Kiện Bất Khả Kháng.....	16
Điều 13. Hiệu Lực Và Điều Khoản Thi Hành.....	17
PHẦN B – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ VAY TỪNG LẦN VÀ/HOẶC VAY HẠN MỨC	18
Điều 1. Giải thích từ ngữ:.....	18
Điều 2. Số Tiền Cho Vay, Thời Hạn Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay, Đồng Tiền Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân Và Phương Thức Cho Vay.....	19
Điều 3. Lãi Suất, Phí Và Các Chi Phí Khác.....	20
Điều 4. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay.....	22
Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ.....	23
Điều 6. Nợ Quá Hạn, Chuyển Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi.....	23
Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ.....	24
Điều 8. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank.....	27
Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH.....	28
PHẦN C – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ VAY HẠN MỨC THẤU CHI	32
Điều 1. Giải thích từ ngữ:.....	32
Điều 2. Tài Khoản Thấu Chi, Hạn Mức Thấu Chi, Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Thấu Chi, Đồng Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay Và Điều Kiện Cấp Hạn Mức Thấu Chi.....	33
Điều 3. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác.....	34
Điều 4. Trả Nợ Gốc Và Lãi Tiền Vay.....	35
Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi.....	37
Điều 6. Xử Lý Trong Trường Hợp Vượt Hạn Mức Thấu Chi.....	37
Điều 7. Nợ Quá Hạn Và Chuyển Nợ Quá Hạn.....	37
Điều 8. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ.....	38

Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank.....	41
Điều 10. Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH.....	42
PHẦN D – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THẺ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG.....	45
Điều 1. Giải thích từ ngữ:.....	45
Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ.....	47
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng.....	51
Điều 4. Phát hành Thẻ phi vật lý.....	53
Điều 5. Phạm vi sử dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng Thẻ và Hạn mức sử dụng Thẻ.....	54
Điều 6. Lãi suất và trường hợp thu lãi.....	56
Điều 7. Các loại phí.....	59
Điều 8. Thanh toán và trả nợ.....	60
Điều 9. Thẻ chính và Thẻ phụ.....	61
Điều 10. Phát hành lại, gia hạn Thẻ, từ chối thanh toán Thẻ và thu giữ Thẻ.....	61
Điều 11. Tạm khóa, chấm dứt việc sử dụng Thẻ và Hạn mức tín dụng Thẻ.....	82
Điều 12. Cung cấp thông tin, hoàn trả tiền trên Thẻ chưa sử dụng hết.....	65
Điều 13. Đảm bảo an toàn và bảo mật trong sử dụng Thẻ.....	66
Điều 14. Tra soát, xử lý khiếu nại trong quá trình sử dụng Thẻ.....	67
Điều 15. Điều khoản điều kiện Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng.....	68
Điều 16. Điều khoản điều kiện của Chương trình quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ dành cho Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng VPBank khi tham gia (các) Chương trình trợ giá của Đối tác.....	71
Điều 17. Điều khoản điều kiện của Chương trình rút tiền qua Thẻ tín dụng VPBank khi thực hiện rút tiền qua kênh tổng đài 24/7 của VPBank.....	72
PHẦN E – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ SỐ HÓA VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DO VPBANK PHÁT HÀNH QUA ỨNG DỤNG THANH TOÁN DI ĐỘNG.....	72
Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ.....	72
Điều 2. Quy Định Chung.....	73
Điều 3. Đăng Ký, Sử Dụng, Thay Đổi, Chấm Dứt Việc Số Hóa Thẻ Vào Thiết Bị Di Động Và Thực Hiện Giao Dịch Thẻ Thông Qua Ứng Dụng Thanh Toán Di Động.....	74
Điều 4. Trách Nhiệm, Cam Kết Của Chủ Thẻ.....	76
Điều 5. Miễn Trừ Trách Nhiệm.....	78
Điều 6. Phí.....	78
Điều 7. Tuyên Bố Và Bảo Đảm.....	79

(Áp dụng kể từ ngày 15/11/22)

Điều kiện giao dịch chung này bao gồm các điều khoản ổn định do VPBank công bố trong từng thời kỳ để áp dụng cho tất cả các Khách hàng cá nhân được cấp tín dụng tại VPBank, bao gồm các cấu phần như sau:

1. **Phần A – Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung:** Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân được cấp tín dụng tại VPBank theo từng loại hình cấp tín dụng được quy định trong Điều kiện giao dịch chung này.
2. **Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Hạn Mức:** Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay từng lần hoặc vay hạn mức, bao gồm cả trường hợp vay từng lần và/hoặc vay hạn mức có tài sản bảo đảm và không tài sản bảo đảm (bao gồm cả vay qua kênh online).
3. **Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Hạn Mức Thấu Chi:** Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay hạn mức thấu chi, bao gồm cả trường hợp vay hạn mức thấu chi có tài sản bảo đảm và không tài sản bảo đảm (bao gồm cả vay qua kênh online).
4. **Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng:** áp dụng đối với Khách hàng cá nhân được cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại VPBank (bao gồm cả việc mở thẻ tín dụng qua kênh online).
5. **Phần E – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cung Cấp Và Sử Dụng Dịch Vụ Số Hóa Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng Do VPBank Phát Hành Qua Ứng Dụng Thanh Toán Di Động:** Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân đăng ký số hoá và thanh toán thẻ tín dụng qua Ứng dụng thanh toán di động.

Sau đây: (i) Các loại hình cấp tín dụng được đề cập từ Phần B đến Phần E nêu trên được gọi chung là "Dịch vụ tín dụng" và (ii) Phần B, Phần C, Phần D, Phần E được gọi riêng là "Phần Điều Khoản Và Điều Kiện Riêng".

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Đức Thịnh

PHẦN A – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)

Điều 1. Giải thích từ ngữ, Nguyên Tắc Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung

1. Giải Thích Từ Ngữ:

- a. **“VPBank/NH/Ngân hàng”**: Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. VPBank được hiểu bao gồm bất kỳ: Hội sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và các kênh bán hàng khác của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- b. **“Tài Sản Cầm Cốt/TSCC/Khoản Tiền Gửi/TSBĐ/ Tài sản bảo đảm”**: Là tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của KH, Bên thứ ba (nếu tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của Bên thứ ba) được mô tả chi tiết tại Văn kiện tín dụng và/hoặc các Hợp đồng bảo đảm.
- c. **“Điều kiện giao dịch chung”**: Là Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại VPBank áp dụng kể từ ngày 15/11/2022. Điều kiện giao dịch chung được VPBank thông báo công khai theo quy định của pháp luật.
- d. **“Bên cầm cố/Bên bảo đảm”**: Là chủ sở hữu TSCC/TSBĐ như có thông tin chi tiết nêu quy định tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm. Bên cầm cố/Bên bảo đảm là chính Bên vay trong trường hợp Bên vay sử dụng chính tài sản của mình để cầm cố và Bên cầm cố/Bên bảo đảm là bên thứ ba trong trường hợp Bên thứ ba này sử dụng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên vay.
- e. **“Dịch vụ tín dụng”**: Là các dịch vụ tín dụng do VPBank cung cấp cho Khách hàng cá nhân được quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này, bao gồm nhưng không giới hạn Dịch vụ vay từng lần, vay hạn mức, vay hạn mức thấu chi; cấp hạn mức tín dụng thẻ; mở và sử dụng Thẻ tín dụng của VPBank, bao gồm cả khoản vay/Thẻ tín dụng có tài sản bảo đảm và khoản vay/Thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm và bao gồm cả dịch vụ tín dụng qua kênh online.
- f. **“Khách hàng/KH”**: Là Khách hàng cá nhân được VPBank cấp tín dụng và được ghi nhận tại Văn kiện tín dụng.
- g. **“Văn kiện tín dụng”**: Là bất kỳ văn bản, chứng từ nào được giao kết giữa VPBank và Khách hàng (bao gồm cả chứng từ được giao kết theo phương thức điện tử) ghi nhận về việc cung cấp và sử dụng một hoặc một số Dịch vụ tín dụng cụ thể, được hiểu bao gồm cả các phụ lục đính kèm của các văn bản, chứng từ này. Thông tin về Văn kiện tín dụng được đề cập tại từng Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng của Dịch vụ tín dụng đó.
- h. **“Hợp đồng bảo đảm”**: Là Hợp đồng được ký giữa Bên cầm cố/Bên bảo đảm với VPBank để thế chấp/cầm cố tài sản/ký quỹ/đặc cọc nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ của Bên vay tại VPBank.
- i. **“OTP”**: là mật khẩu truy cập được sử dụng một lần cho mỗi giao dịch ngân hàng điện tử phát sinh.
- j. **“Kênh VPBank NEO/VPBank NEO” (trước đây là kênh VPBank Online)**: Là một trong các kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng trên Internet của VPBank, được VPBank cung cấp cho KH thông qua các phiên bản: website của VPBank, giao diện website/ứng dụng của VPBank được cài đặt trên thiết bị điện tử hoặc các phiên bản khác theo chính sách của VPBank từng thời kỳ. KH sau khi đăng nhập vào VPBank NEO bằng Tên Đăng Nhập, Mật Khẩu sẽ khởi tạo, thực hiện các thủ tục vay vốn và ký kết Hợp Đồng liên quan đến Dịch vụ tín dụng cụ thể với VPBank bằng phương thức điện tử phù hợp với thỏa thuận tại Hợp Đồng liên quan đến Dịch vụ tín dụng cụ thể và Hợp Đồng DV NHĐT.
- k. **“Dịch vụ Ngân hàng điện tử/Dịch vụ NHĐT/Dịch vụ”**: Là tất cả các dịch vụ hiện tại hay trong tương lai được VPBank cung cấp thông qua hệ thống ngân hàng điện tử, qua đó KH có thể thực

hiện các giao dịch, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mà không cần phải trực tiếp tới trụ sở Ngân hàng. Dịch vụ NHĐT bao gồm nhưng không giới hạn các Dịch vụ ngân hàng trên internet như VPBank Online,...; Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại như Phone Banking; Dịch vụ SMS Banking và các Dịch vụ NHĐT khác do VPBank triển khai từng thời kỳ.

- l. **“Hợp Đồng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử/Hợp Đồng DV NHĐT”**: Là thỏa thuận giữa VPBank và KH về việc cung ứng và sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của VPBank. Thỏa Thuận DV NHĐT được tạo lập bao gồm giấy, đơn, phiếu, dữ liệu đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của KH và Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với khách hàng cá nhân tại VPBank của NH và các Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế được VPBank niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
- m. **“FATCA” (Foreign Account Tax Compliance Act)**: Là đạo luật về Tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ.
- n. **“Ngày làm việc”**: Là các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 không bao gồm thứ 7, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của VPBank và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
- o. **“Giờ làm việc”**: là thời gian làm việc trong các ngày làm việc (không bao gồm thời gian giao dịch ngoài giờ) theo quy định của VPBank.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần A này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung tương ứng trong các Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng cụ thể, Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

2. Nguyên Tắc Áp Dụng Điều kiện giao dịch chung:

- a. Với mỗi Dịch vụ tín dụng cụ thể, Khách hàng đăng ký và sử dụng theo Văn kiện tín dụng.
- b. Bằng việc ký, xác nhận vào Văn kiện tín dụng (bao gồm cả chứng từ điện tử), Khách hàng và VPBank chấp nhận và cam kết:
 - i. Khách hàng sẽ tuân thủ đúng các điều khoản, điều kiện nêu tại Phần A - Các Điều Khoản Điều Kiện Chung và từng Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng mà Khách hàng sử dụng tại VPBank theo Văn kiện tín dụng. Khi đó, Phần A - Các Điều Khoản Điều Kiện Chung và từng Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng này sẽ là phụ lục gắn liền, không tách rời của Văn kiện tín dụng.
 - ii. Khách hàng đã được VPBank cung cấp đầy đủ các thông tin về phương pháp tính lãi, mức lãi suất áp dụng, nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh (trường hợp VPBank có áp dụng lãi suất điều chỉnh) theo quy định của pháp luật trước khi ký, xác nhận đồng ý với Văn kiện tín dụng.
 - iii. Khách hàng xác nhận đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ, chấp nhận và cam kết tuân thủ các điều khoản trong Điều kiện giao dịch chung này.
 - iv. Trường hợp Khách hàng đăng ký và được VPBank chấp thuận cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác (cho vay, phát hành Thẻ tín dụng,...) qua hệ thống ngân hàng điện tử, Khách hàng đồng ý và cam kết chịu sự ràng buộc và tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện quy định tại các chứng từ điện tử bao gồm nhưng không giới hạn đơn đăng ký, hợp đồng, thỏa thuận, điều kiện và điều khoản/điều kiện giao dịch chung hay bất kỳ chứng từ, thông điệp dữ liệu nào khác được ký kết bằng phương thức điện tử.
 - v. Khách hàng đồng ý với việc được đánh giá xếp hạng tín dụng thông qua những phân tích từ các nguồn dữ liệu công nghệ thông tin, viễn thông tại bên thứ ba, do bên thứ ba hoặc bên bất kỳ cung cấp cho VPBank để VPBank căn cứ và quyết định cho vay cũng như xây dựng/phát triển các sản phẩm, dịch vụ của VPBank.

fs

- vi. Trường hợp Khách hàng được phê duyệt vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán và KH có tài khoản nhận lương tại VPBank, Khách hàng đồng ý rằng Khách hàng phải bảo đảm sẽ có thêm tối thiểu 01 giao dịch nhận lương qua tài khoản nhận lương mở tại VPBank trong vòng 45 ngày kể từ ngày Hợp đồng cho vay có hiệu lực. Trường hợp vi phạm cam kết này, Khách hàng đồng ý rằng ngoài các trường hợp quy định tại các điều khoản trong **Điều kiện giao dịch chung này**, VPBank được quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay. Thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn do VPBank quyết định.
- vii. Đồng ý cho VPBank có quyền chi giải chấp (các) tài sản của Khách hàng đang bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ khác của Khách hàng hoặc của vợ/chồng Khách hàng hoặc các nghĩa vụ mà Khách hàng chỉ là một trong các Bên vay tại VPBank sau khi đã thực tế thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ phát sinh theo các Văn kiện tín dụng đã ký với VPBank bao gồm cả khoản vay phát sinh từ Văn kiện tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản; và các khoản tiền thu được từ việc xử lý (các) tài sản bảo đảm nêu trên cũng được sử dụng để thanh toán các khoản nợ được nêu tại Mục này với VPBank.
- c. Trường hợp bất kỳ nội dung nào trong Điều kiện giao dịch chung này khác với nội dung trong Văn kiện tín dụng thì nội dung trong Văn kiện tín dụng được ưu tiên áp dụng.

Điều 2. Phương Pháp Tính Lãi Trong Trường Hợp Cho Vay

Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:

1. Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày KH thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
2. Công thức tính tiền lãi:

Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi KH phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=) \sum (\text{Số dư thực tế nhân } (x) \text{ Số ngày duy trì số dư thực tế nhân } (x) \text{ Lãi suất tính lãi}) \text{ chia } (/) 365$, trong đó:

- a) Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà KH còn phải trả cho VPBank được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung và quy định của pháp luật.
- b) Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
- c) Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.

Điều 3. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay

1. Trường hợp VPBank cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản:
 - a) VPBank đồng ý cho KH vay vốn trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của KH, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.
 - b) KH đồng ý rằng trong suốt thời hạn vay vốn, nếu xảy ra bất cứ sự kiện nào mà theo nhận định đơn phương của VPBank là có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KH hoặc khiến KH không đủ điều kiện để được vay không có bảo đảm theo quy định của VPBank, thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày VPBank yêu cầu, KH phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố hoặc ký quỹ cho VPBank. Tài sản đưa vào cầm cố, thế chấp và/hoặc ký quỹ phải có giá trị (theo định giá của VPBank) đủ để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả

nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác của KH đối với VPBank và phải được VPBank chấp thuận. KH phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục bảo đảm tiền vay (công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm v.v...) theo quy định của pháp luật và quy định của VPBank. Nếu KH không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc thu xếp biện pháp bảo đảm khác theo đúng quy định này trong thời hạn nêu trên, thì VPBank có quyền thu hồi nợ trước hạn.

- c) Không phụ thuộc vào quy định tại Điều này, trường hợp KH có bất kỳ tài sản bảo đảm nào tại VPBank, VPBank được quyền chỉ giải tỏa tài sản bảo đảm này cho KH khi KH đã hoàn tất mọi nghĩa vụ với VPBank, bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
2. Trường hợp VPBank cấp tín dụng có bảo đảm 100% bằng Tiền gửi tiết kiệm/Tiền gửi có kỳ hạn bằng phương tiện điện tử của chính KH tại VPBank:
- a) Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Các Bên thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm là cầm cố tài sản theo quy định tại Văn kiện tín dụng và các biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Các Bên.
 - b) KH xác nhận đồng ý rằng trường hợp (các) Khoản Tiền Gửi không tự động kéo dài thời hạn gửi tiền (bao gồm cả gốc, lãi) thì hệ thống của VPBank sẽ tự động chuyển (các) Khoản Tiền Gửi này thành tự động kéo dài thời hạn gửi tiền.
 - c) KH có nghĩa vụ giao Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố cho VPBank như quy định tại Văn kiện tín dụng. Sau khi KH đã thực hiện xong Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, VPBank sẽ thực hiện chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Cầm Cố và trả lại toàn bộ Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố đã nhận cho KH. Nếu KH gồm nhiều người, VPBank được quyền trả lại Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố cho bất kỳ người nào trong số những người thuộc KH.
 - d) Ngoài các trường hợp như quy định tại Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền xử lý Tài Sản Cầm Cố để thu hồi nợ mà không cần có ủy quyền, thỏa thuận, chấp thuận nào từ KH trong các trường hợp sau:
 - i. KH vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng và các văn bản liên quan ký kết với VPBank;
 - ii. Bất kỳ người nào thuộc KH chết hoặc bị tòa án tuyên bố chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, ly hôn, bỏ trốn, bị khởi tố, chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank hoặc liên quan tới các tranh chấp, khiếu kiện có liên quan tới Tài Sản Cầm Cố;
 - iii. Các trường hợp khác mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay. Trong các trường hợp này, VPBank sẽ thông báo bằng văn bản cho KH biết lý do trước khi xử lý Tài Sản Cầm Cố.
 - e) Phương thức xử lý Tài Sản Cầm Cố: Ngoài các phương thức như quy định tại Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền xử lý Tài Sản Cầm Cố theo một, một số các phương thức sau:
 - i. Bán, chuyển, chuyển giao quyền sở hữu Tài Sản Cầm Cố cho bên thứ ba và dùng số tiền thu được để thu hồi nợ;
 - ii. VPBank nhận chính Tài Sản Cầm Cố để thay thế cho nghĩa vụ trả nợ của KH (nhận gán nợ).
 - f) VPBank sẽ thông báo về việc xử lý Tài Sản Cầm Cố cho KH. Việc xử lý Tài Sản Cầm Cố sẽ được VPBank thực hiện ngay sau khi thông báo. Việc thông báo được VPBank thực hiện qua một hoặc một số phương thức bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi thông báo trực tiếp bằng văn bản cho KH, gửi thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, gửi qua các phương tiện điện tử dưới hình thức

đk

thông điệp dữ liệu như cuộc gọi điện thoại, gửi thư điện tử, gửi tin nhắn SMS, fax, các ứng dụng nhắn tin (zalo, messenger, viber...), các phương thức khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. Việc xử lý Tài Sản Cầm Cố được VPBank thực hiện từ ngày xử lý theo thông báo của VPBank cho tới khi VPBank xử lý xong toàn bộ Tài Sản Cầm Cố.

- g) VPBank sẽ có toàn quyền xử lý Tài Sản Cầm Cố theo đúng phương thức đã thỏa thuận tại Điều này mà không cần có ủy quyền của KH hay bất kỳ thỏa thuận, chấp thuận nào khác từ KH. VPBank được quyền ký kết tất cả các Văn kiện tín dụng, giấy tờ, văn bản, thực hiện tất cả các thủ tục và tự quyết tất cả các vấn đề liên quan cho đến khi hoàn thành việc xử lý Tài Sản Cầm Cố. KH phải bảo đảm bàn giao Tài Sản Cầm Cố kèm theo đầy đủ Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố (nếu KH và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) vì bất kỳ lý do gì đang quản lý Tài Sản Cầm Cố và/hoặc Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố). KH cam kết sẽ phối hợp và hoàn tất mọi thủ tục theo quy định của pháp luật để VPBank có thể xử lý Tài Sản Cầm Cố và không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào khác gây cản trở, chống đối VPBank. Nếu KH không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết tại Khoản này dẫn đến việc VPBank không thể xử lý được Tài Sản Cầm Cố thì KH phải bồi thường cho VPBank toàn bộ các thiệt hại xảy ra. Đồng thời, VPBank và/hoặc Bên thứ ba do VPBank ủy quyền có quyền thực hiện tiếp nhận, giữ, chiếm giữ Tài Sản Cầm Cố và/hoặc Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố để xử lý theo quy định của Văn kiện tín dụng và quy định của pháp luật.
- h) Các Bên đồng ý rằng, khi VPBank thực hiện bù trừ nghĩa vụ, xử lý TSCC là Tiền gửi tiết kiệm/Tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank theo quy định tại Điều này, bản gốc Giấy tờ về TSCC sẽ được VPBank quản lý theo quy định về rút/thanh toán tiền gửi tiết kiệm/Chứng chỉ tiền gửi/tiền gửi có kỳ hạn, không thực hiện trả lại cho Bên cầm cố. Số tiền còn thừa sau khi VPBank thực hiện việc bù trừ, xử lý TSCC (nếu có) sẽ được VPBank chuyển vào tài khoản thanh toán bất kỳ của Bên cầm cố mở tại VPBank. Trường hợp Bên cầm cố không có tài khoản thanh toán, khoản tiền này sẽ được VPBank quản lý và không được hưởng lãi cho đến khi Bên cầm cố đến nhận hoặc xử lý theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
- i) Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Cầm Cố không đủ để thanh toán cho toàn bộ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, KH phải tiếp tục dùng tất cả các tài sản khác để thanh toán phần còn thiếu cho VPBank. Toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của VPBank. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
- j) Trường hợp Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm được bảo đảm bằng nhiều tài sản của một hoặc nhiều chủ tài sản khác nhau (trong đó có Tài Sản Cầm Cố), KH đồng ý rằng VPBank có các quyền như sau:
- Khi KH còn bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank, VPBank có quyền giữ lại tất cả các tài sản này làm tài sản bảo đảm, hoặc giải tòa một, một số tài sản trong số đó tương ứng với phần nghĩa vụ đã giảm đi. Việc giải tòa tài sản nào trước, tài sản nào sau là do VPBank toàn quyền quyết định;
 - Khi xử lý tài sản để thu hồi nợ, VPBank có quyền lựa chọn Tài Sản Cầm Cố theo Văn kiện tín dụng hoặc bất kỳ tài sản nào để xử lý, không nhất thiết phải xử lý tất cả các tài sản
- k) Trường hợp KH và/hoặc Bên cầm cố còn có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào với VPBank, VPBank được quyền từ chối chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Cầm Cố cho đến khi KH và Bên cầm cố hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ tài chính với VPBank. Quyền từ chối chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Cầm Cố này của VPBank được bảo đảm trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào việc nghĩa vụ tài chính nêu trên có hay không thuộc Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm đã hay chưa được KH và/hoặc Bên cầm cố hoàn thành với VPBank. Trường hợp VPBank xử lý

Tài Sản Cầm Cố để thu hồi nợ, tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Cầm Cố sẽ được VPBank sử dụng để thu hồi toàn bộ các nghĩa vụ của KH (bao gồm Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản này).

1) **Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Cầm Cố**

i. Quyền của Bên cầm cố:

- Được nhận lại TSCC và Giấy tờ về TSCC sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với VPBank theo đúng thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

ii. Nghĩa vụ của Bên cầm cố:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến TSCC theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- Giao Giấy tờ về TSCC cho VPBank theo đúng thỏa thuận.
- Thông báo cho VPBank về quyền của người thứ ba đối với TSCC, nếu có; trường hợp không thông báo thì VPBank có quyền hủy Văn kiện tín dụng và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với TSCC tùy theo quyết định của VPBank.

iii. Bên cầm cố có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp VPBank cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản khác được VPBank chấp thuận trong từng thời kỳ:

- a) Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.
- b) Trường hợp KH còn có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào với VPBank, VPBank được quyền từ chối chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Bảo Đảm cho đến khi KH hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ tài chính với VPBank. Quyền từ chối chấm dứt bảo đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm này của VPBank được bảo đảm trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào việc nghĩa vụ tài chính nêu trên có hay không thuộc Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm đã hay chưa được KH hoàn thành với VPBank. Trường hợp VPBank xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thu hồi nợ, tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ được VPBank sử dụng để thu hồi toàn bộ các nghĩa vụ của KH (bao gồm Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng).
- c) Trường hợp VPBank có yêu cầu về việc mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm, mua bảo hiểm cho Khoản vay, ... KH có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm hoặc bảo đảm Bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm, mua bảo hiểm cho Khoản vay, ... theo đúng yêu cầu của VPBank bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu về Công ty bảo hiểm, loại bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản bảo hiểm/giá trị bảo hiểm, phạm vi và điều kiện bảo hiểm, đồng thời chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm cho VPBank. Trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Khoản này, VPBank được quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:
 - i. Mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm, mua bảo hiểm cho Khoản vay, ... và trích bất kỳ tài khoản, tiền gửi nào của KH mở tại VPBank để thanh toán tiền phí bảo hiểm, trường hợp tài khoản của KH không có hoặc không có đủ tiền để thanh toán tiền phí bảo hiểm, KH phải nhận nợ với bất

h.

kỳ số tiền phí bảo hiểm nào đã được VPBank thanh toán theo các điều kiện nhận nợ (lãi suất, thời hạn) theo thông báo của VPBank. Trường hợp VPBank mua bảo hiểm thay cho KH/Bên bảo đảm, thì VPBank được lựa chọn Tổ chức bảo hiểm và quyết định tất cả các vấn đề liên quan khi mua bảo hiểm.

- ii. Tăng lãi suất cho vay đối với Khoản vay của KH theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
- iii. Phạt vi phạm đối với KH theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- iv. Dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ Khoản vay theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

Điều 4. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Vay Vốn

1. KH cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. KH chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của VPBank bị ảnh hưởng.
2. Bằng việc ký, xác nhận vào Văn kiện tín dụng, KH cam kết các thông tin nêu tại Văn kiện tín dụng là chính xác, cập nhật và đầy đủ, đúng sự thật (bao gồm cả thông tin về Mã số thuế). KH đồng ý để VPBank xác thực các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà VPBank có được. Trường hợp KH đăng ký và được VPBank chấp thuận cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác (cho vay, phát hành Thẻ tín dụng, ...) qua hệ thống ngân hàng điện tử, KH đồng ý và cam kết chịu sự ràng buộc và tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện quy định tại các chứng từ điện tử bao gồm nhưng không giới hạn đơn đăng ký, hợp đồng, thỏa thuận, điều kiện và điều khoản/điều kiện giao dịch chung hay bất kỳ chứng từ, thông điệp dữ liệu nào khác được ký kết bằng phương thức điện tử.
3. Trong quá trình vay vốn, KH có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của VPBank:
 - a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh KH sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của VPBank;
 - b) Báo cáo thực trạng tài chính/tình hình thu nhập của KH, của Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ, nội dung, hình thức và thời gian báo cáo thực hiện theo yêu cầu của VPBank.
 - c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;
 - d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của VPBank.
4. KH, Bên cầm cố đồng ý cung cấp cho VPBank tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của VPBank nhằm tuân thủ các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt. KH đồng ý rằng VPBank có thể chia sẻ bất kỳ thông tin liên quan đến KH và/hoặc giao dịch của KH với bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý hoặc Tòa án trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan này và/hoặc theo quy định của pháp luật.
5. Ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, KH có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho VPBank trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) KH thay đổi Hộ khẩu thường trú, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa Các Bên.
 - b) Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ thay đổi trụ sở, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa Các Bên.

- c) Xảy ra một trong các trường hợp dẫn đến VPBank có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn như quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
6. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, KH, Bên cầm cố đồng ý với các biện pháp xử lý mà VPBank áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho VPBank phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
7. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, VPBank và KII cùng thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng như sau:
- a) KH đồng ý cho VPBank cung cấp thông tin tín dụng của KH tại VPBank cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng (“Công ty thông tin tín dụng”) mà VPBank là tổ chức tham gia.
- b) Tại thời điểm ký kết Văn kiện tín dụng, KH đã được VPBank thông tin về Công ty thông tin tín dụng mà VPBank tham gia như sau: Công Ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007. Trường hợp VPBank là tổ chức tham gia của bất kỳ Công ty thông tin tín dụng nào khác, VPBank sẽ thông báo cho KII trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày VPBank cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng đó hoặc trong một thời hạn khác theo quy định của pháp luật. KH có nghĩa vụ thông báo lại cho Bên cầm cố, Bên bảo đảm các nội dung nhận được từ VPBank theo quy định tại Điều này.
- c) Nội dung thông tin tín dụng VPBank được cung cấp bao gồm các thông tin là dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của KH tại VPBank bao gồm nhưng không giới hạn thông tin định danh, lịch sử cấp tín dụng, lịch sử trả nợ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ... và các thông tin khác được cung cấp/thu thập theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin tín dụng sẽ được VPBank thực hiện phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.
- d) Trường hợp Công ty thông tin tín dụng mà VPBank tham gia bị thu hồi Giấy chứng nhận, VPBank sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của KII cho Công ty thông tin tín dụng đó và KH đồng ý rằng thông tin tín dụng của KH sẽ được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. VPBank sẽ thông báo với KH về việc xử lý thông tin tín dụng của KII trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày VPBank nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.
- e) Để tránh hiểu nhầm, các bên đều hiểu và thống nhất rằng hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho Ngân hàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác vẫn được thực hiện theo đúng quy định.

Điều 5. Cam Kết, Bảo Đảm Và Các Thỏa Thuận Khác Trong Trường Hợp Khoản Vay, Hạn Mức Được Bảo Đảm 100% Bằng Tiền Gửi Tiết Kiệm/Tiền Gửi Có Kỳ Hạn Của Chính KH Tại VPBank

1. KH cam kết Tài Sản Cầm Cố thuộc quyền sở hữu riêng, toàn bộ, hợp pháp của KH. KH chưa có bất kỳ hành động hoặc cam kết hành động nào làm thay đổi hoặc có thể làm thay đổi đến quyền sở hữu của KII đối với Tài Sản Cầm Cố bao gồm nhưng không giới hạn hoạt động chuyển nhượng, tặng cho, nhập Tài Sản Cầm Cố vào tài sản chung, góp vốn...
2. KH, Bên cầm cố cam kết Tài Sản Cầm Cố không bị hạn chế giao dịch (bao gồm cả giao dịch cầm cố theo Văn kiện tín dụng) bởi bất kỳ cam kết, thỏa thuận nào khác giữa KII và/hoặc Bên cầm cố với bất

ký cá nhân hay tổ chức nào khác (bao gồm cả thỏa thuận giữa KH và/hoặc Bên cầm cố với vợ/chồng KH và/hoặc Bên cầm cố).

3. KH và/hoặc Bên cầm cố có toàn quyền xác lập giao dịch cầm cố và các giao dịch khác liên quan tới Tài Sản Cầm Cố với VPBank. Giao dịch cầm cố theo Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các tài liệu liên quan do KH và/hoặc Bên cầm cố xác lập có đầy đủ giá trị pháp lý và được bảo vệ, công nhận bởi pháp luật.
4. KH và/hoặc Bên cầm cố không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, góp vốn, dùng Tài Sản Cầm Cố để bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc thực hiện các hành vi tương tự đối với Tài Sản Cầm Cố trong suốt thời hạn hiệu lực của Văn kiện tín dụng, trừ trường hợp được Người có thẩm quyền của VPBank đồng ý trước bằng văn bản. Nếu KH và/hoặc Bên cầm cố cố tình thực hiện các hành vi trên khi chưa được sự đồng ý của VPBank hoặc cố ý giấu giếm thông tin liên quan tới quyền (sở hữu, sử dụng ...) của tổ chức, cá nhân khác với Tài Sản Cầm Cố thì được coi là KH và/hoặc Bên cầm cố có hành vi lừa đảo/lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của VPBank và VPBank có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với KH và/hoặc Bên cầm cố.
5. KH và/hoặc Bên cầm cố sẽ thông báo cho VPBank ngay khi: (i) KH bị khiếu nại, bị kiện đòi mà việc khiếu nại, kiện đòi đó có liên quan hoặc ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng tới Tài Sản Cầm Cố và/hoặc việc thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của KH; hoặc (ii) ngay khi biết được cơ quan nhà nước có kế hoạch thu hồi một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Cầm Cố; hoặc (iii) biết được về quyền của người thứ ba đối với Tài Sản Cầm Cố.
6. KH và Bên cầm cố chịu mọi rủi ro đối với Tài Sản Cầm Cố trong suốt thời hạn của Văn kiện tín dụng. Trong mọi trường hợp, KH và/hoặc Bên cầm cố cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này. KH và/hoặc Bên cầm cố đã nghiên cứu, hiểu rõ về Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và hiểu rõ, chấp nhận hoàn toàn việc sử dụng Tài Sản Cầm Cố để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
7. KH cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, cam kết của mình trong Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Trường hợp vi phạm cam kết, KH và Bên cầm cố có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho VPBank theo đúng yêu cầu của VPBank.
8. KH và/hoặc Bên cầm cố đồng ý rằng VPBank có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về KH và/hoặc Bên cầm cố, tài sản của KH và/hoặc Bên cầm cố và các thông tin khác liên quan tới KH và/hoặc Bên cầm cố để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của VPBank), bằng việc ký kết Văn kiện tín dụng, KH và/hoặc Bên cầm cố ủy quyền cho VPBank đại diện, thay mặt KH liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của KH và gia đình KH; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của KH; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. KH và/hoặc Bên cầm cố đồng ý rằng VPBank được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

Điều 6. Xử lý nợ

Trường hợp KH không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng, VPBank được quyền áp dụng các biện pháp theo nhận định của VPBank để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều khoản giao dịch chung này;

2. Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
3. Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của KH tại VPBank;
4. Bù trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank đối với KH (nếu có);
5. Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của KH với VPBank thì KH có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho VPBank.

Điều 7. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

1. Trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa VPBank và KH, KH phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, KH có nghĩa vụ bồi thường cho VPBank toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà VPBank phải gánh chịu do vi phạm của KH.
2. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại như quy định tại Khoản 1 Điều này, KH đồng ý bồi hoàn cho VPBank đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư, các chi phí phát sinh khác mà VPBank đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của KH và các chi phí, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại mà VPBank phải thanh toán cho Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra.
3. Việc thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và tiền bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của VPBank và VPBank không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào. Khi phát sinh vi phạm, VPBank sẽ thông báo cho KH về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, số tiền bồi hoàn và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của KH.
4. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
5. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của VPBank trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi KH vi phạm theo Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

Điều 8. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp

1. Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này được điều chỉnh bởi luật pháp hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Điều kiện giao dịch chung này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không thể cưỡng chế thi hành bởi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì những điều khoản hay điều kiện đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện, các phần hoặc các khoản mục khác của Điều kiện giao dịch chung này.
3. Những nội dung nào chưa được quy định trong Điều kiện giao dịch chung này sẽ thực hiện theo các quy định sản phẩm, dịch vụ tín dụng của NH và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Văn kiện tín dụng. Điều kiện giao dịch chung này sẽ được các bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các bên thống nhất rằng:
- Địa chỉ của các bên như nêu tại Văn kiện tín dụng là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp KH thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho NH bằng văn bản, thì được hiểu là KH cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và NH có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. KH chấp nhận việc Tòa Án xét xử vắng mặt KH, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của KH.
 - NH có toàn quyền lựa chọn và yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở chính của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là Tòa Án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, kể cả khi không tìm kiếm được địa chỉ của KH vì bất cứ lý do gì.

Điều 9. Trao đổi thông tin, cung cấp thông tin và các điều khoản sửa đổi, bổ sung

1. Nhằm đảm bảo được cung cấp thông tin kịp thời trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ của NH, KH đồng ý nhận thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về các sản phẩm, dịch vụ, ưu đãi, chương trình, hoạt động của NH thông qua tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi điện thoại và các phương tiện khác được NH triển khai từng thời kỳ. Nếu từ chối nhận các thông tin nêu trên, KH sẽ gọi đến hotline 1900545415 hoặc theo các phương thức khác được NH thông báo từng thời kỳ trên website chính thức của NH.
2. VPBank sẽ thông báo cho KH các vấn đề liên quan tới khoản vay, tài sản cầm cố theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này cũng như các thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về sản phẩm, dịch vụ, chương trình, ưu đãi, hoạt động,... của VPBank và/hoặc các đối tác của VPBank bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của VPBank đối với khoản vay, Tài sản cầm cố theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này với thời gian và số lượng không hạn chế bằng một trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của KH, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của KH, gửi email tới địa chỉ email KH được KH đăng ký với VPBank, niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của VPBank (website: <http://www.vpbank.com.vn>). Đối với các nội dung VPBank thông báo cho KH bằng văn bản theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này, các văn bản liên quan hoặc quy định của pháp luật, Các Bên đồng ý rằng, văn bản có thể được VPBank lập và gửi bằng bản giấy hoặc bằng các thông điệp dữ liệu qua tin nhắn SMS, email... cho KH theo quy định tại Điều này.
3. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của KH như nêu tại Khoản 2 nêu trên là địa chỉ, số điện thoại và email của KH như nêu tại phần đầu của Văn kiện tín dụng. KH được coi là đã nhận được thông báo của VPBank khi VPBank đã thông báo bằng một/một số trong các phương thức nêu trên tới địa chỉ của KH hoặc đến số điện thoại hoặc đến email được KH đăng ký với VPBank hoặc niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc đã thông báo trên website của VPBank. VPBank không có nghĩa vụ phải xác minh việc KH đã nhận được các thông báo này. Trường hợp KH có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với VPBank thì phải thông báo cho VPBank bằng văn bản; nếu không thông báo thì VPBank có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như KH đã nhận được thông báo khi VPBank thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc KH.
4. Trường hợp KH có nhu cầu nhận Hợp Đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng/Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được giao kết giữa VPBank và KH liên quan tới việc cấp Hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng Thẻ, KH đến bất kỳ Chi nhánh nào của NH để được

cung cấp.

5. Cho mục đích tuân thủ quy định pháp luật; mục đích xây dựng, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm, dịch vụ và thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động hợp pháp khác của VPBank (*bao gồm cả hoạt động thu hồi nợ*); và/hoặc mục đích tạo điều kiện để KH có thể tiếp cận và sử dụng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ do VPBank hoặc các bên liên quan, các đối tác khác cung cấp, KH đồng ý rằng VPBank có quyền sử dụng các thông tin cá nhân của KH, thông tin từ các văn bản, tài liệu do KH cung cấp và thông tin các giao dịch của KH tại VPBank để cung cấp cho: (i) các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật; (ii) các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng, đánh giá tín nhiệm, kiểm toán; (iii) các công ty con, công ty liên kết, công ty thành viên của VPBank; (iv) các đối tác kinh doanh, đối tác liên quan có hợp tác với VPBank để phát triển, cung cấp hoặc liên quan tới việc phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của VPBank; (v) các cá nhân, đại lý, nhà thầu hay các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ có ký kết hợp đồng, thỏa thuận với VPBank liên quan tới các hoạt động của VPBank; (vi) các bên liên quan khác mà VPBank thấy là cần thiết để đáp ứng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của KH và/hoặc của VPBank; và/hoặc (vii) người thân của KH (được hiểu bao gồm nhưng không giới hạn vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh, chị, em, bạn bè, ...), bên khác bất kỳ đồng ý thanh toán dư nợ vay/dư nợ thẻ tín dụng của KH cho VPBank và/hoặc phối hợp, hỗ trợ VPBank trong hoạt động thu hồi nợ theo quy định của VPBank.
6. Trường hợp KH sử dụng thẻ, mọi thông báo, yêu cầu của KH phải được gửi tới NH theo một trong các phương thức sau đây: Bảng văn bản, qua số điện thoại (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác do NH thông báo từng thời kỳ hoặc điểm giao dịch gần nhất của NH. Tùy từng giao dịch mà KH yêu cầu, sau khi nhận được thông báo của KH qua các phương thức trên, NH có thể yêu cầu KH hoàn thiện các thủ tục liên quan trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.
7. KH được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của NH nếu KH tiếp tục duy trì khoản vay; tiếp tục sử dụng hạn mức thấu chi; tiếp tục duy trì hạn mức tín dụng thẻ, Thẻ tín dụng tại NH sau thời điểm NH thông báo.

Điều 10. Ngôn Ngữ

Điều Kiện Giao Dịch Chung này được lập bằng Tiếng Việt. Trong trường hợp các Văn kiện tín dụng hay mẫu hình cung cấp Dịch vụ tín dụng (nếu có) được lập hay thể hiện bằng nhiều thứ tiếng thì bản tiếng Việt là bản có giá trị pháp lý áp dụng, bản dịch dưới các loại tiếng khác chỉ có giá trị tham khảo.

Điều 11. Tuân thủ FATCA, Cam kết của KH và/hoặc Bên cầm cố đối với quy định về phòng chống tham nhũng; Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố

1. KH xác nhận rằng (i) KH đã được NH thông báo về Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ đạo luật FATCA dành cho Chủ thẻ cá nhân trên website của NH (www.vpbank.com.vn) ("**Điều khoản và Điều kiện FATCA**"); (ii) đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung trong bản Điều khoản và Điều kiện FATCA này; (iii) đồng ý rằng NH có quyền thay đổi (sửa đổi, bổ sung, thay thế) các nội dung của bản Điều khoản và Điều kiện FATCA trong từng thời kỳ theo quyết định của NH mà không phải thông báo trước hoặc nhận được sự đồng ý của KH.
2. KH cam kết rằng tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tái chính khác của Khách Hàng theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ các quy định nào của pháp luật (*bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố*).
3. KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố hoàn toàn hiểu rõ việc VPBank không yêu cầu KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố hay người thân của KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố đưa tiền cho

đ/c

cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của VPBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho VPBank để hỗ trợ VPBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH và/hoặc Chủ thẻ trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với VPBank, hỗ trợ VPBank trong hoạt động xử lý nợ,...; VPBank chỉ thu các khoản tiền (gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác của KH và/hoặc Chủ thẻ) phù hợp với quy định của pháp luật và được thỏa thuận với KH và/hoặc Chủ thẻ;

4. KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố cam kết (i) không hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc: đưa tiền, quà, hoặc gợi ý sẽ đưa tiền, quà, các lợi ích vật chất khác, kể cả việc chiêu đãi, ăn uống hay giúp đỡ đối với cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của VPBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho VPBank để hỗ trợ VPBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH và/hoặc Chủ thẻ, hỗ trợ VPBank trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi; và (ii) không thực hiện các hành vi gian lận, vi phạm quy định, quy trình của VPBank, vi phạm quy định của pháp luật;
5. Nếu biết, phát hiện hoặc nhận được các gợi ý, đòi hỏi, yêu cầu về việc đưa, nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào của cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của NH và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho VPBank để hỗ trợ VPBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH và/hoặc Chủ thẻ, hỗ trợ NH trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi, KH và/hoặc Chủ thẻ sẽ thông báo ngay cho NH thông qua một trong các kênh tiếp nhận thông tin sau đây: sukientuanthu@vpbank.com.vn; hoặc số điện thoại 024.73059129 hoặc tổng đài 1900545415 hoặc kênh liên hệ khác được NH triển khai từng thời kỳ;
6. Trong trường hợp vi phạm các cam kết tại Điều này, KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm của mình, đồng thời từ bỏ các quyền khiếu nại đối với VPBank.
7. **Đối với Chủ thẻ là Cán bộ nhân viên làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp:**
 - a) Trường hợp Hạn mức tín dụng Thẻ, Thẻ tín dụng của Chủ thẻ được cấp, phát hành theo chính sách dành riêng cho KH là Cán bộ nhân viên của các tổ chức, doanh nghiệp bao gồm cả NH (sau đây gọi chung là "Doanh nghiệp"), Chủ thẻ đồng ý rằng khi Chủ thẻ nghỉ việc tại Doanh nghiệp vì bất kỳ lý do nào (do hết thời hạn hợp đồng lao động, bị sa thải, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Doanh nghiệp,...), tùy thuộc vào chính sách của NH từng thời kỳ, NH có thể xem xét áp dụng một hoặc một số cách thức xử lý như sau:
 - (i) Chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp cho KH và thực hiện đóng Thẻ.
 - (ii) Điều chỉnh Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ đã cấp cho KH. Hạn mức được điều chỉnh sẽ được NH thông báo cho KH theo phương thức phù hợp với Điều kiện giao dịch chung này.
 - (iii) Điều chỉnh các mức lãi suất, phí,... phù hợp với chính sách của NH từng thời kỳ.
 - (iv) Yêu cầu KH cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu hoặc bổ sung các điều kiện cần thiết để NH xem xét và quyết định việc cho phép KH tiếp tục duy trì Hạn mức tín dụng Thẻ.
 - b) Trường hợp KH không bị NH chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ và nếu KH tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi đã nghỉ việc tại Doanh nghiệp, KH được coi là đồng ý với tất cả các chính sách điều chỉnh của NH.

Điều 12. Sự Kiện Bất Khả Kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà mỗi bên hoặc các bên trong Văn kiện tín dụng không thể lường trước được và không thể khắc phục được để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Các bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau được coi là sự kiện bất khả kháng:
 - a) Chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước.
 - b) Quyết định, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức thế quốc tế, các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài có liên quan đến các hoạt động phòng chống rửa tiền, phòng chống gian lận, cấm vận trừng phạt, chống tài trợ khủng bố,...
 - c) Sự cố đường truyền, điện, mạng, thiết bị, ví rút, các lỗi kỹ thuật, ... xảy ra bất ngờ, nằm ngoài khả năng kiểm soát của NH hoặc phát sinh do sự gián đoạn trong việc cung cấp dịch vụ từ các nhà cung cấp, bên thứ ba cung cấp dịch vụ cho NII.
 - d) Các sự kiện mà NH đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật nhưng không thể khắc phục được.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, NII trong phạm vi khả năng có thể sẽ thực hiện thông báo cho KH/Chủ thể được biết, áp dụng tối đa các biện pháp để hạn chế, khắc phục sự cố, bảo đảm việc cung cấp dịch vụ cho KH/Chủ thể một cách liên tục. Không phụ thuộc vào quy định tại Khoản này, việc một trong các bên/các bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng dẫn đến không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại yêu cầu bồi thường, phạt vi phạm và các quyền khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

Điều 13. Hiệu Lực Và Điều Khoản Thi Hành

1. Điều Khoản Giao Dịch Chung này có hiệu lực kể từ ngày áp dụng như nêu tại phần đầu Điều Khoản Giao Dịch Chung này và thay thế các Bản điều kiện giao dịch chung sau:
 - Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Cấp Tín Dụng Dành Cho Khách Hàng Cá Nhân Tại VPBank (Áp dụng kể từ ngày 07/11/2022);
 - Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Cho Vay Theo Hạn Mức Thấu Chi Trên Tài Khoản Thanh Toán Qua VPBank NEO Theo Gói Sản Phẩm Tiền Gửi Có Kỳ Hạn Bảo Chứng Thấu Chi (Áp dụng kể từ ngày 15/08/2021).
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Phần A - Các điều khoản và điều kiện chung sẽ được thực hiện theo từng Phần về Các điều khoản và điều kiện riêng tương ứng với loại hình Dịch vụ tín dụng Khách hàng sử dụng, theo quy định về từng loại hình Dịch vụ tín dụng của VPBank, các cam kết, thỏa thuận khác giữa Khách hàng với VPBank (nếu có) và theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác biệt nội dung giữa Phần A này và Phần về Các điều khoản và điều kiện riêng thì quy định tại các Phần về Các điều khoản và điều kiện riêng có giá trị ưu tiên áp dụng.
3. Trường hợp có điều khoản nào đó của Điều kiện giao dịch chung này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. VPBank sẽ xem xét để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Trường hợp một trong Các Bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại văn bản, thỏa thuận được ký kết bởi Khách hàng và/hoặc VPBank liên quan đến Dịch vụ tín dụng, và Điều Khoản Giao Dịch Chung này gây thiệt hại cho bên kia thì phát chịu trách nhiệm bồi thường tất cả các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp phát sinh cho bên bị thiệt hại.
5. Ngoại trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa VPBank và Khách hàng, Điều kiện giao dịch chung này áp dụng cho tất cả các Khách hàng cá nhân được cấp tín dụng tại VPBank kể từ ngày Điều kiện giao dịch chung này được áp dụng (được hiểu bao gồm cả các Khách hàng cá nhân đã được VPBank cung cấp tín dụng trước thời điểm có hiệu lực của Điều kiện giao dịch chung này theo phương thức giao kết Văn kiện tín dụng và chấp thuận điều kiện giao dịch chung tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng cụ

thế).

PHẦN B – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ VAY TỪNG LẦN VÀ/HOẶC VAY HẠN MỨC

(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

1. **“KH/Bên vay”**:
 - Là Bên vay có thông tin chi tiết như nêu tại Văn kiện tín dụng.
 - Đồng thời là Bên cầm cố trong trường hợp khoản vay bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank.
2. **“Khoản Vay”**: Là số tiền VPBank cho KH vay theo phương thức cho vay từng lần hoặc Cho vay theo hạn mức như quy định tại Văn kiện tín dụng. Đối với trường hợp Cho vay từng lần giải ngân nhiều lần và Cho vay theo hạn mức, với mỗi lần giải ngân VPBank và KH sẽ ký Khế ước nhận nợ để thỏa thuận và ghi nhận các nội dung liên quan đến số tiền cho vay, khoản vay được giải ngân. Khế ước nhận nợ này là một phần không tách rời của Văn kiện tín dụng.
3. **“Giấy Đăng ký”**: Là tài liệu, văn bản dưới bất kỳ hình thức, tên gọi nào trong đó có ghi nhận nội dung đăng ký vay vốn theo phương thức cho vay từng lần tại quầy giao dịch của VPBank và khoản vay này không có tài sản bảo đảm mà KH đã ký, xác nhận đồng ý. Đồng thời với việc đăng ký vay vốn theo tài liệu, văn bản nêu trên, KH có thể kết hợp đăng ký sử dụng một, một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác bao gồm nhưng không giới hạn mở tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử,...
4. **“Đề nghị vay vốn”**: Là nội dung ghi nhận các đề nghị vay vốn của KH tại Giấy Đăng ký. Trên cơ sở Đề nghị vay vốn của KH và các hồ sơ, tài liệu do KH cung cấp, VPBank sẽ xem xét, thẩm định và quyết định cho vay đối với KH.
5. **“Xác nhận chấp thuận của VPBank”**: Là các nội dung chấp thuận cho vay của VPBank đối với KH theo nội dung tại Giấy đăng ký.
6. **“Hợp Đồng”**: Là Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản

bảo đảm của bên thứ ba) và VPBank, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, (các) Khế ước nhận nợ và văn bản khác có liên quan

7. “**Văn kiện tín dụng**”:

Khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ tín dụng nêu tại Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Hạn Mức, Văn kiện tín dụng có thể là:

- Hợp đồng cho vay áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh VPBank NEO được ký kết giữa Khách hàng và VPBank trên Kênh VPBank NEO, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan của Hợp đồng cho vay này (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần không có tài sản bảo đảm trên kênh VPBank NEO hoặc kênh online khác của VPBank*).
- Giấy Đăng ký, Xác nhận chấp thuận của VPBank (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần không có tài sản bảo đảm tại quầy giao dịch của VPBank*).
- Hợp đồng cho vay áp dụng cho Khách hàng cá nhân vay online từng lần tại VPBank và Khoản Vay được bảo đảm 100% bằng Tiền gửi tiết kiệm/Tiền gửi có kỳ hạn bằng phương tiện điện tử của chính Khách hàng tại VPBank được ký kết giữa Khách hàng và VPBank, bao gồm cả các hợp đồng/phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) (*áp dụng đối với Khách hàng vay online từng lần bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính Khách hàng tại VPBank*).
- Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản bảo đảm của bên thứ ba) và VPBank, (các) Khế ước nhận nợ và văn bản khác có liên quan bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần tại quầy giao dịch của VPBank và khoản vay bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính Khách hàng tại VPBank*).
- Hợp đồng cho vay/Hợp đồng cho vay hạn mức được ký kết giữa Khách hàng và VPBank, (các) Khế ước nhận nợ, các văn bản khác ký kết giữa Khách hàng và VPBank bao gồm cả (các) Phụ lục hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung (đối với cho vay từng lần hoặc cho vay hạn mức tại quầy giao dịch của VPBank đảm bảo bằng tài sản khác được VPBank chấp thuận trong từng thời kỳ).

8. “**Cho vay từng lần/Vay từng lần**”: Là phương thức cho vay mà mỗi lần cho vay, VPBank và KII thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay.

9. “**Cho vay theo hạn mức/Vay theo hạn mức**”: Là phương thức cho vay mà VPBank xác định và thỏa thuận với KII một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, VPBank thực hiện cho vay từng lần đối với KH.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần B này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các điều khoản và điều kiện chung của Điều kiện giao dịch chung này; Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

Điều 2. Số Tiền Cho Vay, Thời Hạn Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay, Đồng Tiền Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân Và Phương Thức Cho Vay

1. Các bên đồng ý rằng:

- Trường hợp KH vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại quầy giao dịch của VPBank: Số tiền cho vay, Thời hạn cho vay và Mục đích sử dụng vốn vay, Đồng tiền cho vay được Các Bên thỏa thuận và ghi nhận tại phần Xác nhận chấp thuận của VPBank đối với KH.
- Trường hợp khác: Số tiền cho vay, thời hạn cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, đồng tiền cho vay, được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cho vay được ký giữa KH và VPBank. Trường hợp KH

muốn vay vốn bằng ngoại tệ, KH phải đáp ứng các điều kiện theo quy định có liên quan của VPBank và của pháp luật về cho vay bằng ngoại tệ.

2. Điều kiện và phương thức giải ngân:

a) Với mỗi khoản vay được giải ngân nhiều lần, mỗi lần có nhu cầu vay vốn và nhận giải ngân thuộc hạn mức, hoặc nhận giải ngân thuộc Khoản vay được giải ngân nhiều lần, KH phải gửi trước cho VPBank ít nhất 05 ngày làm việc hoặc một thời hạn khác được VPBank thông báo các giấy tờ sau:

(i) Với trường hợp cho vay theo hạn mức: Giấy đề nghị giải ngân; các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn và các giấy tờ khác theo yêu cầu của VPBank.

(ii) Với trường hợp vay từng lần giải ngân nhiều lần: Các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.

Nếu được VPBank đồng ý, KH sẽ ký Khế ước nhận nợ và các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của VPBank.

b) Trừ trường hợp VPBank có chấp thuận khác, VPBank chỉ giải ngân khi KH và Bên liên quan (nếu có):

(i) Đã đáp ứng các điều kiện giải ngân theo quy định tại Văn kiện tín dụng (nếu có);

(ii) Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện giải ngân, hoàn tất việc mua bảo hiểm và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của VPBank;

(iii) Không xảy ra các trường hợp KH bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này;

(iv) KH rút vốn trong thời hạn giải ngân theo thỏa thuận với VPBank (nếu có);

Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, VPBank có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do điều kiện thực tế của VPBank không thể giải ngân. Trong các trường hợp nêu trên, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho VPBank đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà VPBank đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho VPBank theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

c) Phương thức giải ngân:

(i) Trường hợp KH vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại quầy giao dịch của VPBank: Giải ngân một (01) lần và theo phương thức quy định tại Đề nghị vay vốn của KH.

(ii) Trường hợp khác: thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cho vay được ký giữa KH và VPBank.

3. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần hoặc Cho vay hạn mức.

4. Thời điểm nhận nợ: Là thời điểm VPBank giải ngân khoản vay theo phương thức thỏa thuận với KH tại Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

Điều 3. Lãi Suất, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng.

2. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc/khoản tiền lãi của KH bị chuyển quá hạn đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn/khoản

tiền lãi quá hạn.

3. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
4. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất:
 - a) Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được VPBank và KH thỏa thuận theo nhu cầu vốn của thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của KH và được ghi nhận cụ thể trong:
 - Xác nhận chấp thuận của VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (đối với khoản vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại Quầy giao dịch của VPBank).Hợp Đồng cho vay từng lần được ký giữa KH và VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (đối với trường hợp khác).
 - b) Mức lãi suất cho vay trong hạn và Mức lãi suất cho vay điều chỉnh quy định tại Văn kiện tín dụng được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Khoản Giao Dịch Chung này, các mức lãi suất này BẢNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:
 - (i) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày KH thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank; và
 - (ii) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãiĐể làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
5. Trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm KH trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới 01 (một) ngày nhưng KH thanh toán trước giờ hệ thống của VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày, VPBank có thể xem xét không thu lãi đối với khoản dư nợ này. Giờ hệ thống VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày được xác định theo thực tế hoạt động của hệ thống và có thể được VPBank thay đổi từng thời kỳ.
6. Phí liên quan đến khoản vay: KH có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank các khoản phí sau đây:
 - a) Phí trả nợ trước hạn:
 - Đối với Khoản vay từng lần online tại VPBank và khoản vay được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank: thực hiện theo quy định của VPBank.
 - Đối với trường hợp khác: Thực hiện theo Văn kiện tín dụng. Các khoản phí khác theo quy định của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Thông tin về các loại phí, mức phí mà KH phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được VPBank niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website (www.vpbank.com.vn) của VPBank tại thời điểm thu phí.
 - b) KH đồng ý và ủy quyền cho VPBank tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của KH tại VPBank để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của KH theo Văn kiện tín dụng.
7. KH đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù

đk

hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng. KH đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

Điều 4. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay

1. KH phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho VPBank theo đúng thời hạn quy định tại:
 - Xác nhận chấp thuận của VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (đối với khoản vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại Quỹ giao dịch của VPBank).
 - Hợp Đồng cho vay từng lần được ký giữa KH và VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (đối với khoản vay khác).
2. Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và VPBank có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của KH mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn cho vay quy định tại Văn kiện tín dụng.
3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ của VPBank hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì KH phải trả nợ vào ngày làm việc liền kề ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày KH thực tế trả nợ.
4. Xử lý khoản chênh lệch (nếu có) sau khi sử dụng Tài Sản Cầm Cốt để bù trừ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm hoặc rút trước hạn Tài Sản Cầm Cốt để thanh toán cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm hoặc xử lý Tài Sản Cầm Cốt để thanh toán nợ vay:
 - a) Nếu khoản tiền chênh lệch lớn hơn Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, khoản tiền chênh lệch sẽ được VPBank chuyển vào tài khoản thanh toán của KH mở tại VPBank.
 - b) Nếu khoản tiền chênh lệch nhỏ hơn Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của VPBank. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
5. Trường hợp KH muốn thanh toán nợ cho VPBank trước thời hạn, KH phải thông báo trước bằng văn bản cho VPBank ít nhất 03 (ba) ngày làm việc và phải được VPBank đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho VPBank số nợ gốc muốn thanh toán, các khoản lãi, các khoản phí, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) (trong trường hợp KH trả nợ trước hạn một phần) hoặc toàn bộ dư nợ gốc, lãi khoản vay, các khoản phí, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) (trong trường hợp KH trả nợ trước hạn toàn bộ) và khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo mức quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
6. KH vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. Trường hợp VPBank chủ động trích nợ tài khoản của KH để thu nợ mà tài khoản đó có loại tiền khác với loại tiền vay, VPBank được quyền thực hiện việc mua hoặc bán ngoại tệ cho KH như quy định tại Khoản 7 Điều này để thực hiện thu nợ đúng loại tiền vay.
7. Việc thanh toán các khoản nợ của KH được thực hiện tại trụ sở các địa điểm kinh doanh của VPBank hoặc các phương thức khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ. KH có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. KH có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại VPBank và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để VPBank thu nợ khi đến hạn. KH đồng ý rằng, VPBank được thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa và các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của VPBank từng thời kỳ. VPBank có quyền chủ động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) của KH tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH

tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan đến Khoản Vay; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác của KH tại VPBank và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa KII và VPBank. Nếu các lãi khoản của KH có loại tiền khác với loại tiền vay và VPBank có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho KH trả nợ, thì VPBank sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho KH theo tỷ giá mà VPBank đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, VPBank sẽ yêu cầu KH ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của VPBank, trường hợp KH không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, VPBank có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho KH theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Việc VPBank bán ngoại tệ để KH trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền KH trả nợ cho VPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, KH có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho VPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày VPBank thông báo cho KH về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. KII chấp nhận việc VPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như KII chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
9. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
 - a) Trường hợp khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, VPBank sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của KII và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của VPBank (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
 - b) Trường hợp khoản vay bị chuyển quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.

Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu KH do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, KII có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. VPBank trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của KH có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của KII. Nếu KH được VPBank đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoản vay của KH sẽ được áp dụng mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu thời hạn trả nợ, KII đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của VPBank và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được VPBank thông báo.
3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của Các Bên.

Điều 6. Nợ Quá Hạn, Chuyển Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi

1. VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của KH trong các trường hợp sau:

- a) Đến thời hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng mà KH không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được VPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ.
 - b) Đến thời hạn trả nợ gốc tiền vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này mà KH vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc như đã thỏa thuận. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận về cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữa KH và VPBank.
 - c) KH phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của VPBank. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà VPBank yêu cầu KH phải trả nợ trước hạn.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn, cụ thể như sau:
- a) Trường hợp Bên vay chậm thanh toán nợ gốc theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và VPBank không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn; phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn.
 - b) Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc khi kết thúc thời hạn cho vay nêu tại Văn kiện tín dụng, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này phải chịu lãi suất quá hạn.
 - c) Trường hợp VPBank yêu cầu Bên vay phải thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại trước thời hạn, nếu Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của VPBank, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này phải chịu lãi suất quá hạn.
3. Việc VPBank chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc VPBank thực hiện các quyền khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và (các) Hợp đồng bảo đảm (nếu có) và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.
4. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Thông báo của VPBank sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
5. Trường hợp KH không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị VPBank chuyển nợ quá hạn đồng thời KH có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Phần B – Bản Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Hạn Mức.

Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. KH hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, KH sẽ không được VPBank giải ngân, sẽ bị VPBank chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho VPBank:
 - a) KH cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực khi đề nghị vay vốn hoặc trong quá trình vay vốn tại VPBank;
 - b) KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với

VPBank (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa VPBank và KH tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản thỏa thuận liên quan;

- c) KH không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của VPBank;
- d) KH sử dụng vốn sai mục đích;
- e) KH có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với VPBank trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank;
- f) KH bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;
- g) Tình hình tài chính, thu nhập, tài sản của KH và/hoặc Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ giám sát; phần lớn tài sản của KH và/hoặc Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; KH bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); KH và/hoặc Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KH cho VPBank;
- h) Các tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có) bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của VPBank;
- i) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba (nếu có) mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;
 - Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho VPBank.
- j) Trường hợp Bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại VPBank, thì nếu có bất kỳ Hợp đồng cho vay, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp đồng có thể chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ dư nợ còn lại cho VPBank;
- k) Bên vay hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân;
- l) Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của VPBank từng thời kỳ; Bên vay không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay; hoặc Bên vay không cung cấp cho VPBank báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank.
- m) KH phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại VPBank hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;

- n) KH và/hoặc Bên bảo đảm (là chính KH hoặc Bên thứ ba khác đã ký hợp đồng bảo đảm cho nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng) vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và/hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay hoặc xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
 - o) KH không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của VPBank từng thời kỳ; hoặc KH không cung cấp cho VPBank, báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;
 - p) KH và/hoặc Bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của VPBank liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;
 - q) KH không thực hiện tái tục Hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của VPBank hoặc KH bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm;
 - r) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của KH không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;
 - s) Doanh nghiệp tư nhân hoặc Hộ kinh doanh do KH làm chủ hoặc làm thành viên có tên trong danh sách ngừng hoạt động/tạm ngừng kinh doanh/chấm dứt hoạt động trên website của Tổng cục thuế trong trường hợp KH vay vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân/Hộ kinh doanh này;
 - t) KH vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;
 - u) KH không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của VPBank;
 - v) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc VPBank phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai mà VPBank được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay;
 - w) Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
 - x) Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank;
 - y) Các trường hợp theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 9 Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Tỉng Lần Và/Hoặc Vay Hạn Mức.
 - z) Các trường hợp khác mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay;
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi VPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của KH thuộc phạm vi VPBank thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Thông báo của VPBank sẽ nêu rõ

thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của KH (nếu có). KH cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của VPBank.

4. Xử lý nợ vay: Trường hợp KH không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn, VPBank được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm;
 - b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
 - c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của KH tại VPBank.
 - d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank đối với KH (nếu có).
 - e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của KH với VPBank thì KH có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho VPBank.

Điều 8. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank

1. Quyền của VPBank:

- a) Từ chối cho vay, từ chối giải ngân tiền vay nếu KH không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank hoặc VPBank không có đủ điều kiện để cho vay, giải ngân tại thời điểm KH yêu cầu;
- b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp hợp theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng. Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay;
- c) Được quyền yêu cầu KH sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của KH để thanh toán các khoản nợ cho VPBank đầy đủ, đúng hạn;
- d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với KH để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho KH;
- e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu KH thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, tài chính, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;
- f) Được yêu cầu KH bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho VPBank trong các trường hợp VPBank nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của KH;
- g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của KH và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;
- h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của KH theo Văn kiện tín dụng mà không cần phải có sự đồng ý của KH;
- i) Tự động tạm khóa, trích, tắt toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của KH tại VPBank, các

khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho VPBank theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của KH đối với VPBank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa VPBank và KH.

- j) Trường hợp KII, Bên Cầm cố, Bên Bảo đảm có nhiều người, thì tất cả các KH phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các KH, Bên Cầm cố, Bên Bảo đảm, VPBank có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các KH, Bên Cầm cố, Bên Bảo đảm phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo đảm và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- k) Được quyền lựa chọn phương thức gửi Xác nhận chấp thuận của VPBank tới KH theo một, một số trong các phương thức sau: Qua chuyển phát tới địa chỉ của KH, qua email, qua SMS có gắn đường link để KII vào xem và tải Xác nhận hoặc bất kỳ phương thức nào khác được VPBank triển khai từng thời kỳ. Trường hợp VPBank đã thực hiện gửi Xác nhận chấp thuận của VPBank cho KH theo phương thức nêu trên nhưng KH không nhận được vì bất kỳ lý do gì, theo Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) cung cấp cho KH Xác nhận chấp thuận của VPBank bản gốc/bản sao có xác nhận đã đối chiếu với bản gốc theo quy định của VPBank. Trình tự, thủ tục thực hiện việc cung cấp bản gốc/bản sao Xác nhận chấp thuận của VPBank nêu trên thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm KH đề nghị.
- l) Trường hợp KH là cán bộ, nhân viên của VPBank, nếu KH nghỉ việc tại VPBank, VPBank được quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền mà VPBank phải thanh toán cho KH khi KH nghỉ việc (tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp ...) để thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank theo Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- m) Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc tuân thủ pháp luật bao gồm cả pháp luật về môi trường của Bên vay.
- n) Được quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều Kiện Giao Dịch Chung tùy từng thời điểm mà VPBank cho là phù hợp tùy theo quyết định của VPBank. Phương thức gửi và nhận các thông báo sửa đổi, điều chỉnh Điều Kiện Giao Dịch Chung giữa VPBank và KH thực hiện theo quy định tại Điều 8 Phần A của Điều Kiện Giao Dịch Chung này. KH được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của VPBank nếu KII tiếp tục duy trì khoản vay tại VPBank sau thời điểm VPBank thông báo.

2. Nghĩa vụ của VPBank:

- a) Giải ngân tiền vay cho KH theo đúng thỏa thuận;
- b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi KII đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với VPBank (bao gồm cả nghĩa vụ không được bảo đảm bằng tài sản).

3. VPBank có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH

1. Quyền của KH:

- a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ VPBank theo đúng thỏa thuận;
- b) Được nhận lại Tài Sản Cầm Cố và Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố sau khi KH đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với VPBank theo đúng thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung

này;

- c) Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của KH (nếu có) sau khi KH hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

2. Nghĩa vụ của KH:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của VPBank trong suốt quá trình vay vốn;
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và VPBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình;
- c) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để VPBank trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;
- d) Trường hợp mục đích vay vốn của KH tại Văn kiện tín dụng là để thanh toán (một phần hoặc toàn bộ) tiền mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ tại Nhà cung cấp, khi phát sinh các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hàng hóa, dịch vụ được cung cấp, KH có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp, khiếu nại với Nhà cung cấp, các tranh chấp và khiếu nại này không liên quan đến VPBank. Nếu vì lý do nào đó mà VPBank bị ảnh hưởng (về hình ảnh, uy tín, thiệt hại...) từ tranh chấp, khiếu nại nêu trên, KH có trách nhiệm bồi thường, thanh toán cho VPBank các thiệt hại phát sinh.
- e) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Giao Dịch Chung trong các trường hợp VPBank có yêu cầu;
- f) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan. KH hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được VPBank điều chỉnh phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và/hoặc các văn bản liên quan;
- g) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho VPBank toàn bộ thiệt hại phát sinh như quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này bao gồm nhưng không hạn chế bởi các thiệt hại như: chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà VPBank phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;
- h) Trường hợp KH được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của KH, KH cam kết sử dụng toàn bộ Số tiền cho vay được giải ngân vào tài khoản thanh toán của KH để thanh toán, chi trả cho Bên thụ hưởng (không bao gồm pháp nhân) có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. KH có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu, chứng từ cần thiết để VPBank thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho VPBank.
- i) Trong mọi trường hợp sẽ sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập của mình và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu và/hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của mình và tài sản của hộ gia đình, tài sản chung vợ chồng và phần sở hữu của mình trong tài sản chung để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của KH với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản, thỏa thuận khác. KH cam kết sẽ tự nguyện thực hiện cam kết này bằng mọi hình thức, bàn giao các tài sản nói trên của mình cho VPBank và hỗ trợ VPBank trong việc nhận và xử lý các tài sản đó để trả nợ cho VPBank.
- j) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- k) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được VPBank đồng ý bằng văn bản.
- l) KH đồng ý rằng VPBank có thể từ chối thực hiện cho vay, từ chối giải ngân cho KH mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu nghi ngờ:
- Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
 - Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank;
- m) KH cam kết tuân thủ và thực hiện đúng các thỏa thuận với VPBank trong Hợp Đồng Dịch Vụ NHĐT.
- n) KH đồng ý rằng VPBank có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về KH, tài sản của KH và các thông tin khác liên quan tới KH để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của VPBank), bằng việc ký kết Hợp Đồng, KH ủy quyền cho VPBank đại diện, thay mặt KH liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của KH và gia đình KH; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của KH; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng. KH đồng ý rằng VPBank được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.
- o) Giao giấy tờ của Tài Sản Cầm Cố cho VPBank theo đúng thỏa thuận tại Hợp Đồng;
- p) Cam kết tuân thủ và thực hiện đúng các thỏa thuận với VPBank trong Thỏa Thuận Dịch Vụ NHĐT.
3. Đối với KH là Cán bộ nhân viên làm việc tại VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng:
- a) Trường hợp KH là Cán bộ nhân viên của VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi chung là "Doanh nghiệp"), KH đồng ý rằng khi KH nghỉ việc tại Doanh nghiệp vì bất kỳ lý do nào (do hết thời hạn hợp đồng lao động, bị sa thải, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Doanh nghiệp, ...), tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, VPBank có thể xem xét áp dụng một hoặc một số cách thức xử lý như sau:
- (i) Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với KH. Trường hợp này, KH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ vay (gốc, lãi, phí, ...) và hoàn thành các thủ tục tất toán Khoản vay chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp hoặc một thời điểm khác theo thông báo của VPBank. Trường hợp KH không thanh toán đầy đủ dư nợ cho VPBank theo thông báo, toàn bộ dư nợ của KH sẽ bị chuyển quá hạn và bị xử lý theo quy định, thỏa thuận tại Hợp Đồng.
 - (ii) Điều chỉnh lãi suất cho vay về mức lãi suất cho vay tương ứng dành cho KH cá nhân thông thường vay không có tài sản bảo đảm của VPBank. Mức lãi suất cho vay cụ thể được điều chỉnh sẽ được VPBank xác định căn cứ trên các yếu tố như thời hạn cho vay, mức thu nhập của KH theo đánh giá của VPBank, sản phẩm vay mà KH tham gia nhưng đảm bảo tối đa không quá 40%/năm. Mức lãi suất cho vay điều chỉnh cụ thể sẽ được VPBank thông báo cho

KH khi thực hiện việc điều chỉnh. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện từ ngày tiếp theo ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp.

(iii) Điều chỉnh các khoản phí liên quan phù hợp với chính sách của VPBank từng thời kỳ.

(iv) Yêu cầu KH cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu hoặc bổ sung các điều kiện cần thiết để VPBank xem xét và quyết định việc cho phép KH tiếp tục duy trì Khoản vay tại VPBank.

b) Trường hợp KH không bị VPBank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và nếu KH tiếp tục duy trì Khoản vay sau khi đã nghỉ việc tại VPBank, KH được coi là đồng ý với tất cả các chính sách điều chỉnh của VPBank.

c) Ngoại trừ các điều khoản, điều kiện khác tại Điều kiện giao dịch chung này, để bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, KH đồng ý rằng VPBank được quyền tạm khóa, chủ động trích tài khoản nhận lương của KH tại VPBank và/hoặc liên hệ với Doanh nghiệp (Đơn vị trả lương cho KH) để yêu cầu Doanh nghiệp chuyển các khoản tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp, ... của KH cho VPBank để VPBank thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank.

4. KH có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

PHẦN C – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ VAY HẠN MỨC THẤU CHI

(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

1. **“KH/Bên vay”**:
 - Là cá nhân có tài khoản thanh toán mở tại VPBank, được VPBank chấp thuận cho vay hạn mức thấu chi tài khoản và ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản với VPBank.
 - Đồng thời là Bên cầm cố trong trường hợp hạn mức thấu chi bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank.
2. **“Khoản Vay”**: Là số tiền VPBank cho KH vay theo phương thức Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán như quy định tại Văn kiện tín dụng.
3. **“Giấy Đăng ký”**: Là tài liệu, văn bản dưới bất kỳ hình thức, tên gọi nào trong đó có ghi nhận nội dung đăng ký vay vốn theo phương thức cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán tại quầy giao dịch của VPBank và khoản vay này không có tài sản bảo đảm mà KH đã ký, xác nhận đồng ý. Đồng thời với việc đăng ký vay vốn theo tài liệu, văn bản nêu trên, KH có thể kết hợp đăng ký sử dụng một, một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác bao gồm nhưng không giới hạn mở tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử,...
4. **“Đề nghị vay vốn”**: Là nội dung ghi nhận các đề nghị vay vốn của KH tại Giấy Đăng ký. Trên cơ sở Đề nghị vay vốn của KH và các hồ sơ, tài liệu do KH cung cấp, VPBank sẽ xem xét, thẩm định và quyết định cho vay đối với KH.
5. **“Xác nhận chấp thuận của VPBank”**: Là các nội dung chấp thuận cho vay của VPBank đối với KH theo nội dung tại Giấy đăng ký.
6. **Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản** (sau đây gọi là **“Hợp Đồng”**):
 - Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán đã được ký kết giữa VPBank và Khách Hàng trên Kênh VPBank NEO, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan [áp dụng đối với (i) KH vay hạn mức thấu chi online không có tài sản bảo đảm trên kênh VPBank NEO; (ii) KH vay hạn mức thấu chi cầm cố 100% số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng phương tiện điện tử trên kênh VPBank NEO; (iii) KH vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán qua VPBank NEO theo gói sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn bảo chứng thấu chi].
 - Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán được ký kết giữa VPBank và Khách Hàng, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan [áp dụng đối với (i) KH vay hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán và khoản vay được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm của chính Khách Hàng tại VPBank; (ii) KH vay hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán có tài sản bảo đảm khác].
7. **“Văn kiện tín dụng”**:

Khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ tín dụng nêu tại Phần C – Bản Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Vay Hạn Mức Thấu Chi, Văn kiện tín dụng có thể là:

 - Giấy Đăng ký, Xác nhận chấp thuận của VPBank (áp dụng đối với Khách hàng vay thấu chi không có tài sản bảo đảm tại Quầy giao dịch của VPBank).
 - Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản (Các trường hợp khác).
8. **“Hạn mức thấu chi”**: là số tiền tối đa mà VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh

toán của KH tại VPBank theo Văn kiện tín dụng.

9. **“Tài khoản thấu chi”**: là tài khoản thanh toán hàng Đồng Việt Nam của KH mở tại VPBank để sử dụng Hạn mức thấu chi được VPBank cấp theo quy định của Văn kiện tín dụng.
10. **“Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán”**: Là phương thức cho vay, theo đó VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của KH tại VPBank trong phạm vi Hạn mức thấu chi được cấp để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán. KH phải trả lãi trên số tiền chi vượt quá và hoàn trả số tiền chi vượt quá này cho VPBank theo quy định tại Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
11. **“Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi/Tiền gửi có kỳ hạn”**: Là sản phẩm tiền gửi thuộc Gói sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi, theo đó, KH gửi tiền tại VPBank trong một thời hạn nhất định với nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho KH. Khoản Tiền Gửi của KH được gọi tắt là **“Khoản Tiền Gửi”**. Khi gửi tiền tại VPBank, KH đồng thời được tham gia sản phẩm Vay hạn mức thấu chi cầm cố bằng chính số dư Khoản Tiền Gửi. Trường hợp KH không có nhu cầu hoặc không được phê duyệt cấp hạn mức thấu chi, KH sẽ không đủ điều kiện để tham gia sản phẩm tiền gửi này.
12. **“Vay hạn mức thấu chi Bảo chứng thấu chi/Vay hạn mức thấu chi”**: Là sản phẩm vay hạn mức thấu chi thuộc Gói sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi, theo đó, VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên Tài khoản thanh toán của KH tại VPBank trong phạm vi hạn mức thấu chi được cấp, KH phải trả lãi trên số tiền chi vượt quá và hoàn trả số tiền chi vượt quá này cho VPBank theo quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi giữa VPBank và KH. KH sử dụng toàn bộ số dư Khoản Tiền Gửi để cầm cố cho khoản vay thấu chi. Khoản vay của KH theo sản phẩm này được gọi tắt là **“Khoản vay thấu chi”**.
13. **“Gói sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi/Gói sản phẩm”**: Là gói sản phẩm kết hợp giữa sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn và sản phẩm Vay hạn mức thấu chi cầm cố bằng chính số dư Khoản Tiền Gửi.
14. **“Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi”**: là khoảng thời gian VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên Tài khoản thấu chi của KH mở tại VPBank.
15. **“Ngày đến hạn Hạn mức thấu chi”**: Là ngày cuối cùng của Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần C – Bản Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Vay Hạn Mức Thấu Chi sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các điều khoản và điều kiện chung của Điều kiện giao dịch chung này; Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

Điều 2. Tài Khoản Thấu Chi, Hạn Mức Thấu Chi, Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Thấu Chi, Đồng Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay Và Điều Khoản Cấp Hạn Mức Thấu Chi

1. Tài khoản thấu chi, Hạn mức thấu chi, Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi, Đồng tiền cho vay, Mục đích sử dụng vốn vay, Phương thức thấu chi, Thời hạn thanh toán nợ gốc, lãi thấu chi, Thời điểm nhận nợ, Điều kiện cấp Hạn mức thấu chi:
 - Đối với trường hợp Cho vay thấu chi trên tài khoản thanh toán không tài sản bảo đảm mà không qua kênh VPBank NEO: thực hiện theo phần Xác nhận chấp thuận của VPBank đối với KH.
 - Đối với các trường hợp khác: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
2. Điều kiện cấp hạn mức thấu chi và giải ngân: Trừ trường hợp VPBank có chấp thuận khác, VPBank chỉ giải ngân khi KH và Bên liên quan (nếu có):
 - a) Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện giải ngân, các thủ tục về tài sản bảo đảm (nếu có), hoàn tất việc mua bảo hiểm (nếu có) và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của VPBank;
 - b) Không xảy ra các trường hợp KH bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo

quy định của Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này;

- c) Ngày giải ngân nằm trong Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi;
- d) Số tiền giải ngân nằm trong phạm vi Hạn mức thấu chi khả dụng còn lại của KH.

Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, VPBank có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do điều kiện thực tế của VPBank không thể giải ngân.

- 3. Điều kiện duy trì hạn mức thấu chi: Các Bên thống nhất rằng để duy trì hạn mức thấu chi KH phải đáp ứng đủ các điều kiện cụ thể sau đây:
 - a) KH sử dụng Hạn mức thấu chi đúng mục đích đã được VPBank chấp thuận;
 - b) KH cung cấp đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn theo yêu cầu của VPBank và/hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - c) KH không chậm thanh toán lãi thấu chi 03 kỳ liên tiếp;
 - d) KH không phát sinh nợ nhóm 3 trở lên tại VPBank trong thời hạn sử dụng Hạn mức thấu chi;
 - e) KH có phát sinh dư nợ thấu chi trong 03 tháng liên tiếp;
 - f) KH không vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào với VPBank quy định tại Hợp Đồng và các văn bản, cam kết đã ký với VPBank;
 - g) KH không thuộc (các) trường hợp chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- 3. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán.
- 4. Đồng tiền cho vay: Việt Nam Đồng.

Điều 3. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác

- 1. Lãi suất cho vay trong hạn, Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

Mức lãi suất cho vay trong hạn theo quy định tại Khoản 1 này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này, mức lãi suất này BẰNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:

 - a) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày KH thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank; và
 - b) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- 2. Trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm KH trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới 01 (một) ngày nhưng KH thanh toán trước giờ hệ thống của VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày, VPBank có thể xem xét không thu lãi đối với khoản dư nợ này. Giờ hệ thống VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày được xác định theo thực tế hoạt động của hệ thống và có thể được VPBank

thay đổi từng thời kỳ.

3. KH phải thanh toán các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho VPBank theo đúng thời hạn, số lượng và phương thức mà VPBank yêu cầu, cụ thể:
 - a) Phí liên quan tới Tài khoản thấu chi:
 - i. Phí thiết lập Tài khoản thấu chi: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
 - ii. Phí duy trì và quản lý Tài khoản thấu chi: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
 - b) Các khoản phí khác theo quy định của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Thông tin về các loại phí, mức phí mà KH phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được VPBank niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website (www.vpbank.com.vn) của VPBank tại thời điểm thu phí.
 - c) KH đồng ý và ủy quyền cho VPBank tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của KH tại VPBank để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này.
 - d) KH đồng ý rằng, các khoản phí, chi phí liên quan đến việc thiết lập, quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán nếu không được KH thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ sẽ được tính và tự động ghi nợ vào Hạn mức thấu chi. Trường hợp này KH được xem là sử dụng Hạn mức thấu chi và thực hiện nhận nợ từ thời điểm VPBank ghi nợ vào Hạn mức thấu chi.

Điều 4. Trả Nợ Gốc Và Lãi Tiền Vay

1. Khi KH sử dụng tiền vay thuộc Hạn mức thấu chi, VPBank sẽ ghi Nợ các khoản tiền này vào Tài khoản thấu chi và các khoản tiền này được coi là các khoản nợ gốc.
2. Thời hạn và phương thức thanh toán nợ lãi thấu chi:
 - a) KH phải trả nợ lãi thấu chi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần (“Kỳ thanh toán lãi”) ngoại trừ Kỳ thanh toán lãi đầu tiên và Kỳ thanh toán lãi cuối cùng.
 - b) Vào Ngày sao kê, hệ thống của VPBank sẽ tự động tính toán và chốt nợ lãi thấu chi của KH phát sinh trong Kỳ thanh toán lãi (“Số Tiền Thanh Toán Lãi”). Ngày sao kê được xác định như sau:
 - (i) Là ngày 05 hàng tháng áp dụng đối với Văn kiện tín dụng có hiệu lực trước ngày 10/6/2019;
 - (ii) Là ngày 25 hàng tháng áp dụng đối với các khoản thấu chi được giải ngân từ ngày Điều kiện giao dịch chung này được áp dụng theo các Văn kiện tín dụng có hiệu lực từ ngày 10/6/2019.
 - c) Trường hợp Ngày sao kê rơi vào ngày nghỉ theo quy định của VPBank thì lãi được chốt vào ngày làm việc liền trước Ngày sao kê, trường hợp này, tiền lãi vay phát sinh trong các ngày nghỉ sẽ được tính vào Kỳ thanh toán lãi tiếp theo. Các Bên thống nhất rằng, Kỳ thanh toán lãi đầu tiên được xác định từ ngày bắt đầu của Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi đến Ngày sao kê của tháng đó hoặc tháng tiếp theo liền kề tùy từng trường hợp. Kỳ thanh toán lãi cuối cùng được xác định từ ngày tiếp theo của Ngày sao kê tháng trước đến hết ngày cuối cùng của Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi. Hệ thống của VPBank sẽ tự động gửi tin nhắn thông báo chi tiết Số Tiền Thanh Toán Lãi của từng Kỳ thanh toán lãi đến số điện thoại của KH đăng ký vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngay sau Ngày sao kê của mỗi Kỳ thanh toán lãi.
 - d) KH có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn Số Tiền Thanh Toán Lãi cho VPBank trong vòng 10 ngày kể từ Ngày sao kê (“Ngày thanh toán”). Nếu Ngày thanh toán rơi vào ngày nghỉ theo quy định của VPBank thì Ngày thanh toán được dời đến ngày làm việc liền sau. Trường hợp tại Ngày thanh toán, KH không thanh toán/thanh toán không đầy đủ Số Tiền Thanh Toán Lãi cho

đ

VPBank, Số Tiền Thanh Toán Lãi sẽ bị chuyển quá hạn và chịu lãi chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

3. Thời hạn và phương thức thanh toán nợ gốc thấu chi: Trong thời hạn của hạn mức thấu chi, tiền gốc thấu chi sẽ được VPBank tự động trích thu ngay khi có bất kỳ khoản tiền ghi Có trên Tài khoản thấu chi của KH và KH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi.
4. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của VPBank mà KH không nhận được thông báo liệt kê chi tiết Số Tiền Thanh Toán Lãi, KH vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả đúng hạn, đồng thời thông báo cho VPBank để kiểm tra lại nguyên nhân.
5. Không phụ thuộc vào các quy định nêu trên, VPBank sẽ tự động trích Tài khoản thấu chi của KH để thu các khoản KH phải thanh toán cho VPBank ngay khi có bất cứ khoản tiền ghi Có nào vào Tài khoản thấu chi của KH và bất kỳ tài khoản thanh toán nào của Bên vay mở tại VPBank để thu nợ lãi thấu chi, phí, phạt (nếu có).
6. KH có thể tắt toán trước hạn Hạn mức thấu chi. Trong trường hợp này, KH có thể chuyển tiền vào Tài khoản thấu chi để thanh toán nợ thấu chi (gốc, lãi, phí (nếu có)...) trước khi tắt toán hoặc tắt toán trước hạn Khoản Tiền Gửi và đề nghị VPBank dùng Khoản Tiền Gửi này (bao gồm cả gốc, lãi) để trả nợ thấu chi. Trình tự thủ tục thực hiện tắt toán trước hạn theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
7. Vào ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, Hạn mức thấu chi sẽ tự động bị đóng (=0) và Tài khoản thấu chi tự động trở về tài khoản thanh toán thông thường và có số dư bằng 0 tại thời điểm đó. Toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
8. KH vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. KH đồng ý rằng, trường hợp KH có các tài khoản thanh toán khác ngoài Tài khoản thấu chi mở tại VPBank, khi các tài khoản này có số dư ghi có, VPBank có thể lựa chọn và quyết định việc trích thu tiền từ các tài khoản này để thu nợ gốc, lãi thấu chi. VPBank có quyền chủ động tạm khóa, trích, tắt toán tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) của KH tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan đến Hạn mức thấu chi; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác của KH tại VPBank và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa KH và VPBank. Nếu các tài khoản này có loại tiền khác với loại tiền vay, và VPBank có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho KH trả nợ, thì VPBank sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho KH theo tỷ giá giao ngay chuyển khoản mà VPBank đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, VPBank sẽ yêu cầu KH ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của VPBank, trường hợp KH không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, VPBank có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho KH theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung. Việc VPBank bán ngoại tệ để KH trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền KH trả nợ cho VPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, KH có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho VPBank trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày VPBank thông báo cho KH về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. KH chấp nhận việc VPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như KH chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
10. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:

- a) Trường hợp khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, VPBank sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của KH và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của VPBank (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
- b) Đối với khoản vay bị chuyển quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.

Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi

1. Trước ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu KH do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, KH có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. VPBank trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của KH có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của KH. Nếu KH được VPBank đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, VPBank và KH sẽ cùng ký kết văn bản thỏa thuận đề ghi nhận về lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các điều kiện, điều khoản liên quan. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu thời hạn trả nợ, KH đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của VPBank và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được VPBank thông báo.
3. Trước ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi ít nhất 10 (mười) ngày, nếu KH có nhu cầu cấp lại Hạn mức thấu chi thì KH có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét. VPBank có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị xin cấp lại Hạn mức thấu chi của KH. Nếu được chấp thuận, KH phải thanh toán toàn bộ dư nợ thấu chi theo Văn kiện tín dụng trước khi VPBank cấp hạn mức mới.

Điều 6. Xử Lý Trong Trường Hợp Vượt Hạn Mức Thấu Chi

1. Sau khi VPBank ghi nợ Tài khoản thấu chi, nếu dư nợ thực tế trên Tài khoản thấu chi của KH vượt quá Hạn mức thấu chi thì KH có nghĩa vụ thanh toán phần vượt quá này cho VPBank trong vòng 90 ngày tính từ ngày vượt hạn mức thấu chi. Lãi suất đối với dư nợ thấu chi trong trường hợp này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.
2. Hết thời hạn nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu KH không trả hoặc trả không đầy đủ phần dư nợ thấu chi bị vượt hạn mức, VPBank sẽ chấm dứt cho vay, thu hồi nợ vay trước hạn toàn bộ dư nợ thấu chi.
3. VPBank và KH có thể thỏa thuận bổ sung về các biện pháp xử lý khác ngoài các biện pháp quy định tại Khoản 1 nêu trên trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Điều kiện giao dịch chung này.

Điều 7. Nợ Quá Hạn Và Chuyển Nợ Quá Hạn

1. VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của KH trong các trường hợp sau:
 - a) Hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi mà KH không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được VPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi.
 - b) Đến thời hạn trả nợ gốc tiền vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 4 Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Hạn Mức Thấu Chi mà KH vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc như đã thỏa thuận. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày

đến hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận về cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữa KH và VPBank.

- c) KH phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp quy định tại Điều kiện giao dịch chung này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của VPBank. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà VPBank yêu cầu KH phải trả nợ trước hạn.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn như quy định tại Văn kiện tín dụng kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn.
 3. Việc VPBank chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc VPBank thực hiện các quyền khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Điều kiện giao dịch chung này. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.
 4. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Thông báo của VPBank sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
 5. Trường hợp KH không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị VPBank chuyển nợ quá hạn đồng thời KH có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
 6. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Điều 8. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. KH hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, KH sẽ không được VPBank giải ngân, sẽ bị VPBank chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho VPBank:
 - a) KH và hoặc Bên cầm cố cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực hoặc trốn tránh, thiếu thiện chí khi đề nghị vay vốn, trong quá trình vay vốn tại VPBank; không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank;
 - b) KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với VPBank (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa VPBank và KH tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này;
 - c) KH không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc yêu cầu của VPBank;
 - d) KH không đủ điều kiện duy trì hạn mức thấu chi theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung và các thỏa thuận khác có liên quan.
 - e) KH sử dụng vốn sai mục đích;
 - f) KH có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với VPBank trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank;
 - g) KH bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn

nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;

- h) Thu nhập, tài sản của KH giảm sút; phần lớn tài sản của KH bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; KH bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); KH liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KH cho VPBank;
- i) Các tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có) bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của VPBank;
- j) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (i) Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;
 - (ii) Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho VPBank.
- k) KH phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại VPBank hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;
- l) KH không trả hoặc trả không đầy đủ phần dư nợ thấu chi bị vượt hạn mức theo đúng quy định của VPBank tại Điều kiện giao dịch chung này.
- m) KH không cung cấp cho VPBank báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;
- n) KH vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này hoặc xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Điều kiện giao dịch chung này;
- o) KH không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn hoặc có bất kỳ hành vi gian lận/không trung thực nào trong việc cung cấp các chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của VPBank; hoặc KH không cung cấp cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank; báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;
- p) KH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của VPBank liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;
- q) KH không thực hiện tái tục hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của VPBank hoặc KH bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm;
- r) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của KH không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;
- s) KH vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;
- t) KH không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của VPBank;
- u) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc VPBank phải thu hồi nợ trước hạn;

hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai mà VPBank được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn bảo đảm thu hồi nợ vay;

- v) Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ thực hiện thay đổi lớn bộ máy quản trị, điều hành, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp;
 - w) Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
 - x) Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank;
 - y) Các trường hợp theo quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 10 Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Hạn Mức Thấu Chi.
 - z) Các trường hợp khác mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay;
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi VPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của KH thuộc phạm vi VPBank thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Thông báo của VPBank sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của KH (nếu có). KH cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của VPBank.
4. Trường hợp KH muốn chấm dứt Hạn mức thấu chi trước thời hạn, KH phải thông báo trước bằng văn bản cho VPBank ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và phải được VPBank đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền gốc, lãi thấu chi và khoản tiền phí hoặc tiền phạt trả nợ trước hạn theo quy định của VPBank. Trong trường hợp này, KH có thể chuyển tiền vào Tài khoản thấu chi để thanh toán nợ thấu chi (gốc, lãi, phí (nếu có)...) trước khi tất toán hoặc đề nghị VPBank dùng Khoản Tiền gửi (bao gồm cả gốc, lãi) để bù trừ cho nghĩa vụ trả nợ thấu chi của KH theo Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Trình tự thủ tục thực hiện tất toán trước hạn theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
5. Không phụ thuộc vào việc VPBank có hay không thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) áp dụng các biện pháp cần thiết để quản lý Hạn mức thấu chi của KH, bao gồm nhưng không giới hạn: tạm khóa Hạn mức thấu chi của KH (trường hợp này KH sẽ không được tiếp tục sử dụng Hạn mức thấu chi đã cấp); yêu cầu KH cung cấp bổ sung các tài liệu, chứng từ liên quan để VPBank xem xét, thẩm định, quyết định việc có hay không cho phép KH được tiếp tục duy trì Hạn mức thấu chi;... Thời điểm áp dụng các biện pháp nêu trên theo quyết định của VPBank. KH cam kết thực hiện theo đúng quy định nêu trên và đồng ý với các biện pháp mà VPBank đã lựa chọn áp dụng.

Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank

1. Quyền của VPBank:

- a) Từ chối giải ngân tiền vay nếu KH không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank hoặc VPBank không có đủ điều kiện để giải ngân tại thời điểm KH yêu cầu;
- b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất Khoản vay.
- c) Được quyền yêu cầu KH sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của KH để thanh toán các khoản nợ cho VPBank đầy đủ, đúng hạn;
- d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với KH để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho KH;
- e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu KH thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;
- f) Được yêu cầu KH bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho VPBank trong các trường hợp VPBank nhận định rằng (i) giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của KH; (ii) tài sản bảo đảm có phát sinh tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện và theo đánh giá của VPBank là có ảnh hưởng đến giá trị tài sản bảo đảm và/hoặc việc xử lý tài sản khi thu hồi nợ;
- g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của KH và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;
- h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này mà không cần phải có sự đồng ý của KH;
- i) Trường hợp KH có nhiều người, thì tất cả các KH phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các KH, VPBank có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các KH phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này.
- j) Được quyền có thể từ chối thực hiện cho vay, từ chối giải ngân cho KH mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu nghi ngờ:
 - (i) Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
 - (ii) Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank.
- k) Trường hợp KH là cán bộ, nhân viên của VPBank, nếu KH nghỉ việc tại VPBank, VPBank được quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền mà VPBank phải thanh toán cho KH khi KH nghỉ việc (tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp...) để thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

2. Nghĩa vụ của VPBank:

- a) Cấp tín dụng cho KH sau khi KH đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank;

- b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi KH đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với VPBank (bao gồm cả nghĩa vụ không được bảo đảm bằng tài sản).
3. VPBank có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH

1. Quyền của KH:

- a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ VPBank theo đúng thỏa thuận;
- b) Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của KH (nếu có) sau khi KH hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

2. Nghĩa vụ của KH:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của VPBank trong suốt quá trình vay vốn;
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và VPBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình; thanh toán cho VPBank các khoản phí, nợ gốc, lãi và các khoản chi phí phát sinh khác đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này
- c) Trường hợp thôi việc tại Cơ quan đang làm việc thì phải dùng toàn bộ tiền trợ cấp thôi việc và các khoản tiền, tài sản khác mà Cơ quan đó trả cho KH để thanh toán nợ cho VPBank. VPBank được quyền liên hệ và trực tiếp nhận số tiền, tài sản nêu trên từ Cơ quan đang làm việc của KH để thu hồi nợ.
- d) Thông báo cho VPBank trước khi KH nghỉ việc tại Cơ quan đang làm việc và trước khi KH nhận bất kỳ khoản tiền trợ cấp thôi việc hay khoản tiền khác từ Cơ quan đang làm việc.
- e) Trường hợp mục đích vay vốn của KH tại Văn kiện tín dụng là để thanh toán (một phần hoặc toàn bộ) tiền mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ tại Nhà cung cấp, khi phát sinh các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hàng hóa, dịch vụ được cung cấp, KH có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp, khiếu nại với Nhà cung cấp, các tranh chấp và khiếu nại này không liên quan đến VPBank. Nếu vì lý do nào đó mà VPBank bị ảnh hưởng (về hình ảnh, uy tín, thiệt hại...) từ tranh chấp, khiếu nại nêu trên, KH có trách nhiệm bồi thường, thanh toán cho VPBank các thiệt hại phát sinh.
- f) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để VPBank trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;
- g) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này trong các trường hợp VPBank có yêu cầu;
- h) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và các văn bản liên quan. KH hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được VPBank điều chỉnh phù hợp với Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc các văn bản liên quan;
- i) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho VPBank toàn bộ thiệt hại phát sinh như quy định tại Điều 6 Phần A Điều kiện giao dịch chung này bao gồm nhưng không hạn chế bởi các thiệt hại như: chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà VPBank phải bồi thường hay chịu phạt với

Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;

- j) KH cam kết sử dụng vốn vay thông qua các dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán phù hợp với mục đích sử dụng vốn theo thỏa thuận với VPBank. KH có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu, chứng từ cần thiết để VPBank thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho VPBank;
- k) Trong mọi trường hợp sẽ sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập của mình và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu và/hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của mình và tài sản của hộ gia đình, tài sản chung vợ chồng và phần sở hữu của mình trong tài sản chung để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của KH với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và các văn bản, thỏa thuận khác. KH cam kết sẽ tự nguyện thực hiện cam kết này bằng mọi hình thức, bàn giao các tài sản nói trên của mình cho VPBank và hỗ trợ VPBank trong việc nhận và xử lý các tài sản đó để trả nợ cho VPBank;
- l) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- m) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được VPBank đồng ý bằng văn bản;
- n) KH đồng ý rằng VPBank có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về KH, tài sản của KH và các thông tin khác liên quan tới KH để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của VPBank), bằng việc ký kết Văn kiện tín dụng, KH ủy quyền cho VPBank đại diện, thay mặt KH liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của KH và gia đình KH; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của KH; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. KH đồng ý rằng VPBank được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

- o) KH đồng ý rằng VPBank có thể từ chối thực hiện cho vay, từ chối giải ngân cho KH, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu nghi ngờ:
- Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
 - Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank.
- p) KH đồng ý cung cấp cho VPBank tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của VPBank nhằm tuân thủ các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt. KH đồng ý rằng VPBank có thể chia sẻ bất kỳ thông tin liên quan đến KH và/hoặc các bên liên quan với bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý hoặc tòa án trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan này và/hoặc theo quy định của pháp luật;
- q) Đối với KH là Cán bộ nhân viên làm việc tại VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng:
- (i) Trường hợp KH là Cán bộ nhân viên của VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi chung là "Doanh nghiệp"), KH đồng ý rằng khi KH nghỉ việc tại Doanh nghiệp vì bất kỳ lý do nào (do hết thời hạn hợp đồng lao động, bị sa thải, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Doanh nghiệp, ...), tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, VPBank có thể xem xét áp dụng một hoặc một số cách thức xử lý như sau:
- Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với KH. Trường hợp này, KH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ vay (gốc, lãi, phí, ...) và hoàn thành các thủ tục tất toán Khoản vay chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp hoặc một thời điểm khác theo thông báo của VPBank. Trường hợp KH không thanh toán đầy đủ dư nợ cho VPBank theo thông báo, toàn bộ dư nợ của KH sẽ bị chuyển quá hạn và bị xử lý theo quy định, thỏa thuận tại Hợp Đồng.
 - Điều chỉnh lãi suất cho vay về mức lãi suất cho vay tương ứng dành cho KH cá nhân thông thường vay không có tài sản bảo đảm của VPBank. Mức lãi suất cho vay cụ thể được điều chỉnh sẽ được VPBank xác định căn cứ trên các yếu tố như thời hạn cho vay, mức thu nhập của KH theo đánh giá của VPBank, sản phẩm vay mà KH tham gia nhưng đảm bảo tối đa không quá 40%/năm. Mức lãi suất cho vay điều chỉnh cụ thể sẽ được VPBank thông báo cho KH khi thực hiện việc điều chỉnh. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện từ ngày tiếp theo ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp.
 - Điều chỉnh các khoản phí liên quan phù hợp với chính sách của VPBank từng thời kỳ.
 - Yêu cầu KH cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu hoặc bổ sung các điều kiện cần thiết để VPBank xem xét và quyết định việc cho phép KH tiếp tục duy trì Khoản vay tại VPBank.
- (ii) Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, trường hợp KH nghỉ việc tại Doanh nghiệp và muốn tiếp tục duy trì Hạn mức thấu chi theo Hợp Đồng, trong thời gian VPBank xem xét, phê duyệt Văn kiện tín dụng, KH đồng ý rằng, Hạn mức thấu chi của KH sẽ được tạm khóa, KH không thể thực hiện được việc ghi nợ Tài khoản thấu chi. Thời gian tạm khóa do VPBank quyết định. Trường hợp VPBank chấp thuận cho KH tiếp tục duy trì Hạn mức thấu chi, KH có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục liên quan, ký kết các giấy tờ, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của VPBank. Hạn mức thấu chi của KH sẽ được mở khóa và KH có thể tiếp tục sử dụng Hạn mức thấu chi

theo quy định tại Hợp Đồng sau khi được VPBank phê duyệt và KH hoàn tất các thủ tục liên quan. Trường hợp VPBank không phê duyệt hoặc VPBank phê duyệt nhưng KH không hoàn tất các thủ tục liên quan theo yêu cầu của VPBank, Hạn mức thấu chi của KH có thể bị VPBank chấm dứt trước hạn. Việc xử lý Khoản vay của KH trong trường hợp chấm dứt trước hạn được thực hiện phù hợp với thỏa thuận của Các Bên tại Hợp Đồng.

(iii) Trường hợp KH không bị VPBank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và nếu KH tiếp tục duy trì Khoản vay sau khi đã nghỉ việc tại VPBank, KH được coi là đồng ý với tất cả các chính sách điều chỉnh của VPBank.

(iv) Ngoại trừ các điều khoản, điều kiện khác tại Điều kiện giao dịch chung này, để bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, KH đồng ý rằng VPBank được quyền tạm khóa, chủ động trích tài khoản nhận lương của KH tại VPBank và/hoặc liên hệ với Doanh nghiệp (Đơn vị trả lương cho KH) để yêu cầu Doanh nghiệp chuyển các khoản tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp, ... của KH cho VPBank để VPBank thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank theo Hợp Đồng.

r) Lưu giữ các thông tin, tài liệu, chứng từ trong quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay tại VPBank làm cơ sở để thực hiện đối chiếu, tra soát trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của VPBank, quy định của pháp luật.

3. KH có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

PHẦN D – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THẺ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

1. “KH/Chủ thẻ”:

- Là chủ thẻ có thông tin chi tiết như nêu tại Văn kiện tín dụng.
- Đồng thời là Bên cầm cố trong trường hợp hạn mức tín dụng thẻ bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank.

2. **“DVCNT”**: Là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với Tổ chức thanh toán thẻ.
3. **“ATM”**: Là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hàng hóa, dịch vụ, vắn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin thẻ hoặc các giao dịch khác.
4. **“POS”**: Là thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các DVCNT mà Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ. POS có thể được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của Tổ chức thanh toán thẻ để cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ theo thỏa thuận giữa Tổ chức thanh toán thẻ và Tổ chức phát hành thẻ.
5. **“mPOS”**: Là thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các DVCNT mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
6. **“PIN”**: Là mã số mật được Chủ thẻ sử dụng cho các giao dịch thẻ có yêu cầu sử dụng mã PIN.
7. **“Trị giá thanh toán tối thiểu”**: Là số tiền tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho NH sau mỗi Kỳ sao kê của Thẻ được phát hành. Trị giá thanh toán tối thiểu của mỗi loại Thẻ thực hiện theo quy định của NH từng thời kỳ.
8. **“Ngày đến hạn thanh toán”**: Là ngày cuối cùng của kỳ thanh toán, Chủ thẻ phải thanh toán cho NH các khoản dư nợ gốc cùng lãi và phí phát sinh trong Kỳ sao kê, ít nhất số tiền thanh toán bằng Trị giá thanh toán tối thiểu trên Sao kê. Trường hợp Ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ/lễ theo quy định của pháp luật và/hoặc của NH thì Ngày đến hạn thanh toán được xác định là ngày làm việc liền kề tiếp theo.
9. **“Kỳ sao kê”**: Là khoảng thời gian giữa hai Ngày sao kê liên tiếp.
10. **“Ngày sao kê”**: Là ngày NH lập sao kê.
11. **“Sao kê”**: Là bảng chi tiết các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong một thời gian cố định do NH quy định. Sao kê bao gồm các khoản chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ, (mng/rút tiền mặt, lãi và phí được NH gửi cho Chủ thẻ định kỳ sau Ngày sao kê. Với mỗi loại Thẻ tín dụng, NH sẽ gửi cho KH các Sao kê khác nhau tương ứng với loại Thẻ tín dụng được phát hành theo quy định của NH.
12. **“CVV/CVC”**: Là mã số bảo mật được in trên Thẻ.
13. **“NAPAS”**: Là Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
14. **“MOTO”**: Là phương thức thanh toán thẻ do Tổ chức thẻ quốc tế quy định theo đó Chủ thẻ sẽ thực hiện thanh toán thẻ thông qua việc gọi điện thoại hoặc gửi email tới DVCNT.
15. **“Priority Pass”**: Là thẻ thành viên do Tổ chức Priority Pass phát hành/Dịch vụ phòng chờ cao cấp tại Sân bay.
16. **“Vietnam Airlines”**: Là Tổng Công ty hàng không Việt Nam.
17. **“Hạn mức tín dụng/Hạn mức tín dụng Thẻ”**: Là hạn mức tín dụng thẻ được VPBank cấp cho KH. Hạn mức tín dụng Thẻ được ghi nhận trong Văn kiện tín dụng được giao kết giữa VPBank và KH. Đối với KH đã giao kết với VPBank theo nhiều Văn kiện tín dụng, Hạn mức tín dụng Thẻ được VPBank cấp cho KH được xác định là tổng hạn mức tín dụng theo tất cả các Văn kiện tín dụng này.
18. **“Văn kiện tín dụng”**:

Khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ tín dụng nêu tại Phần D – Bàn Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng, Văn kiện tín dụng có thể là:

- **Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ**: Là Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng đã được

xác lập giữa VPBank và Chủ thẻ mà căn cứ trên đó Chủ thẻ đã được VPBank phát hành Thẻ để sử dụng.

- Các văn bản, tài liệu về tăng, giảm Hạn mức tín dụng Thẻ dưới bất kỳ hình thức nào *[(bản giấy/dữ liệu điện tử, ...)] mà Khách hàng đã ký và/hoặc xác nhận để đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng thẻ* đã được chấp thuận bởi VPBank.

19. **“Thẻ tín dụng/Thẻ”**: Là Thẻ tín dụng được VPBank phát hành cho KH để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp. Thẻ tín dụng được hiểu bao gồm Thẻ tín dụng vật lý và Thẻ tín dụng phi vật lý.
20. **“Thẻ tín dụng vật lý/Thẻ vật lý”**: Là Thẻ tín dụng có hình thức hiện hữu vật chất, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa, có gắn dải từ hoặc chip điện tử để lưu giữ dữ liệu Thẻ.
21. **“Thẻ tín dụng phi vật lý/Thẻ phi vật lý”**: Là Thẻ tín dụng không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên Thẻ theo quy định của pháp luật, được VPBank phát hành cho Chủ thẻ để giao dịch trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Thẻ phi vật lý không bao gồm các trường hợp Thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần D này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các điều khoản và điều kiện chung của Điều kiện giao dịch chung này; Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ

1. Quyền của Chủ thẻ:

- a) Được đề nghị NH phát hành nhiều loại Thẻ tín dụng để sử dụng Hạn mức tín dụng đã được cấp theo quy định của NH và tại Văn kiện tín dụng.
- b) Được sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch hợp pháp phù hợp với phạm vi sử dụng Thẻ như quy định tại Điều 5 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng. Chủ thẻ được sử dụng Thẻ trong phạm vi Hạn mức tín dụng Thẻ và Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ (thời hạn cấp tín dụng) được cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng của Chủ thẻ. Chủ thẻ có thể giao dịch trong Hạn mức tín dụng Thẻ đến ngày cuối cùng của Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp.
- c) Chủ thẻ chính Thẻ Tín dụng Vietnam Airlines – VPBank Platinum MasterCard được cộng vào tài khoản của Chủ thẻ chính tại Chương trình Bông Sen Vàng (“Chương trình GLP”) cho các giao dịch nhằm thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các DVCNT bằng Thẻ chính và Thẻ phụ (nếu có) và được hưởng các ưu đãi của Chương trình GLP theo quy định của Vietnam Airlines trong từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý rằng, việc cộng điểm và/hoặc áp dụng các chính sách ưu đãi đối với Chủ thẻ theo quy định tại Điểm này sẽ được thực hiện theo chính sách của Vietnam Airlines từng thời kỳ. Vietnam Airlines có quyền quyết định cuối cùng đối với việc lựa chọn các giao dịch được cộng điểm và/hoặc áp dụng chính sách ưu đãi. Trường hợp Chủ thẻ chưa có số Thẻ Bông sen vàng, bằng việc ký Văn kiện tín dụng và lựa chọn vào mục “Đồng ý” trên Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ chính đồng ý cho NH và Vietnam Airlines tạo tài khoản Bông sen vàng để hoàn tất thủ tục phát hành Thẻ Tín dụng Vietnam Airlines - VPBank Mastercard.
- d) Được quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ theo quy định của Điều kiện giao dịch chung này và các quy định của pháp luật.
- e) Được nhận lại số tiền trên Thẻ chưa sử dụng hết theo quy định tại Điều 15 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.
- f) Đề nghị NH phát hành lại Thẻ, tạm khóa/chấm dứt sử dụng Thẻ, gia hạn Thẻ, thay đổi Hạn mức

fu

sử dụng Thẻ, thay đổi hạn mức chỉ tiêu ngày, hủy bỏ tính năng thanh toán trực tuyến theo quy định của NH.

- g) Yêu cầu NH đóng/mở khóa/tạm khóa sử dụng Thẻ phù hợp với quy định của NH.
- h) Yêu cầu NH tự động ghi nợ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại NH theo đăng ký của Chủ thẻ để thanh toán số dư nợ Sao kê và các khoản phí theo quy định của NH.
- i) Hàng tháng, Chủ thẻ có quyền nhận Sao kê tài khoản Thẻ theo quy định của NH.
- j) Được tham gia các chương trình ưu đãi dành cho Chủ thẻ của NH và/hoặc các đối tác của NH nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH và/hoặc đối tác của NH từng thời kỳ.
- k) Được yêu cầu NH cung cấp thông tin về lịch sử giao dịch Thẻ và hạn mức khả dụng của Thẻ và các thông tin khác liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 15 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.
- l) Sử dụng Thẻ trong hạn mức bao gồm Hạn mức tín dụng, Hạn mức sử dụng Thẻ, hạn mức thanh toán, hạn mức chuyển khoản, hạn mức rút tiền mặt, các hạn mức khác liên quan trong việc sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 5 Phần D - Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.
- m) Các quyền khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, quy định của NH và quy định của pháp luật.
- n) Trường hợp Chủ thẻ được NH phát hành Thẻ phí vật lý để sử dụng, việc thực hiện các quyền của Chủ thẻ phải phù hợp với quy định tại Điều 4 Phần D - Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

2. Nghĩa vụ và cam kết của Chủ thẻ:

- a) Cung cấp đầy đủ và chính xác, đồng thời cập nhật và thông báo cho NH những thay đổi về thông tin đã đăng ký khi yêu cầu sử dụng Thẻ hoặc trong quá trình sử dụng Thẻ. Trường hợp không thông báo, nếu có phát sinh rủi ro, tổn thất thì Chủ thẻ phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ do lỗi của mình hoặc do không cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin; cam kết chịu mọi rủi ro bao gồm cả thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không thống nhất.
- b) Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin Thẻ, đặc biệt là PIN trong suốt quá trình sử dụng Thẻ phù hợp với quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và quy định của pháp luật. Không được chuyển nhượng Thẻ cho người khác.
- c) Nhận Thẻ/PIN bằng cách trực tiếp đến NH, đề nghị NH gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh hoặc các phương thức khác được NH triển khai từng thời kỳ.

Trường hợp đăng ký nhận Thẻ/PIN qua đường bưu điện/chuyển phát nhanh, Chủ thẻ đồng ý và xác nhận rằng NH được coi là đã hoàn thành việc giao nhận Thẻ/PIN khi Thẻ/PIN đã được giao tới địa chỉ mà Chủ thẻ đã đăng ký với NH. Chủ thẻ cam kết (i) chịu mọi rủi ro phát sinh do việc Thẻ/PIN bị thất lạc, bị lợi dụng và/hoặc các rủi ro do việc Chủ thẻ không trực tiếp ký nhận hoặc người khác giả mạo Chủ thẻ ký nhận Thẻ/PIN theo phương thức này; (ii) thanh toán mọi chi phí liên quan khi đề nghị NH gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh.

- d) Sử dụng Thẻ trong Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ được NH cấp. Trường hợp Chủ thẻ sử dụng vượt quá hạn mức hoặc NH chứng minh được giao dịch đó phát sinh từ Thẻ của Chủ thẻ, Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch phát sinh, ngoài ra phải trả phí và các khoản liên quan khác (nếu có) theo quy định của NH khi sử dụng Thẻ quá hạn mức được cấp.

- c) Chịu trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch Thẻ phát sinh (bao gồm cả giao dịch có hoặc không có chữ ký, mã PIN hoặc có chữ ký khác với chữ ký của Chủ thẻ tại mặt sau Thẻ) phù hợp với quy định về Phạm vi sử dụng và nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ quy định tại Điều 5 Phần D – Bàn Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.
- f) Không được phép sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Chịu trách nhiệm trước NH và pháp luật về các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận, giả mạo Thẻ của Chủ thẻ, các hành vi vi phạm pháp luật khác của Chủ thẻ và các giao dịch Thẻ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận, giả mạo và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- g) Nhận thức đầy đủ và cam kết chịu rủi ro trong trường hợp các giao dịch thanh toán của Chủ thẻ bị các tổ chức nước ngoài hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu, niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do liên quan đến các yếu tố cấm vận, tội phạm, khủng bố, tài trợ khủng bố, rửa tiền, đối tượng bị áp dụng lệnh tòa án, cơ quan tại nước ngoài hoặc các lý do khác).
- h) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho NII số dư nợ Sao kê theo Sao kê NH lập và gửi cho Chủ thẻ. Trường hợp Chủ thẻ không nhận được Sao kê do NII gửi, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH các khoản phải trả trong kỳ.
- i) Hàng tháng, trong khoảng thời gian từ Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán, NII sẽ tự động trích nợ tài khoản thanh toán được Chủ thẻ chỉ định để thanh toán số dư trên Sao kê dựa trên tỷ lệ thanh toán mà Chủ thẻ có đăng ký với NH. Chủ thẻ phải bảo đảm tài khoản này luôn đủ số dư cần thiết để NH ghi nợ trong khoảng thời gian nói trên. Nếu không, Chủ thẻ có trách nhiệm liên hệ với NH để thanh toán phần còn lại và phải chịu các khoản phí, lãi suất phát sinh nếu có.
- j) Thông báo kịp thời với NH khi phát hiện sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản Thẻ của mình hoặc tài khoản Thẻ của mình bị lợi dụng.
- k) Chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp với ĐVCNT/Ngân hàng thanh toán (NHTT)/Tổ chức Thẻ về các vấn đề liên quan đến giao dịch Thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán Sao kê vào Ngày đến hạn thanh toán.
- l) Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho NH đối với các khoản mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá Hạn mức tín dụng Thẻ, giao dịch ghi Có nhầm vào Tài khoản của Chủ thẻ và các giao dịch nhầm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Đồng ý để NH tự động ghi Nợ các khoản tiền này trên tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) và khấu trừ các tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại NH.
- m) Ký chữ ký mẫu bằng bút bi vào ô chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ. Khi thực hiện giao dịch tại ĐVCNT, Chủ thẻ phải ký hóa đơn/chứng từ thanh toán giống chữ ký mẫu này trừ những giao dịch không yêu cầu chữ ký của Chủ thẻ.
- n) Không được sử dụng Thẻ đã thông báo mất, thất lạc, Chủ thẻ phải gửi trả lại cho NH Thẻ vật lý bị mất, thất lạc khi tìm lại được.
- o) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH các khoản nợ gốc, lãi và phí,... phát sinh từ việc sử dụng Thẻ.
- p) Chủ thẻ có trách nhiệm sử dụng vốn thông qua việc phát hành Thẻ đúng mục đích theo Điều kiện giao dịch chung này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và NH về mục đích sử dụng vốn của mình.
- q) Trường hợp chủ thẻ mua các sản phẩm bảo hiểm do NH bán với tư cách là đại lý bảo hiểm, Chủ

thẻ đồng ý để NH trích nợ tài khoản Thẻ tín dụng để thanh toán các khoản phí bảo hiểm mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Công ty bảo hiểm, khoản tiền này sẽ được tính vào dư nợ của Kỳ sao kê tương ứng.

- r) Trường hợp Chủ thẻ sử dụng Thẻ do NH phát hành để thanh toán cho dịch vụ Priority Pass, Chủ thẻ đồng ý để NH trích nợ tài khoản Thẻ tín dụng để thanh toán các khoản phí sử dụng dịch vụ Priority Pass theo yêu cầu của Priority Pass, khoản tiền này sẽ được tính vào dư nợ của Kỳ sao kê tương ứng.
 - s) Bằng việc ký, xác nhận Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ đồng ý rằng, việc Chủ thẻ yêu cầu đăng ký, tham gia bất kỳ Dịch vụ, Chương trình nào mà NH triển khai thông qua phương thức Chủ thẻ đăng ký, tham gia bằng cách gọi lên tổng đài 24/7, qua Dịch vụ Ngân hàng điện tử hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai, Chủ thẻ có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định của NH về Dịch vụ Ngân hàng điện tử (Dịch vụ Ngân hàng điện tử được NH cung cấp qua điện thoại, internet,...) tại Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với khách hàng cá nhân tại VPBank của NH và/hoặc các quy định khác có liên quan của NH dành cho Dịch vụ, Chương trình mà Chủ thẻ tham gia.
 - t) Thực hiện kích hoạt Thẻ theo đúng phương thức được NH triển khai tại thời điểm kích hoạt thẻ. Tuân thủ các điều khoản và điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung này và các quy định của NH, các tổ chức/hiệp hội Thẻ và của pháp luật liên quan đến việc sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ, phát hành và sử dụng Thẻ.
 - u) Cung cấp cho NH tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của NH nhằm tuân thủ các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt.
 - v) Cam kết của KH đối với quy định về phòng chống tham nhũng Thông báo và phối hợp với NH để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất Thẻ/lộ thông tin Thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
 - w) Chủ thẻ chính có quyền đưa ra các yêu cầu có liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ và chịu trách nhiệm về các giao dịch thực hiện bằng Thẻ của Thẻ chính và (các) thẻ phụ. Trường hợp Chủ thẻ chính bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì việc thanh toán cho NH và việc thừa hưởng số dư trên tài khoản Thẻ của Chủ thẻ chính được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, quy định của NH và của Pháp luật.
 - x) Không được thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật.
 - y) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, của NH và của pháp luật, của Tổ chức Thẻ trong nước/quốc tế mà NH là thành viên tại từng thời điểm.
 - z) Trường hợp Chủ thẻ được NH phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng, việc thực hiện các nghĩa vụ của Chủ thẻ phải phù hợp với quy định tại Điều 4 Phần D - Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.
3. Chủ thẻ đồng ý rằng NH có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về Chủ thẻ, tài sản của Chủ thẻ và các thông tin khác liên quan tới Chủ thẻ để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của NH), bằng việc ký kết Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ ủy quyền cho NH đại diện, thay mặt Chủ thẻ liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của Chủ thẻ và gia đình Chủ thẻ; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm,...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của Chủ thẻ; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Chủ

thẻ đồng ý rằng NH được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng:

- a) Được miễn trách trong trường hợp: hệ thống xử lý, hệ thống truyền tín bị lỗi hoặc vì bất cứ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của NH gây nên khiến cho Thẻ hoặc mã PIN của KH không thực hiện được giao dịch, bị tổn thất hoặc bất kỳ sự lợi dụng nào; hoặc các trường hợp NH không gửi hoặc đã gửi nhưng KH không nhận được các tín nhắn, thông báo liên quan tới biến động số dư tài khoản Thẻ hoặc thông báo về các nội dung khác liên quan đến tài khoản Thẻ của KH do lỗi hệ thống, lỗi đường truyền, các lỗi kỹ thuật, sự cố của nhà cung cấp dịch vụ/của NH hoặc vì bất kỳ lý do khách quan nào khác; các trường hợp khác do lỗi của KH gây ra.
- b) Được miễn trách đối với: (i) mọi thất lạc, mất cắp, sử dụng đúng hoặc sai mục đích của Thẻ hoặc việc tiết lộ mã PIN, thông tin Thẻ của Chủ thẻ; (ii) Mọi gian lận và hoặc giả mạo gây ra cho NH hoặc bất kỳ Đơn vị chấp nhận Thẻ nào; (iii) Bất kỳ phương hại nào tới uy tín, hình ảnh và danh tiếng của Chủ thẻ có liên quan đến việc NH thu hồi hoặc yêu cầu Chủ thẻ trả lại hoặc tạm ngừng/ngừng sử dụng Thẻ.
- c) Không chịu trách nhiệm về việc giao hàng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ. NH không tham gia giải quyết các tranh chấp giữa Chủ thẻ và Đơn vị chấp nhận thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản Thẻ giá trị hàng hóa, dịch vụ cho dù hàng hóa, dịch vụ có được giao hoặc được thực hiện hay không.
- d) Xử lý tra soát, khiếu nại từ Chủ thẻ theo phương thức, chứng từ, thời gian gửi yêu cầu tra soát theo quy định của NH và của tổ chức Thẻ trong nước/quốc tế mà NH là thành viên tại từng thời điểm.
- e) Được miễn trách trong trường hợp khiếu nại, yêu cầu tra soát của KH không được Ngân hàng thanh toán/các tổ chức Thẻ trong nước/quốc tế giải quyết theo quy định của các tổ chức này.
- f) Thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp, các Hạn mức sử dụng Thẻ và các hạn mức khác phù hợp với chính sách của NH trong từng thời kỳ.
- g) Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ các khoản chi tiêu bằng Thẻ và các khoản lãi, phí liên quan trong kỳ chậm nhất vào Ngày đến hạn thanh toán.
- h) Được trực tiếp hoặc thông qua bên thứ ba thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa và các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của NH từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hình thức gửi văn bản thông báo thu hồi nợ, gửi tin nhắn qua điện thoại, gọi điện trực tiếp, thông báo tới Chủ thẻ hoặc địa chỉ, cơ quan làm việc của Chủ thẻ,... Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ phải thanh toán, NH được thực hiện các biện pháp thu hồi nợ để yêu cầu Chủ thẻ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn kiện tín dụng.
- i) Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH theo quy định, NH được quyền thu nợ từ tài sản bảo đảm hay bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ bao gồm số dư tiền gửi trên bất kỳ tài khoản nào của Chủ thẻ tại NH (tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn) và các tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại NH mà không cần có chữ ký/xác nhận của Chủ thẻ. Nếu NH thu nợ từ tài khoản thanh toán và/hoặc Tài khoản tiết kiệm và/hoặc Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Chủ thẻ để thanh toán các khoản nợ phát sinh, các khoản tiền gửi này sẽ được coi là rút trước hạn và tiền lãi sẽ được tính theo quy định về rút trước hạn của NH tại thời điểm trích. Trong trường hợp đó, NH được miễn trách về việc thay đổi kỳ hạn tiền gửi của Chủ thẻ. Trong trường hợp tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với đồng tiền là đồng ngoại tệ, NH sẽ thực hiện việc chuyển đổi tỷ giá do NH công bố tại thời điểm chuyển đổi.
- j) NH có thể thu thập và xác minh bất cứ thông tin nào liên quan đến Chủ thẻ từ bất cứ đơn vị nào mà

ke

- NH cảm thấy phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc bất kỳ tổ chức hay công ty nào khác được thành lập với mục đích đánh giá thứ hạng tín dụng cho các cá nhân và/hoặc Ngân hàng hay tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc bất cứ nơi nào khác).
- k) Cung cấp cho các bên có thẩm quyền thông tin về Chủ thẻ, tài khoản Thẻ phục vụ cho việc tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ theo quy định của pháp luật và/hoặc cho các mục đích khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.
 - l) Chấm dứt việc duy trì Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp và/hoặc việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ bằng việc huỷ, thu hồi Thẻ hoặc đóng/khóa Thẻ trên hệ thống nếu Chủ thẻ vi phạm các điều kiện và điều khoản về mở và sử dụng Thẻ tại Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc quy định của NH, sử dụng Thẻ giả mạo và/hoặc Thẻ bị nghi ngờ là giả mạo.
 - m) Được chủ động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) của Chủ thẻ tại NH, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại NH hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền chuyển cho NH để: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả trường hợp Chủ thẻ được NH chấp nhận trả nợ trước hạn), quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác của Chủ thẻ tại NH và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa Chủ thẻ và NH.
 - n) Thông báo về các sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mãi của NH, cảnh báo các rủi ro khi thực hiện Dịch vụ và các thông báo khác phục vụ cho việc sử dụng Dịch vụ tới Chủ thẻ theo các cách thức mà NH cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn, email, thông báo trên website, ...) với số lượng và thời gian không hạn chế.
 - o) Được chủ động quyết định việc áp dụng, không áp dụng các ưu đãi (tích điểm đổi quà, hoàn tiền, tích điểm đổi dặm bay,...) dành cho Chủ thẻ theo quy định của NH trong từng thời kỳ.
 - p) Được quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều kiện giao dịch chung này tùy từng thời điểm mà NH cho là phù hợp tùy theo quyết định của NH. Phương thức gửi và nhận các thông báo sửa đổi, điều chỉnh Điều kiện giao dịch chung giữa NH và Chủ thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Phần A của Điều kiện giao dịch chung này. Chủ thẻ được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi, điều chỉnh theo thông báo của NH nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Dịch vụ tại NH.
 - q) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ Thẻ tín dụng của Chủ thẻ theo Văn kiện tín dụng.
 - r) Được yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu cần thiết nhằm làm rõ các điều kiện sử dụng Thẻ khi đề nghị được cung ứng Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ; được thu thập thông tin từ các tổ chức khác về Chủ thẻ khi đề nghị NH cấp Hạn mức tín dụng Thẻ và phát hành Thẻ.
 - s) Được từ chối phát hành Thẻ nếu Chủ thẻ không đáp ứng đầy đủ các điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ; quyết định thu hồi Thẻ trong quá trình sử dụng nếu Chủ thẻ không thực hiện đầy đủ các điều khoản điều kiện tại Văn kiện tín dụng, quy định của NH và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
 - t) Được điều chỉnh các hạn mức liên quan đến Hạn mức tín dụng Thẻ, hạn mức sử dụng của từng Thẻ và các hạn mức liên quan khác, quy định các hình thức bảo đảm an toàn cho việc sử dụng Thẻ, quy định loại lãi, mức lãi áp dụng đối với Chủ thẻ không trái với quy định pháp luật hiện hành, quy định của NH và quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.
 - u) NH có các quyền khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của pháp

luật.

- v) Trường hợp phát hành Thẻ phi vật lý cho KH để sử dụng, NH được thực hiện các quyền phù hợp với các quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

2. Nghĩa vụ của Ngân hàng:

- a) Tôn trọng quyền và lợi ích của Chủ thẻ theo Điều kiện giao dịch chung này.
- b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.
- c) Bảo mật các thông tin về Thẻ của Chủ thẻ theo Điều kiện giao dịch chung này.
- d) Bồi thường các thiệt hại thực tế phát sinh do việc NH vi phạm các quy định về cung cấp Dịch vụ theo Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của pháp luật.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và quy định của pháp luật.
- f) Trường hợp phát hành Thẻ phi vật lý cho KH để sử dụng, NH thực hiện các nghĩa vụ phù hợp với quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Khoản Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

Điều 4. Phát hành Thẻ phi vật lý

- 1. Tùy thuộc chính sách của NH đối với một số dòng/loại Thẻ, Chủ thẻ có thể đăng ký và được NH phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng.
- 2. Trường hợp Chủ thẻ được phát hành Thẻ phi vật lý, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:
 - a) Thẻ phi vật lý được NH phát hành cho Chủ thẻ dưới dạng thẻ điện tử, không được in ra thành Thẻ vật lý. Chủ thẻ có thể thực hiện truy vấn thông tin thẻ thông qua Dịch vụ ngân hàng điện tử của NH và theo hướng dẫn của NH từng thời kỳ.
 - b) Phạm vi sử dụng Thẻ: Thẻ phi vật lý chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động.
 - c) Thu giữ Thẻ: Thẻ tín dụng phi vật lý không được phát hành dưới dạng vật chất nên không có trường hợp thu giữ Thẻ.
 - d) Phát hành lại Thẻ, PIN của Thẻ phi vật lý: Chủ thẻ có quyền yêu cầu NH phát hành lại Thẻ, PIN Thẻ phi vật lý trong trường hợp bị lộ thông tin, do nhu cầu của Chủ thẻ,... Việc phát hành lại Thẻ, PIN được thực hiện khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của NH. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán phí, chi phí liên quan theo quy định của NH.
- 3. Trường hợp Chủ thẻ được phát hành Thẻ phi vật lý gắn với Thẻ vật lý, ngoài quy định tại Khoản 2 Điều này, việc sử dụng Thẻ phi vật lý được áp dụng theo các quy định sau:
 - a) Thẻ vật lý gắn với Thẻ phi vật lý là một/một số Thẻ vật lý được VPBank phát hành cho Chủ thẻ và có thông tin chi tiết như được ghi nhận tại trong hồ sơ về phát hành Thẻ phi vật lý của Chủ thẻ.
 - b) Thẻ phi vật lý có số Thẻ, PIN khác với Thẻ vật lý.
 - c) Loại thẻ, lãi suất, thời hạn hiệu lực, Ngày sao kê, Kỳ sao kê, ngày đến hạn thanh toán, phương thức kích hoạt thẻ của Thẻ phi vật lý giống với Thẻ vật lý.
 - d) Hạn mức sử dụng của Thẻ phi vật lý thực hiện theo đăng ký của Chủ thẻ phù hợp với quy định của VPBank và không vượt quá Hạn mức sử dụng của Thẻ vật lý.
 - e) Tạm khóa/đóng Thẻ: Khi xảy ra các trường hợp tạm khóa Thẻ, đóng Thẻ, Chủ thẻ (trong trường

đk

hợp Chủ thẻ yêu cầu) có thể yêu cầu tạm khóa, đóng Thẻ phi vật lý hoặc Thẻ vật lý hoặc lựa chọn tạm khóa, đóng đồng thời cả hai Thẻ; và NH (trong trường hợp NH chủ động tạm khóa, đóng thẻ) có thể quyết định tạm khóa, đóng Thẻ phi vật lý hoặc Thẻ vật lý hoặc lựa chọn tạm khóa, đóng đồng thời cả hai Thẻ. Việc tạm khóa, chấm dứt tạm khóa, đóng thẻ thực hiện theo quy trình có liên quan của NH từng thời kỳ.

- f) Gia hạn Thẻ phi vật lý: Khi hết thời hạn hiệu lực, Thẻ phi vật lý không được gia hạn. Trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ phi vật lý, Chủ thẻ đăng ký phát hành mới Thẻ phi vật lý gắn với Thẻ vật lý hiện hữu (nếu Thẻ vật lý hiện hữu được gia hạn) hoặc gắn với Thẻ vật lý mới (nếu Thẻ vật lý hiện hữu không được gia hạn và Chủ thẻ phát hành lại Thẻ vật lý).
4. Các nội dung khác liên quan tới việc phát hành và sử dụng Thẻ phi vật lý không được quy định tại Điều này thực hiện theo Điều kiện giao dịch chung này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phạm vi sử dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng Thẻ và Hạn mức sử dụng Thẻ

I. Phạm vi sử dụng Thẻ và nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ:

- a) Chủ thẻ được sử dụng Thẻ để rút tiền mặt (trừ trường hợp Thẻ phụ phát hành cho Chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi) tại các POS của NH/Tổ chức thanh toán thẻ và các ATM trong liên minh NAPAS, có biểu tượng của Tổ chức thẻ quốc tế (đối với Thẻ quốc tế) hoặc rút tiền thông qua phương thức khác do NH triển khai từng thời kỳ, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ tại các ĐVCNT, qua internet, qua email, điện thoại,... và sử dụng các dịch vụ khác do NH và các Ngân hàng khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với NH thông qua một hoặc một số các tổ chức trung gian cung cấp. Đối với Thẻ phi vật lý, phạm vi sử dụng Thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Phần D - Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

Chủ thẻ đồng ý rằng, khi tham gia các giao dịch thanh toán bằng Thẻ, tùy thuộc vào từng giao dịch thẻ và yêu cầu/quy định của NH và/hoặc của Tổ chức thẻ quốc tế và/hoặc của ĐVCNT phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế, giao dịch thẻ có thể được xác thực bằng một, một số trong các phương thức bao gồm:

- i) Thẻ và Chủ thẻ phải hiện diện tại ĐVCNT; và/hoặc
 - ii) Chữ ký của Chủ thẻ trên hóa đơn giao dịch Thẻ; hoặc
 - iii) Nhập mã PIN khi giao dịch; hoặc
 - iv) Các thông tin thẻ (Tên thẻ/Số thẻ/mã CVV/CVC,...) được cung cấp qua email, điện thoại, internet,...; hoặc
 - v) Cuộc gọi của KH lên tổng đài điện thoại của NH; hoặc
 - vi) Xuất trình Thẻ Priority Pass; hoặc
 - vii) Bất kỳ phương thức xác thực nào khác mà Chủ thẻ đăng ký với NH; hoặc
 - viii) Bất kỳ phương thức xác thực nào khác mà NH, Tổ chức thẻ quốc tế và ĐVCNT quy định.
- b) Chủ thẻ hiểu và nhận thức đầy đủ rằng, khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch thanh toán thẻ mà Thẻ và/hoặc Chủ thẻ không hiện diện trực tiếp tại ĐVCNT hoặc tại trụ sở NH (Ví dụ: Giao dịch MOTO; giao dịch thanh toán trên internet, qua cuộc gọi điện thoại,...) và khi Chủ thẻ không bảo mật các thông tin về Thẻ, Thẻ của Chủ thẻ có thể bị lợi dụng cho các giao dịch thanh toán mà không cần Thẻ và/hoặc Chủ thẻ không hiện diện trực tiếp tại ĐVCNT. Bằng việc ký, xác nhận Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ xác nhận và chấp nhận hoàn toàn đối với các rủi ro này.
- c) Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho NH đối với tất cả các giao dịch phát sinh và được xác thực bằng bất kỳ phương thức nào nêu tại Điểm a trên. Chủ thẻ đồng ý rằng, Sao kê tài khoản

sẽ là bằng chứng xác nhận các giao dịch, phí, lãi (nếu có) và các khoản ghi nợ, ghi có trong Sao kê là đúng và có hiệu lực và Chủ thẻ sẽ thực hiện thanh toán tất cả các giao dịch, phí, lãi thể hiện trên Sao kê đúng thời hạn quy định trong Sao kê, trừ trường hợp do lỗi hạch toán nhầm của NH.

- d) Ngay khi Thẻ được kích hoạt thành công, Chủ thẻ được sử dụng các tính năng thanh toán Thẻ trên internet. Trường hợp không có nhu cầu sử dụng tính năng thanh toán này, Chủ thẻ liên hệ với NH để đề nghị đóng tính năng thanh toán này của Thẻ.
- e) Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ tín dụng để chuyển khoản, không được sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ để nạp tiền, ghi có vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước hoặc ví điện tử.
- f) Trường hợp được phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng, phạm vi sử dụng Thẻ phi vật lý thực hiện phải phù hợp với quy định tại Khoản này và Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

2. Hạn mức tín dụng Thẻ:

- a) Để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp, Chủ thẻ có thể được NH phát hành nhiều loại Thẻ tín dụng để sử dụng. Thẻ tín dụng được phát hành là phương tiện để Chủ thẻ sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp cũng như hưởng các chính sách, sử dụng các tính năng tương ứng theo quy định của NH áp dụng đối với từng loại Thẻ được phát hành.
- b) Với mỗi loại Thẻ tín dụng được phát hành, các vấn đề liên quan đến Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn loại Thẻ được phát hành, Hạn mức sử dụng Thẻ gắn với từng Thẻ, Ngày sao kê, ngày thanh toán, lãi suất của Thẻ và các vấn đề liên quan khác thực hiện theo quy định của NH và Sao kê của loại Thẻ đó được NH gửi tới Chủ thẻ.
- c) Việc phát hành Thẻ tín dụng để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ thực hiện theo quy định sau:
 - i) Điều kiện phát hành Thẻ tín dụng thực hiện theo quy định của NH tại thời điểm Chủ thẻ đề nghị.
 - ii) Với mỗi Thẻ tín dụng được phát hành sẽ được gắn với một Hạn mức sử dụng Thẻ riêng nhưng đảm bảo không vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ. Trường hợp Chủ thẻ đề nghị phát hành hơn một loại Thẻ tín dụng, tổng Hạn mức sử dụng Thẻ của các Thẻ này trong mọi trường hợp không được vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ. Hạn mức sử dụng Thẻ của (các) Thẻ phụ được dùng chung với Hạn mức sử dụng Thẻ của Thẻ chính.
 - iii) Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp cho Chủ thẻ không thay đổi trong suốt Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, trừ trường hợp Chủ thẻ đề nghị tăng/giảm Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp trước đó. Khi Chủ thẻ sử dụng Thẻ tín dụng, Hạn mức sử dụng khả dụng của các Thẻ khác sẽ bị giảm tương ứng với phần hạn mức đã được sử dụng.
 - iv) Việc đề nghị phát hành Thẻ tín dụng để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp có thể được Chủ thẻ thực hiện thông qua cuộc gọi điện thoại giữa NH và Chủ thẻ. Chủ thẻ đồng ý rằng, bằng việc NH đã tiếp nhận đề nghị của Chủ thẻ qua điện thoại; và Thẻ đã được giao tới địa chỉ mà Chủ thẻ đăng ký và Thẻ đã được kích hoạt theo quy định của NH, Chủ thẻ đồng ý chịu trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch được thực hiện bởi các Thẻ này như được ghi nhận trên hệ thống của NH và Sao kê gửi Chủ thẻ. Từng thời kỳ, NH có thể triển khai các phương thức đăng ký phát hành Thẻ tín dụng khác.

3. Hạn mức sử dụng Thẻ và thay đổi Hạn mức sử dụng Thẻ:

- a) Chủ thẻ sử dụng Thẻ trong phạm vi Hạn mức sử dụng Thẻ. Hạn mức sử dụng Thẻ bao gồm Hạn mức tín dụng Thẻ được gắn với Thẻ, hạn mức thanh toán, hạn mức chuyển khoản, hạn mức rút tiền mặt và các hạn mức khác theo quy định của NH.

- b) NH chấp thuận cho Chủ thẻ sử dụng số vốn trong phạm vi Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch Thẻ được phép như quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.
- c) Bằng việc kích hoạt Thẻ, Chủ thẻ (được hiểu bao gồm cả Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ) được coi là đã nhận được thông báo đầy đủ của NH về Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn của Hạn mức tín dụng Thẻ và chấp thuận Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn của Hạn mức tín dụng Thẻ được NH cấp. Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ của KH cũng được thể hiện trên Sao kê của NH gửi cho KH hàng tháng theo quy định của NH.
- d) NH được quyền định kỳ theo quy định của NH hoặc đột xuất xem xét, đánh giá lại Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp cho Chủ thẻ theo Văn kiện tín dụng đã ký giữa Chủ thẻ và NH. NH được quyền điều chỉnh, chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ theo kết quả xem xét, đánh giá của NH, trường hợp này NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ được biết bằng phương thức mà NH cho là hợp lý và phù hợp với Điều kiện giao dịch chung này. Chủ thẻ đồng ý và cam kết thực hiện Văn kiện tín dụng theo thông báo của NH.
- e) Khi hết Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, NH sẽ thực hiện đánh giá lại Hạn mức tín dụng Thẻ theo quy định của NH. Chủ thẻ sẽ được cấp lại Hạn mức tín dụng Thẻ bằng với hạn mức đã cấp nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH. NH có quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu để xem xét, thẩm định lại Hạn mức tín dụng Thẻ nếu thấy cần thiết. Bằng việc ký, xác nhận Văn kiện tín dụng KH, Chủ thẻ đồng ý đề nghị NH thực hiện việc đánh giá lại Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ và xem xét cấp Hạn mức tín dụng mới cho Chủ thẻ.
- f) Trong Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, Chủ thẻ có thể gửi đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ, Hạn mức chi tiêu ngày của Thẻ,... tới NH và tuân thủ các quy định của NH khi xét thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ mới cho Chủ thẻ. Chủ thẻ được coi là đồng ý với Hạn mức tín dụng Thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ được thay đổi nếu tiếp tục sử dụng Thẻ mà không có bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện gì với NH. Trường hợp NH nhận được đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ, Hạn mức chi tiêu ngày,... qua các phương tiện điện tử thuộc các Dịch vụ Ngân hàng điện tử được NH triển khai từng thời kỳ, sau khi NH thực hiện xác minh Chủ thẻ theo quy định của NH và đã thực hiện thay đổi các hạn mức liên quan theo yêu cầu nhận được, Chủ thẻ đồng ý chịu trách nhiệm hoàn toàn trước NH về hạn mức mới được đề nghị cũng như các rủi ro có thể phát sinh (nếu có).
- g) Tùy thuộc vào chính sách của NH từng thời kỳ, NH có thể thay đổi các Hạn mức sử dụng Thẻ, và các hạn mức khác của Thẻ. Trường hợp thay đổi, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ được biết theo một, một số trong các phương thức quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

Điều 6. Lãi suất và trường hợp thu lãi

1. Lãi suất và phương pháp tính lãi Thẻ tín dụng:

- a) Lãi suất áp dụng với dư nợ của từng loại Thẻ tín dụng theo Văn kiện tín dụng thực hiện theo biểu lãi suất do NH quy định áp dụng với loại Thẻ tín dụng đó tại từng thời kỳ được niêm yết công khai trên website chính thức của NH.

Lãi suất của từng loại Thẻ tín dụng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- (i) Điều chỉnh theo các yếu tố thị trường, chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước. Mức lãi suất điều chỉnh trong trường hợp này được tính theo công thức sau: Lãi suất điều chỉnh bằng (=) Lãi suất áp dụng cộng/trừ (-/-) Biên độ điều chỉnh chung. Trong đó:
- Lãi suất áp dụng là lãi suất thẻ tín dụng áp dụng trước thời điểm điều chỉnh.

- Biên độ điều chỉnh chung là biên độ điều chỉnh lãi suất được áp dụng đối với Chủ thẻ theo từng dòng thẻ, sản phẩm thẻ mà Chủ thẻ sử dụng khi NH thực hiện điều chỉnh lãi suất. Biên độ điều chỉnh chung được NH công bố công khai trên website chính thức của NH từng thời kỳ.
- (ii) Điều chỉnh theo kết quả đánh giá hành vi tín dụng của Chủ thẻ. Đối với Thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm, căn cứ trên cơ sở các thông tin về loại thẻ, thời gian sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng được cấp, hành vi sử dụng thẻ, hành vi trả nợ của Chủ thẻ và các yếu tố khác có liên quan theo quy định của NH từng thời kỳ, định kỳ theo quy định của NH, NH sẽ thực hiện đánh giá hành vi tín dụng của Chủ thẻ theo mô hình đánh giá mà NH áp dụng. Căn cứ kết quả đánh giá, Chủ thẻ sẽ được phân nhóm rủi ro khác nhau, tương ứng với từng phân nhóm rủi ro, Chủ thẻ sẽ được áp dụng Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng cụ thể. Mức lãi suất điều chỉnh trong trường hợp này được tính theo công thức sau: Lãi suất điều chỉnh bằng (=) Lãi suất áp dụng cộng/trừ (+/-) Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng. Trong đó:
- Lãi suất áp dụng là lãi suất thẻ tín dụng áp dụng trước thời điểm điều chỉnh.
 - Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng là biên độ điều chỉnh lãi suất tương ứng với phân nhóm rủi ro của Chủ thẻ theo kết quả đánh giá của NH. Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng được NH công bố công khai trên website chính thức của NH từng thời kỳ.
- (iii) NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo quy định của pháp luật trong trường hợp NH có điều chỉnh về mức lãi suất áp dụng. Mức lãi suất điều chỉnh nêu tại Điều 4 này sẽ được áp dụng kể từ Ngày sao kê của Thẻ tín dụng cộng (+) 3 và sau thời điểm NH đã thực hiện thông báo về việc điều chỉnh lãi suất cho Chủ thẻ. Mức lãi suất áp dụng cụ thể được ghi nhận lại trên Sao kê được gửi cho Chủ thẻ.
- b) Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc sẽ thực hiện theo quy định sau:
- (i) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi của một Kỳ sao kê được tính toán như sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

Trong đó:

- **Số dư thực tế:** Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn mà Chủ thẻ còn phải trả cho NH được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật;
- **Số ngày duy trì số dư thực tế:** Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi;
- **Lãi suất tính lãi:** Là mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp Đồng và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày và theo phương pháp tính lãi “tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi”.
- **Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi:** Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ thực tế thanh toán toàn bộ dư nợ cho NH và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi. Trong đó ngày NH giải ngân khoản cấp tín dụng được xác định như sau:
 - ✓ *Đối với các giao dịch rút tiền mặt:* Là ngày giao dịch rút tiền mặt được cập nhật vào

h

hệ thống quản lý thẻ của NH;

- ✓ *Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:* Là ngày giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của NH.

(ii) Trường hợp thời hạn tính từ khi Chủ thẻ nhận giải ngân khoản cấp tín dụng đến khi Chủ thẻ thanh toán khoản tiền NH đã giải ngân là dưới 01 ngày, các bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Chủ thẻ trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.

- c) Mức lãi suất trong hạn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, mức lãi suất này BẰNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:

(i) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày NH giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày Chủ thẻ thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho NH; và

(ii) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Các trường hợp thu lãi:

- a) Trường hợp Chủ thẻ rút tiền mặt hoặc ứng tiền mặt: Chủ thẻ sẽ phải chịu lãi suất trên khoản tiền đã rút/ứng và phí rút/ứng tiền (nếu có) kể từ ngày Chủ thẻ thực hiện giao dịch rút/ứng tiền mặt cho đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ thực tế thanh toán toàn bộ dư nợ cho NH. Số tiền phí rút/ứng tiền mặt, lãi từ ngày phát sinh giao dịch đến Ngày sao kê đầu tiên được thể hiện ngay trên Sao kê cùng kỳ. Nếu Chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần số dư nợ rút/ứng tiền mặt trong kỳ (bao gồm cả lãi và phí), dư nợ còn lại (gốc, lãi, phí) sẽ tiếp tục được tính lãi theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này cho đến khi được thanh toán hết và sẽ được thể hiện trên Sao kê của các kỳ tiếp theo.

- b) Trường hợp Chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:

(i) Nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư nợ sao kê cuối kỳ (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ rút/ứng tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, phí của Kỳ sao kê đó) vào trước hoặc vào Ngày đến hạn thanh toán thì NH sẽ không thu lãi đối với toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong Kỳ sao kê đó;

(ii) Nếu Chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối Kỳ sao kê (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ ứng/rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, phí của Kỳ sao kê đó) hay trả nợ ít nhất bằng Trị giá thanh toán tối thiểu, NH sẽ thu lãi đối với tất cả các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong Kỳ sao kê, các giao dịch/số tiền còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên Kỳ sao kê tiếp theo.

- c) Giao dịch tra soát: Lãi đối với các giao dịch có tra soát của Chủ thẻ chưa thanh toán cũng được tính theo nguyên tắc của giao dịch ứng/rút tiền mặt và giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này và Phương pháp tính lãi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này. NH sẽ hoàn lại lãi cho Chủ thẻ đối với những giao dịch có khiếu nại, tra soát đúng.

3. Lãi suất quá hạn và Phí chậm trả (phí phạt khoản nợ quá hạn):

- a) Nếu đến Ngày đến hạn thanh toán, Chủ thẻ không thanh toán hoặc không thanh toán đủ Trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trong Kỳ sao kê gần nhất, phần Trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh

toán sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn. Số dư còn lại sau khi đã trừ đi phần Trị giá thanh toán tối thiểu vẫn được tính lãi theo mức lãi trong hạn đang áp dụng.

- b) Ngoài khoản lãi quá hạn, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho NH khoản phí chậm trả (nếu có) theo quy định của NH từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản lãi quá hạn và phí chậm trả này sẽ được thể hiện trên Sao kê của kỳ tiếp theo.
4. Chủ thẻ đồng ý rằng, tất cả các khoản phí, phạt (nếu có) phát sinh trong quá trình Chủ thẻ sử dụng Thẻ tín dụng nếu không được Chủ thẻ thanh toán đúng hạn sẽ được tính vào dư nợ Thẻ tín dụng. Lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 7. Các loại phí

1. Trong quá trình sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán cho NH các loại phí tại Biểu phí dịch vụ thẻ theo quy định của NH tương ứng với từng loại Thẻ tín dụng mà Chủ thẻ được phát hành phù hợp quy định pháp luật, bao gồm các loại phí sau:
 - a) **Phí phát hành Thẻ:** Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán khi đăng ký phát hành Thẻ, bao gồm: Phí phát hành lần đầu, phí phát hành lại Thẻ.
 - b) **Phí thường niên:** Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán định kỳ hàng năm trong thời gian sử dụng Thẻ.
 - c) **Phí thay đổi hạng Thẻ:** Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán khi đăng ký thay đổi hạng Thẻ.
 - d) **Phí xử lý giao dịch thẻ quốc tế:** Là khoản phí phát sinh khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.
 - e) **Phí cấp Sao kê giao dịch:** Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán khi yêu cầu NH cấp Sao kê đối với (các) giao dịch.
 - f) **Phí tra soát:** Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi có yêu cầu tra soát không đúng hoặc không chính xác về các giao dịch Thẻ đã thực hiện.
 - g) **Phí xử lý giao dịch Thẻ tại ATM:** Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi thực hiện các giao dịch Thẻ tại ATM.
 - h) **Phí thay đổi trạng thái thẻ:** Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi yêu cầu mở/ khóa thẻ ATM.
 - i) **Phí quản lý hạn mức tăng thêm:** Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi sử dụng phần Hạn mức tín dụng được NH cấp thêm.
 - j) **Phí dịch vụ hoặc phí hành chính** đối với bất cứ yêu cầu nào, dịch vụ hoặc tiện ích gia tăng nào do NH cung cấp hoặc thực hiện theo yêu cầu của Chủ thẻ liên quan đến tài khoản Thẻ của Chủ thẻ.
 - k) Các loại phí khác phù hợp với quy định của pháp luật và được nêu cụ thể tại Biểu phí dịch vụ thẻ của NH.
2. Biểu phí dịch vụ thẻ áp dụng sẽ được NH quy định và niêm yết công khai trên website chính thức và/hoặc tại các điểm giao dịch của NH tại từng thời kỳ.
3. Trong trường hợp Biểu phí dịch vụ thẻ có sự thay đổi, NH sẽ thông báo đến Chủ thẻ theo một trong các phương thức quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Các thay đổi về phí có hiệu lực áp dụng với Chủ thẻ sau 07 ngày kể từ ngày NH thông báo và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ theo Biểu phí mới cho NH.
4. Tùy thuộc vào chính sách của NH từng thời kỳ, Chủ thẻ có thể được ưu đãi một, một số loại phí khi

mở Thẻ hoặc trong một giai đoạn nhất định trong quá trình sử dụng Thẻ. Hết thời hạn ưu đãi hoặc khi Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi, NH sẽ thực hiện thu phí theo biểu phí thông thường và Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cho NH.

Điều 8. Thanh toán và trả nợ

1. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán:

- a) Các giao dịch phát sinh trên tài khoản Thẻ của Chủ thẻ có yêu cầu hoặc không yêu cầu chữ ký, mã PIN hoặc được xác thực bằng các hình thức khác theo quy định của Tổ chức Thẻ quốc tế, NH và quy định pháp luật như quy định chi tiết tại Điều 5 Phần D – Bàn Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng. Hàng tháng, NH sẽ lập và gửi Chủ thẻ Sao kê qua email Chủ thẻ đã đăng ký theo Văn kiện tín dụng, liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ (bao gồm của Chủ thẻ chính và các Chủ thẻ phụ) phát sinh trong Kỳ sao kê theo ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống NH, các giao dịch trên Sao kê đã được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của Tổ chức thẻ quốc tế hoặc theo tỷ giá quy đổi của NH tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống của NH. Trong trường hợp giao dịch Thẻ của Chủ thẻ thanh toán bằng loại tiền khác VND, NH sẽ thu phí xử lý giao dịch Thẻ quốc tế hoặc phí khác theo quy định của NH trong từng thời kỳ.
 - b) Chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ cho NH các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác được đề cập trong Sao kê mà NH gửi về cho Chủ thẻ hàng tháng.
 - c) Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán cho NH mức tối thiểu bằng Trị giá thanh toán tối thiểu của Kỳ sao kê do NH thông báo trong thời hạn được ghi nhận trên Sao kê và/hoặc trong thời hạn như được NH thông báo thông qua một, một số phương thức thông báo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này (Ngày đến hạn thanh toán).
 - d) Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của NH mà Chủ thẻ không nhận được Sao kê hàng tháng, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả trong kỳ, đồng thời thông báo cho NH để kiểm tra và xác định nguyên nhân.
 - e) Chủ thẻ cam kết chấp nhận thanh toán vô điều kiện tất cả các giao dịch được NH liệt kê trong Sao kê.
2. Chủ thẻ phải thông báo cho NH bằng văn bản hoặc thông qua tổng đài Chăm sóc KH của NH các khiếu nại, yêu cầu tra soát của mình liên quan đến các giao dịch Thẻ trong thời hạn quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và quy định của NH từng thời kỳ, sau thời hạn này, nếu NH không nhận được các khiếu nại, yêu cầu tra soát thì coi như Chủ thẻ đồng ý với tất cả các giao dịch và phí phát sinh thể hiện trên Sao kê. NH theo đó sẽ không có trách nhiệm giải quyết các yêu cầu, khiếu nại, khiếu kiện của Chủ thẻ về các giao dịch Thẻ sau thời gian trên.
3. Cách thức thanh toán: Chủ thẻ có thể thanh toán các nghĩa vụ phát sinh trên Sao kê bằng một trong các phương thức sau: (i) thanh toán bằng tiền mặt tại NH; (ii) đề nghị NH tự động trích nợ tài khoản thanh toán; (iii) chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại NH hoặc tại ngân hàng khác. Chủ thẻ được phép thanh toán số dư nợ trước hạn.
4. Khoản thanh toán Sao kê của Chủ thẻ sẽ tuân theo thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định của NH, cụ thể:
- a) Phí thường niên.
 - b) Lãi quá hạn.
 - c) Lãi trong hạn.
 - d) Lãi của các giao dịch ứng tiền mặt.

- e) Lãi của các giao dịch chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ.
- f) Phí rút tiền mặt.
- g) Các loại phí khác.
- h) Giá trị các giao dịch rút tiền mặt (theo thứ tự ngày cập nhật vào hệ thống của NH).
- i) Giá trị các giao dịch chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ (theo thứ tự ngày cập nhật vào hệ thống của NH).

Thứ tự ưu tiên thu nợ nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH từng thời kỳ.

5. Trường hợp KH chuyển tiền vào tài khoản Thẻ với số tiền lớn hơn số tiền mà KH phải thanh toán dư nợ theo Sao kê định kỳ, KH đồng ý rằng, số tiền còn lại sau khi đã được NH thu nợ sẽ được NH quản lý và được sử dụng để thanh toán cho dư nợ phát sinh của các Kỳ sao kê kế tiếp, khoản tiền này sẽ không được hưởng lãi.

Điều 9. Thẻ chính và Thẻ phụ

1. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu phát hành Thẻ phụ theo số lượng theo quy định của NH cho người được mình chỉ định sử dụng. Hạn mức sử dụng Thẻ của các Chủ thẻ phụ do Chủ thẻ chính quyết định và tổng Hạn mức sử dụng của các Chủ thẻ (bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ) của từng loại Thẻ không vượt quá Hạn mức sử dụng Thẻ của loại Thẻ mà NH cấp cho Chủ thẻ chính. Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một tài khoản Thẻ. Giao dịch của Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ thẻ chính để thanh toán.
2. Chủ thẻ chính là người chịu trách nhiệm về các giao dịch thực hiện bằng Thẻ của Thẻ chính và (các) Thẻ phụ và chịu trách nhiệm thanh toán cho NH dư nợ khi được yêu cầu. Trong trường hợp Chủ thẻ chính chết hoặc không có khả năng thanh toán dư nợ, (các) Chủ thẻ phụ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ.
3. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu NH ngừng việc sử dụng (các) Thẻ phụ bằng văn bản mà không cần sự đồng ý của (các) Chủ thẻ phụ. Nếu Chủ thẻ chính tạm ngừng hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ thì (các) Chủ thẻ phụ cũng phải ngừng theo. Tuy nhiên việc tạm ngừng hoặc chấm dứt Thẻ phụ thì không làm ảnh hưởng gì đến Thẻ chính.

Điều 10. Phát hành lại, gia hạn Thẻ, từ chối thanh toán Thẻ và thu giữ Thẻ

1. Phát hành lại, gia hạn Thẻ:

- a) Chủ thẻ có quyền yêu cầu NH phát hành lại Thẻ trong trường hợp Thẻ bị mất/bị đánh cắp, Thẻ hết hạn sử dụng Thẻ, thay đổi hạng Thẻ hoặc yêu cầu phát hành Thẻ mới thay thế Thẻ cũ, Thẻ hỏng, ...; và/hoặc gia hạn Thẻ khi Thẻ hết thời gian sử dụng Thẻ.
- b) Khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của NH, NH sẽ xem xét để phát hành lại, gia hạn Thẻ cho Chủ thẻ. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán phí, chi phí liên quan đến việc phát hành lại, gia hạn Thẻ theo quy định của NH.

2. Thu giữ Thẻ: Thẻ bị NH thu giữ trong các trường hợp sau:

- a) Thẻ giả.
- b) Thẻ sử dụng trái phép.
- c) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.
- d) Thẻ nằm trong danh sách Thẻ đen, Thẻ hết Thời hạn sử dụng Thẻ.

Các trường hợp khác được thu giữ Thẻ theo quy định của NH từng thời kỳ.

3. Các chi phí liên quan đến phát hành lại Thẻ do Chủ thẻ thanh toán. NH có quyền ghi nợ tài khoản Thẻ của Chủ thẻ đối với các khoản phí liên quan theo quy định của NH.

4. **Từ chối thanh toán Thẻ:** Thẻ sẽ bị từ chối thanh toán khi:

- a) Thẻ bị liệt kê trong danh sách Thẻ đen.
- b) Thẻ đã hết thời hạn sử dụng.
- c) Thẻ bị khóa.
- d) Thẻ hỏng, xước, cong vênh.
- e) Thẻ giả hoặc có liên quan đến giao dịch giả mạo.
- f) Hạn mức sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chính không đủ chi trả khoản thanh toán.
- g) Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo bị mất.
- h) Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch, hành vi bị cấm theo quy định pháp luật và quy định của NH.
- i) Chủ thẻ vi phạm quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và các quy định của NH về việc sử dụng Thẻ.
- j) Thẻ có liên quan đến giao dịch bị áp dụng các lệnh cấm vận trừng phạt.
- k) Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ các khoản phí hoặc các nghĩa vụ tài chính khác theo biểu phí và/hoặc quy định được niêm yết công khai trên website chính thức và/hoặc tại các điểm giao dịch của NH.
- l) Chủ thẻ vi phạm quy định thanh toán Thẻ của Tổ chức thanh toán thẻ và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- m) Thẻ chưa đăng ký hoặc chưa được cấp phép sử dụng các dịch vụ liên quan mà Chủ thẻ yêu cầu thực hiện.
- n) NH, Tổ chức thanh toán thẻ, ĐVCNTF có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của Chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- o) Thẻ được sử dụng để thanh toán cho các giao dịch liên quan đến các cá nhân, tổ chức nằm trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố do các Cơ quan có thẩm quyền ban hành và/hoặc khuyến nghị áp dụng và/hoặc thẻ được sử dụng để thanh toán cho các giao dịch bị áp dụng các lệnh cấm vận trừng phạt.
- p) Các trường hợp khác theo quy định của NH và của pháp luật.

5. Chủ thẻ đồng ý rằng, tùy theo chính sách của NH từng thời kỳ (chính sách bảo mật Thẻ, chính sách phát triển Thẻ, ...), NH có thể xem xét yêu cầu Chủ thẻ thay đổi dòng (loại) Thẻ mà Chủ thẻ đang sử dụng sang dòng (loại) Thẻ mới. Trước khi triển khai dòng (loại) Thẻ mới, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ về việc thay đổi này bằng một trong các phương thức liên hệ theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Trường hợp Chủ thẻ không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ theo yêu cầu của NH sẽ được xem là Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ tại Điều kiện giao dịch chung này, khi đó, NH có quyền xem xét, áp dụng các hình thức xử lý phù hợp theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này

Điều 11. Tạm khóa, chấm dứt việc sử dụng Thẻ và Hạn mức tín dụng Thẻ

1. NH có quyền đóng, hủy hiệu lực, thu hồi Thẻ hoặc tạm khóa Thẻ/Hạn mức tín dụng Thẻ (một phần hoặc toàn bộ) của Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

- a) Thẻ đã hết hạn sử dụng nhưng Chủ thẻ không có yêu cầu gia hạn thời hạn sử dụng Thẻ.

- b) Chủ thẻ không thanh toán đủ số tiền tương ứng với Trị giá thanh toán tối thiểu sau 10 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên của Trị giá thanh toán tối thiểu đó hoặc một thời hạn khác theo thông báo của NH.
- c) Chủ thẻ không thực hiện kích hoạt Thẻ trong vòng 10 tháng kể từ ngày Thẻ được phát hành trên hệ thống NH. Ngày phát hành Thẻ trên hệ thống là ngày do NH xác định và thông báo cho Chủ thẻ.
- d) Chủ thẻ vi phạm các quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc các quy định của NH/của pháp luật/của tổ chức thanh quyết toán có liên quan đến phát hành và sử dụng Thẻ của NH. Trong trường hợp này, NH được miễn trách đối với bất kỳ sự phung phí nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc yêu cầu thu hồi lại Thẻ.
- e) Chủ thẻ không cung cấp các chứng từ theo quy định của NH trong việc đánh giá lại Hạn mức tín dụng định kỳ.
- f) Các trường hợp liên quan đến gian lận, giả mạo và quản lý rủi ro Thẻ và/hoặc theo các quy định liên quan đến Phòng, chống rửa tiền, cấm vận trừng phạt, chống tài trợ khủng bố của NH từng thời kỳ.
- g) Theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổ chức thẻ quốc tế về việc ngừng sử dụng Thẻ.
- h) Theo yêu cầu của Chủ thẻ.
- i) NH không liên hệ được với Chủ thẻ sau khi đã thông báo tới Chủ thẻ theo một trong các phương thức thông báo tại Điều kiện giao dịch chung này.
- j) Chủ thẻ có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại NH.
- k) Trường hợp Chủ thẻ có sử dụng các khoản cấp tín dụng khác tại NH và các TCTD khác (bao gồm cả Thẻ tín dụng) và một trong các khoản cấp tín dụng này đang phát sinh nợ quá hạn từ 90 ngày trở lên.
- l) Theo quy định của sản phẩm, chương trình sản phẩm/dịch vụ do NH triển khai, ... mà Chủ thẻ tham gia trong đó việc tạm khóa Hạn mức tín dụng Thẻ là điều kiện để Chủ thẻ được tham gia sản phẩm, chương trình sản phẩm/dịch vụ, ... này.
- m) Chủ thẻ thực hiện lệnh chuyển khoản tiền từ Tài khoản thanh toán của Chủ thẻ đến Tài khoản bị cảnh báo theo quy định của NH hoặc của các tổ chức tín dụng khác.
- n) Các trường hợp khác theo Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của NH và quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH và Chủ thẻ có nhu cầu, NH sẽ thực hiện mở lại Thẻ tạm thời bị khóa cho Chủ thẻ. Chủ thẻ có thể đến bất kỳ quầy giao dịch nào của NH hoặc gọi lên tổng đài của NH (trong trường hợp NH đã triển khai hoạt động này qua tổng đài điện thoại), để NH hỗ trợ mở Thẻ cho Chủ thẻ theo quy định của NH.

2. Chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ:

- a) NH có quyền chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc việc sử dụng bất kỳ Thẻ nào của Chủ thẻ trong các trường hợp sau:
 - (i) Sau 90 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên, nếu Chủ thẻ không thanh toán đủ khoản Trị giá thanh toán tối thiểu được thể hiện trên Sao kê của kỳ gần nhất của bất kỳ Thẻ tín dụng nào. Khi chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc việc sử dụng Thẻ, NH có quyền thực hiện

các biện pháp thu hồi nợ (bao gồm cả việc thực hiện xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu có). Thời hạn nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH.

- (ii) Chủ thẻ vi phạm quy định về điều kiện, quy định cấp tín dụng và sử dụng Thẻ của NH, của Tổ chức thẻ quốc tế hoặc vi phạm quy định pháp luật về sử dụng Thẻ.
- (iii) Chủ thẻ phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại NH hoặc tại các tổ chức tín dụng khác.
- (iv) NH phát hiện các tài liệu, thông tin do Chủ thẻ, Bên bảo đảm (nếu có) cung cấp là không chính xác, không trung thực và sai sự thật.
- (v) Các trường hợp liên quan đến giao dịch gian lận, giả mạo và quản lý rủi ro và/hoặc theo các quy định liên quan đến Phòng, chống rửa tiền, cấm vận trừng phạt, chống tài trợ khủng bố của NH từng thời kỳ.
- (vi) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổ chức thẻ quốc tế về việc ngừng sử dụng Thẻ.
- (vii) Các trường hợp NH thấy cần thiết.
- (viii) Theo yêu cầu của Chủ thẻ.
- (ix) Chủ thẻ vi phạm các điều khoản áp dụng cho các khoản vay khác tại NH.
- (x) Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện khác để được tiếp tục sử dụng Thẻ theo quy định của NH từng thời kỳ (áp dụng trong trường hợp Thẻ của Chủ thẻ là Thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu/Thẻ được phát hành trên cơ sở liên kết, hợp tác giữa NH và các đơn vị, tổ chức khác).
- (xi) Chủ thẻ chết, bị tuyên là đã chết. NH không liên hệ được với KH sau khi đã thông báo tới KH theo một trong các phương thức thông báo tại Điều kiện giao dịch chung này.
- (xii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, quy định của NH và pháp luật.

b) Chủ thẻ có thể yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ với điều kiện đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với NH theo quy định pháp luật. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu NH chấm dứt việc sử dụng bất cứ một Thẻ phụ nào hoặc tất cả các Thẻ (bao gồm cả Thẻ chính và Thẻ phụ) bằng cách gửi văn bản/gửi mail/gọi điện thoại lên tổng đài chăm sóc KH của NH để thông báo cho NH theo quy định của NH từng thời kỳ. Chủ thẻ phụ có quyền yêu cầu NH chấm dứt việc sử dụng Thẻ phụ được cấp cho mình bằng cách thông báo bằng văn bản tới NH. Nếu Chủ thẻ chính chính thức chấm dứt Văn kiện tín dụng thì Chủ thẻ phụ cũng phải ngừng theo.

3. Việc chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chỉ có hiệu lực và được NH chấp thuận khi Chủ thẻ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với NH như sau:

- a) Việc chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ chỉ có hiệu lực khi NH chấp thuận và thực hiện khóa Thẻ trên hệ thống. Theo đó, khi chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho NH toàn bộ các khoản dư nợ (gốc, lãi, các khoản phí,...), chi phí phát sinh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính liên quan tới việc mở và sử dụng Thẻ.
- b) Trừ trường hợp NH có quy định khác, Chủ thẻ phải trả lại Thẻ cho NH và chấm dứt việc sử dụng Thẻ để thanh toán các giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ thông qua internet, điện thoại hoặc thư tín hoặc các phương thức khác theo quy định của NH. Bất kỳ giao dịch nào được thực hiện bằng

Thẻ hoặc mã PIN (dù là bởi Chủ thẻ hay không) trước khi Thẻ được trả lại cho NH, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đối với các giao dịch phát sinh do cho NH.

- c) Trường hợp Chủ thẻ không nộp lại phôi Thẻ, Chủ thẻ sẽ phải thanh toán cho NH khoản phí thất lạc Thẻ (nếu có) theo quy định được niêm yết công khai của NH.
- d) Không phụ thuộc vào việc Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ và/hoặc ngày NH thực hiện khóa Thẻ, nếu tài khoản Thẻ của Chủ thẻ có phát sinh giao dịch thì Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đối với các giao dịch phát sinh.

Điều 12. Cung cấp thông tin, hoàn trả tiền trên Thẻ chưa sử dụng hết

1. Chủ thẻ được quyền yêu cầu NH cung cấp thông tin về số dư tài khoản Thẻ, lịch sử giao dịch Thẻ và các thông tin cần thiết khác liên quan tới việc sử dụng Thẻ. Để được cung cấp thông tin, Chủ thẻ có thể trực tiếp đến các Điểm giao dịch của NH hoặc liên hệ với NH thông qua tổng đài điện thoại số ĐT (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác theo thông báo của NH hoặc thông qua phương thức khác do NH triển khai từng thời kỳ. Chủ thẻ có nghĩa vụ tuân thủ quy định, yêu cầu và thanh toán các khoản phí... theo quy định của NH khi đề nghị NH cung cấp thông tin. Khi nhận được yêu cầu hợp lệ của Chủ thẻ, NH sẽ thực hiện cung cấp thông tin cho Chủ thẻ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin sẽ được NH thực hiện bằng phương thức do NH và Chủ thẻ thỏa thuận tại thời điểm Chủ thẻ yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ thẻ đồng ý rằng NH có thể thực hiện đa dạng các phương thức cung cấp thông tin cho Chủ thẻ (cung cấp thông tin bằng văn bản, qua điện thoại, qua email, tin nhắn SMS,...), các phương thức cung cấp thông tin qua điện thoại, email và tin nhắn SMS có thể sẽ có rủi ro trong trường hợp thông tin cá nhân, tài khoản, Thẻ của Chủ thẻ bị tiết lộ. Chủ thẻ xác nhận đã biết và nhận thức đầy đủ về các rủi ro này và cam kết chịu mọi rủi ro phát sinh (nếu có).
2. Trong mọi trường hợp, tiền của Chủ thẻ sẽ được quản lý trong tài khoản Thẻ để NH thu nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Chủ thẻ. Số tiền trên tài khoản Thẻ của Chủ thẻ chưa sử dụng hết sau khi đã được trích để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Chủ thẻ tại NH nêu trên (nếu có) sẽ được hoàn trả cho Chủ thẻ khi đóng Thẻ, cụ thể NH sẽ quản lý số tiền này cho đến khi Chủ thẻ đến nhận. Tùy theo yêu cầu của NH, Chủ thẻ có trách nhiệm ký các tài liệu, chứng từ liên quan khi thực hiện nhận khoản tiền này. Chủ thẻ có thể chủ động kiểm tra thông tin về số tiền chưa sử dụng hết tại Sao kê hàng tháng hoặc liên hệ qua hotline 1900545415 hoặc theo các phương thức khác được NH triển khai từng thời kỳ.
3. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng và các quy định pháp luật có liên quan, NH và Chủ thẻ cùng thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tin dụng cho công ty thông tin tin dụng như sau:
 - a) Chủ thẻ đồng ý cho NH cung cấp thông tin tin dụng của Chủ thẻ tại NH cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tin dụng ("**Công ty thông tin tin dụng**") mà NH là tổ chức tham gia.
 - b) Chủ thẻ đã được NH thông tin về Công ty thông tin tin dụng mà NH tham gia như sau: Công Ty Cổ phần Thông tin tin dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007. Trường hợp NH là tổ chức tham gia của bất kỳ Công ty thông tin tin dụng nào khác, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày NH cam kết cung cấp thông tin tin dụng cho Công ty thông tin tin dụng đó hoặc trong một thời hạn khác theo quy định của pháp luật.
 - c) Nội dung thông tin tin dụng NH được cung cấp bao gồm các thông tin là dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của Chủ thẻ tại NH bao gồm nhưng không giới hạn thông tin định danh, lịch sử cấp tín

dụng, lịch sử trả nợ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ... và các thông tin khác được cung cấp/thu thập theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin tín dụng sẽ được NH thực hiện phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

- d) Trường hợp Công ty thông tin tín dụng mà NH tham gia bị thu hồi Giấy chứng nhận, NH sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Chủ thẻ cho Công ty thông tin tín dụng đó và Chủ thẻ đồng ý rằng thông tin tín dụng của Chủ thẻ sẽ được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. NH sẽ thông báo với Chủ thẻ về việc xử lý thông tin tín dụng của Chủ thẻ trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày NH nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

Để tránh hiểu nhầm, các bên đều hiểu và thống nhất rằng hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho Ngân hàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác vẫn được thực hiện theo đúng quy định.

Điều 13. Đảm bảo an toàn và bảo mật trong sử dụng Thẻ

1. Để đảm bảo an toàn và bảo mật trong sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm:

- a) Bảo quản Thẻ, bảo mật PIN, các mã xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin thẻ,...
- b) Không được cho người khác sử dụng Thẻ, chuyển nhượng Thẻ cho người khác, cầm cố/thế chấp Thẻ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.
- c) Tuân thủ các hướng dẫn, quy trình bảo mật mà NH và/hoặc các tổ chức liên quan (Tổ chức thanh toán thẻ, Tổ chức chuyển mạch thẻ, ĐVCNT,...) cung cấp, thiết lập hoặc yêu cầu khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch Thẻ. Tùy từng giao dịch, dịch vụ mà Chủ thẻ thực hiện, Chủ thẻ có thể được yêu cầu sử dụng một hoặc một số các yếu tố bảo mật tương ứng với phương thức xác thực Chủ thẻ mà giao dịch, dịch vụ đó yêu cầu bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về số Thẻ, mật khẩu, tên đăng nhập, OTP, câu hỏi bảo mật, mã số bảo mật, số điện thoại, email mà Chủ thẻ đã đăng ký với NH,... Chủ thẻ có trách nhiệm bảo mật các yếu tố bảo mật nêu trên, đồng thời phải thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc sử dụng trái phép các yếu tố bảo mật nêu trên. Chủ thẻ chịu trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra do các yếu tố bảo mật bị lộ, bị đánh cắp, bị lợi dụng,... phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều này.
- d) Chủ thẻ có trách nhiệm bảo quản các thiết bị điện tử được dùng để kết nối với hệ thống của NH và thực hiện các giao dịch Thẻ (máy tính, điện thoại,...), Chủ thẻ không nên rời thiết bị mà Chủ thẻ dùng để giao dịch vào bất kỳ lúc nào hoặc để bất kỳ người khác sử dụng thiết bị đó cho đến khi Chủ thẻ đã đăng xuất khỏi hệ thống, màn hình giao dịch.
- e) Thông báo và phối hợp kịp thời với NH để xử lý các vấn đề liên quan tới việc bảo đảm an toàn và bảo mật Thẻ trong quá trình sử dụng Thẻ. Để đảm bảo an toàn cho tài sản và giao dịch của Chủ thẻ, Chủ thẻ đề nghị NH thực hiện các biện pháp thích hợp như khóa hoặc tạm khóa Thẻ, từ chối giao dịch Thẻ khi các yếu tố bảo mật của Chủ thẻ được hệ thống kiểm tra và phản hồi là không chính xác sau một số lần truy cập nhất định.
- f) Tuân thủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin trong sử dụng Thẻ.

2. Để đảm bảo an toàn và bảo mật Thẻ, NH có trách nhiệm:

- a) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa rủi ro cho giao dịch Thẻ theo các nguyên tắc, quy định của pháp luật.
- b) Bảo mật thông tin liên quan đến hoạt động Thẻ; đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động phát hành, thanh toán Thẻ vận hành an toàn và thông suốt.

- c) Thiết lập, duy trì tổng đài điện thoại 24/7 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh từ Chủ thẻ.
 - d) Tuân thủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trong phát hành và thanh toán Thẻ.
3. Khi Thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện PIN, các yếu tố bảo mật Thẻ bị lộ, bị lợi dụng, Chủ thẻ phải báo ngay cho NH theo số ĐT (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác theo thông báo của NH từng thời kỳ hoặc Điểm giao dịch gần nhất và ngay sau đó chính thức xác nhận thông báo này bằng văn bản cho NH. Trường hợp Thẻ bị lợi dụng do việc mất cắp, thất lạc, lộ PIN, các gian lận/giả mạo khác trước khi NH có thông báo bằng văn bản hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý về việc NH đã xử lý thông báo mất Thẻ từ Chủ thẻ, Chủ thẻ phải hoàn toàn chịu thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các giao dịch của Thẻ do việc Thẻ bị lợi dụng gây ra. NH sẽ thực hiện khóa Thẻ ngay khi nhận được thông báo của Chủ thẻ và hoàn thành việc xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ không quá 05 ngày làm việc đối với Thẻ có BIN do NHNN cấp hoặc 10 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do Tổ chức thẻ quốc tế cấp kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ thẻ theo quy định tại Khoản này.

Điều 14. Tra soát, xử lý khiếu nại trong quá trình sử dụng Thẻ

1. Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ:

- a) Khi có nhu cầu tra soát, khiếu nại đối với các giao dịch Thẻ, Chủ thẻ có thể trực tiếp đến các Điểm giao dịch của NH hoặc liên hệ với NH thông qua tổng đài điện thoại số ĐT (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác theo thông báo của NH hoặc thông qua phương thức khác do NH triển khai và thông báo cho Chủ thẻ từng thời kỳ. Trường hợp Chủ thẻ đề nghị tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại của NH, Chủ thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại (theo mẫu của NH) trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày đề nghị qua tổng đài điện thoại. Chủ thẻ cần tuân thủ đầy đủ các quy định, yêu cầu và thủ tục theo quy định của NH khi thực hiện tra soát, khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, Chủ thẻ thực hiện theo quy định của NH và quy định của pháp luật về ủy quyền. Các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ phải được gửi tới NH trong thời hạn do NH quy định phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
- b) Trường hợp Chủ thẻ thông báo cho NH về việc nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất, để kịp thời hạn chế các tổn thất phát sinh, Chủ thẻ đồng ý cho NH thực hiện xem xét khóa Thẻ. Trường hợp khóa Thẻ, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ được biết và Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính phát sinh đối với Chủ thẻ do việc sử dụng Thẻ sau thời điểm khóa Thẻ.

2. Thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của NH:

Tùy thuộc vào từng loại Thẻ (Thẻ có BIN do Ngân hàng nhà nước cấp, Thẻ có BIN do Tổ chức thẻ quốc tế cấp) và vào từng loại hình giao dịch Thẻ mà Chủ thẻ thực hiện (giao dịch Thẻ trong nội mạng NH, giao dịch Thẻ liên ngân hàng, giao dịch thanh toán, giao dịch rút tiền mặt tại ATM,...), NH sẽ giải quyết và trả lời các đề nghị tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ trong thời hạn tương ứng với tính chất của từng giao dịch trên cơ sở tuân thủ thời gian xử lý tra soát, khiếu nại tối đa của pháp luật.

3. Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:

Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ sẽ được NH thực hiện trong thời hạn theo quy định của pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- b) Trường hợp có tổn thất phát sinh và nguyên nhân được xác định không do lỗi của Chủ thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Văn kiện tín dụng, trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ, NH sẽ thực hiện việc bồi hoàn cho Chủ thẻ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa NH và Chủ thẻ. Trường hợp tổn thất

phát sinh do lỗi của các bên liên quan (Tổ chức thanh toán thẻ, Tổ chức chuyển mạch thẻ, Tổ chức thẻ quốc tế, ĐVCNTI,...), bên có lỗi thực hiện bồi hoàn cho NH theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

- c) Trường hợp có tổn thất phát sinh và nguyên nhân được xác định do lỗi của Chủ thẻ: NH không có nghĩa vụ thực hiện việc bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ.
- d) Trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng mà chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi của Bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, NH và Chủ thẻ sẽ thỏa thuận bằng văn bản về phương án xử lý hoặc thỏa thuận về việc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.
- e) Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, NH sẽ thực hiện thông báo cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các Tỉnh, Thành phố trên địa bàn); đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, NH và Chủ thẻ sẽ thỏa thuận về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
- f) Trường hợp NH, Chủ thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản điều kiện Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, Chủ thẻ có thể đăng ký tham gia các Chương trình trả góp cho giao dịch bằng Thẻ tín dụng (trả góp cho một phần hoặc toàn bộ dư nợ Thẻ tín dụng) do NH triển khai từng thời kỳ (gọi tắt là “Chương trình trả góp”). Trường hợp KH đáp ứng yêu cầu và được NH phê duyệt tham gia Chương trình trả góp, NH và Chủ thẻ sẽ xác định và thỏa thuận về lịch biểu trả nợ (gốc, lãi, phí) đối với khoản dư nợ được Chủ thẻ đăng ký tham gia Chương trình trả góp. Khi Chủ thẻ tham gia Chương trình trả góp, Chủ thẻ đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc đầy đủ bởi toàn bộ nội dung các điều khoản, điều kiện sau đây:

1. **Điều kiện tham gia Chương trình:** Để tham gia Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng, Chủ thẻ phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH tại thời điểm đăng ký (VD: điều kiện về số tiền dư nợ đăng ký trả góp, lịch sử sử dụng Thẻ, đồng ý tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ,...) và trong suốt quá trình tham gia Chương trình. NH có quyền từ chối đề nghị tham gia Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng khi Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện của NH và có quyền chấm dứt việc cung cấp Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng khi Chủ thẻ không còn đáp ứng các điều kiện của Chương trình.
2. **Nội dung Chương trình:**
 - a) **Kỳ hạn trả góp:** Tùy thuộc vào Chương trình trả góp mà Chủ thẻ tham gia, Chủ thẻ được lựa chọn đăng ký các kỳ hạn trả góp phù hợp với quy định của từng Chương trình trả góp do NH triển khai từng thời kỳ, với điều kiện thời hạn này không được vượt quá thời hạn còn lại của Hạn mức tín dụng Thẻ và số tiền gốc cần trả mỗi tháng đảm bảo ít nhất 250.000 VND/tháng hoặc số tiền khác theo quy định của NH từng thời kỳ.
 - b) **Lãi suất trả góp, phương pháp tính lãi, số tiền trả góp hàng tháng, phí trả nợ trước hạn khoản trả góp và các khoản phí khác:**
 - i) **Lãi suất trả góp:** Tùy từng loại Thẻ và/hoặc từng chương trình hợp tác với các đối tác và/hoặc các điều chi khác, mức lãi suất trả góp được NH quy định tương ứng và niêm yết từng thời kỳ

HC

trên website chính thức của NH. Lãi suất trả góp đối với một khoản trả góp được Chủ thẻ đăng ký sẽ được cố định trong suốt thời hạn trả góp của khoản trả góp đó.

- ii) Phương pháp tính lãi: Số tiền lãi trả góp được tính theo công thức sau: Số tiền lãi trả góp bằng (=) Giá trị giao dịch đăng ký trả góp nhân (x) Lãi suất trả góp nhân (x) Kỳ hạn trả góp.

Trong đó:

- Giá trị giao dịch đăng ký trả góp: Là số tiền Chủ thẻ đăng ký trả góp cho từng giao dịch chi tiêu, thanh toán, rút tiền mặt.
 - Lãi suất trả góp: Được tính theo tỷ lệ %/tháng theo phương pháp tính lãi "tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi".
 - Kỳ hạn trả góp: Là khoảng thời gian Chủ thẻ đăng ký trả góp cho giao dịch.
- iii) Mức lãi suất trả góp nêu tại Tiết i, Điểm này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Tiết ii, Điểm này. Để làm rõ, mức lãi suất năm tương ứng theo phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với KH được NH tính toán và niêm yết tương ứng với từng mức lãi suất trả góp và được NH niêm yết công khai trên website chính thức của NH.
- iv) Phí trả nợ trước hạn khoản trả góp và các khoản phí khác nếu có: Thực hiện theo quy định của NH từng thời kỳ.

- c) Lịch biểu thanh toán khoản trả góp:

- i) Lịch biểu thanh toán: Lịch biểu thanh toán của khoản dư nợ trả góp sẽ được NH và KH thỏa thuận tại thời điểm Chủ thẻ đăng ký tham gia Chương trình trả góp và/hoặc sẽ được NH thông báo cho Chủ thẻ qua một trong các phương thức thông báo theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này sau khi KH hoàn thành thủ tục đăng ký tham gia Chương trình trả góp. Số tiền trả góp là một phần của Trị giá thanh toán tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Kỳ sao kê đó. Thời điểm thanh toán khoản trả góp là thời điểm thanh toán Trị giá thanh toán tối thiểu theo quy định tại Sao kê thẻ tín dụng.

- ii) Thứ tự thu nợ:

Khoản trả góp mà Chủ thẻ có nghĩa vụ phải thanh toán cho NH sẽ tuân theo thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định của NH, cụ thể: Khoản trả góp cho giao dịch rút tiền mặt; Khoản trả góp cho giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ; khoản chi tiêu cho giao dịch rút tiền mặt; khoản chi tiêu cho giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông thường. Thứ tự ưu tiên thu nợ nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH từng thời kỳ.

- iii) Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hết số tiền trả góp hàng tháng:

- Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán, không thanh toán hết số tiền trả góp hàng tháng, phần phải trả/khoản phải trả còn lại của số tiền trả góp Kỳ sao kê đó sẽ bị chuyển quá hạn. Theo đó số tiền trả góp chưa thanh toán sẽ chịu lãi quá hạn bằng lãi quá hạn của Thẻ tín dụng tính từ ngày quá hạn thanh toán khoản trả góp cho đến khi Chủ thẻ thanh toán hết số nợ quá hạn này. Ngoài khoản lãi nêu trên, Chủ thẻ phải thanh toán thêm khoản phí chậm trả (nếu có) theo quy định của NH từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật được NH niêm yết công khai trên website chính thức của NH.
- Số tiền chậm trả sẽ được thể hiện trong các Kỳ sao kê tiếp theo cho đến khi được Chủ thẻ thanh toán hết.
- Số tiền trả góp các tháng tiếp theo vẫn tiếp tục thanh toán theo lịch trả góp đã đăng ký.

- d) Trường hợp Chủ thẻ tắt toán trước hạn khoản tiền trả góp:
- i) Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng liên hệ với Chi nhánh/Phòng Giao dịch của NH hoặc liên hệ với NH qua tổng đài điện thoại, phương thức khác được NH triển khai từng thời kỳ để tiến hành tắt toán khoản trả góp đồng thời cung cấp các thông tin xác minh Chủ thẻ và thông tin liên quan đến giao dịch trả góp cần tắt toán, các thông tin khác theo quy định của NH trong từng thời kỳ.
 - ii) Chủ thẻ có thể trả nợ trước hạn toàn bộ các phần còn lại của khoản trả góp nhưng không được trả nợ trước hạn một phần. Trường hợp này, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại của khoản trả góp, các khoản lãi (nếu có) và phí trả nợ trước hạn của khoản trả góp.
 - iii) Sau khi Chủ thẻ tắt toán giao dịch trả góp thành công tại NH, tùy theo quyết định của NH, NH có thể gửi tin nhắn qua điện thoại cho Chủ thẻ xác nhận Chủ thẻ đã tắt toán thành công và/hoặc một email trong đó nêu rõ thông tin khoản trả góp đã tắt toán trước hạn của Chủ thẻ.
- e) Chấm dứt áp dụng Chương trình trả góp:
- i) NH có quyền hủy bỏ hoặc chấm dứt việc cung cấp Chương trình trả góp bằng việc thông báo đến Chủ thẻ và yêu cầu Chủ thẻ thanh toán ngay toàn bộ số dư còn lại của khoản trả góp khi xảy ra một, một số trong các trường hợp sau:
 - Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản trả góp hoặc vi phạm nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng.
 - Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện như quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - Thẻ tín dụng của Chủ thẻ bị đóng, khóa, tạm khóa, hủy hiệu lực, ... theo quy định của NH và/hoặc thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng.
 - Khi NH dừng triển khai Chương trình theo quyết định của NH.
 - Các trường hợp khác theo quy định của NH từng thời kỳ được NH thông báo công khai trên website chính thức của NH.
 - ii) Khi chấm dứt việc cung cấp Chương trình trả góp cho Chủ thẻ, toàn bộ số dư còn lại của khoản trả góp (bao gồm cả khoản lãi phát sinh và phí (nếu có) của các kỳ còn lại) sẽ ngay lập tức trở thành số tiền đến hạn thanh toán và sẽ được ghi nợ tự động vào Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ. Việc thanh toán khoản nợ Thẻ tín dụng này được thực hiện theo quy định của NH. Tùy từng trường hợp, Chủ thẻ có thể phải thanh toán các khoản phí, chi phí liên quan tới việc chấm dứt Chương trình theo quyết định của NH.

3. Phương thức đăng ký Chương trình trả góp:

- a) Chủ thẻ có thể đăng ký tham gia Chương trình trả góp thông qua các phương thức được NH triển khai từng thời kỳ. Sau khi Chủ thẻ đăng ký thành công qua các phương thức nêu trên, NH sẽ gửi cho Chủ thẻ một SMS xác nhận Chủ thẻ đã đăng ký thành công và/hoặc một email trong đó nêu rõ điều khoản điều kiện của Chương trình trả góp.
- b) Sau khi Chủ thẻ đã đáp ứng các điều kiện tham gia Chương trình trả góp và được NH đồng ý, Chủ thẻ có trách nhiệm tuân thủ tất cả các điều kiện, điều khoản của Chương trình trả góp theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, nội dung đăng ký, xác nhận với NH qua phương thức nêu tại Điểm a Khoản này, quy định cụ thể của từng Chương trình mà Chủ thẻ tham gia và các quy định khác có liên quan của NH.

4. Các quy định khác của Chương trình:

- a) NH được miễn trách nhiệm đối với các trường hợp bất khả kháng xảy ra trong thời gian diễn ra

Chương trình trả góp làm cho các giao dịch của Chủ thẻ bị sai lệch mà từ đó việc đăng ký trả góp của Chủ thẻ không được thực hiện.

- b) Khi có sự thay đổi liên quan đến Chương trình trả góp, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo phương thức quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.
- c) Tùy theo quyết định của NH, NH có quyền từ chối đề nghị tham gia Chương trình của Chủ thẻ.
- d) Với các Chương trình trả góp có yêu cầu điều kiện về tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ, Chủ thẻ đồng ý thực hiện theo đúng các quy định về tạm khóa, chấm dứt tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ theo quy định của NH.

Điều 16. Điều khoản điều kiện của Chương trình quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ dành cho Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng VPBank khi tham gia (các) Chương trình trợ giá của Đối tác

1. Quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ: Là việc NH thực hiện tạm khóa một phần hoặc toàn bộ Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ trong một thời gian nhất định theo yêu cầu của Chủ thẻ khi Chủ thẻ tham gia (các) Chương trình trợ giá của Đối tác. Đối tác của Chương trình này được xác định là (các) Công ty viễn thông, tổ chức, đối tác khác có ký Hợp đồng hợp tác với NH để thực hiện Chương trình trợ giá tới Chủ thẻ.
2. Chương trình trợ giá: Là Chương trình bán hàng hoặc Chương trình bất kỳ do Đối tác cung cấp cho KH của mình, khi KH mua thiết bị, hàng hóa, sử dụng dịch vụ kèm theo cam kết sử dụng gói cước, cam kết khác tại Đối tác KH sẽ được hưởng các ưu đãi nhất định từ Đối tác so với KHKGH thông thường. Để đảm bảo thực hiện đúng cam kết của KH, KH có trách nhiệm đề nghị NH quản lý (tạm khóa) một phần hoặc toàn bộ Hạn mức tín dụng Thẻ của KH tại NH tương ứng với số tiền KH có nghĩa vụ phải thanh toán cho Đối tác trong trường hợp vi phạm cam kết với Đối tác. Trên cơ sở Văn kiện tín dụng KH, NH sẽ thực hiện quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ theo yêu cầu từ KH.
3. Điều kiện đăng ký tham gia Chương trình: Chủ thẻ tham gia Chương trình này phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH từng thời kỳ.
4. Thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý: Theo quy định của NH tại thời điểm Chủ thẻ đăng ký Chương trình.
5. Khi tham gia Chương trình, Chủ thẻ đồng ý cho NH xử lý Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý như sau:
 - a) NH sẽ thực hiện chuyển số tiền tối đa tương ứng với Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý cho Đối tác nếu trong Thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ, NH nhận được thông báo bằng văn bản của Đối tác về việc yêu cầu NH chuyển tiền cho Đối tác để thực hiện nghĩa vụ của Chủ thẻ do Chủ thẻ vi phạm cam kết sử dụng gói cước, cam kết khác của Chương trình trợ giá. Trường hợp này, NH sẽ tự động ghi nợ tài khoản Thẻ của Chủ thẻ số tiền đã chuyển cho Đối tác. Khoản tiền ghi nợ tài khoản Thẻ của Chủ thẻ được tính vào Hạn mức tín dụng Thẻ, được lên Sao kê và được tính lãi, phí,... như các khoản thanh toán, chi tiêu từ Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ kể từ thời điểm ghi nợ. NH không cần thông báo cho Chủ thẻ trước khi thực hiện việc chuyển tiền và được chủ động thực hiện chuyển tiền cho Đối tác theo thông báo của Đối tác.
 - b) NH sẽ thực hiện chấm dứt việc quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ trong các trường hợp sau:
 - i) Trong thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ, NH nhận được thông báo bằng văn bản của Đối tác về việc đồng ý chấm dứt tạm khóa Hạn mức tín dụng Thẻ cho Chủ thẻ.
 - ii) Hết thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ và NH không nhận được thông báo bằng văn bản của Đối tác về việc yêu cầu NH chuyển tiền cho Đối tác để thực hiện nghĩa vụ của Chủ thẻ do Chủ thẻ vi phạm cam kết của Chương trình trợ giá.

Trong các trường hợp nêu trên, Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý sẽ được NH chấm dứt tạm khóa và Chủ thẻ có thể sử dụng được Hạn mức tín dụng này ngay sau khi NH chấm dứt tạm khóa.

h

6. Phương thức đăng ký sử dụng Chương trình: Chủ thẻ có thể đăng ký tham gia Chương trình qua Tổng đài dịch vụ KH 24/7 của NH bằng chính số điện thoại Chủ thẻ đã đăng ký với NH hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý rằng, sau khi NH thực hiện xác minh Chủ thẻ, các thông tin liên quan theo quy định của NH, Chủ thẻ đồng ý chịu ràng buộc và tuân thủ tất cả các điều kiện của Chương trình theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và các quy định khác có liên quan của NH.
7. Phí dịch vụ: Theo quy định của NH từng thời kỳ.
8. Tùy từng Đối tác mà NH hợp tác triển khai, điều kiện, điều khoản của Chương trình tại Điều kiện giao dịch này có thể được thay đổi và ghi nhận cụ thể tại Điều khoản và Điều kiện về Chương trình áp dụng riêng cho Chủ thẻ của từng Đối tác.

Điều 17. Điều khoản điều kiện của Chương trình rút tiền qua Thẻ tín dụng VPBank khi thực hiện rút tiền qua kênh tổng đài 24/7 của VPBank

1. Điều kiện tham gia Chương trình: Chủ thẻ tham gia Chương trình này phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH từng thời kỳ.
2. Phương thức tham gia Chương trình:
 - a) Khi có nhu cầu, Chủ thẻ gọi đến Tổng đài 24/7 của NH để đề nghị rút tiền bằng chính số điện thoại đã đăng ký với NH hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai từng thời kỳ, đồng thời cung cấp các thông tin xác minh Chủ thẻ và thông tin liên quan đến giao dịch rút tiền theo quy định của NH trong từng thời kỳ.
 - b) Thủ tục, cách thức thực hiện theo quy định của NH tại thời điểm Chủ thẻ tham gia Chương trình.

PHẦN E – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ SỐ HÓA VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DO VPBANK PHÁT HÀNH QUA ỨNG DỤNG THANH TOÁN DI ĐỘNG

(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

1. “**Nhà cung cấp dịch vụ**”: Là những đơn vị cung cấp, quản lý và/hoặc vận hành Ứng dụng thanh toán di động.
2. “**Ứng dụng thanh toán di động**”: Là ứng dụng thanh toán trên Thiết bị di động, cho phép Khách hàng Số hóa Thẻ vào Thiết bị di động và sử dụng Thiết bị di động đó cùng với Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán để thực hiện thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ mà không cần sử dụng đến Thẻ/thông tin Thẻ do VPBank phát hành.
3. “**Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán**”: Được hiểu là POS (point of sale), mPOS (mobile point of sale) hoặc các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác, là các loại thiết bị đọc thẻ và/hoặc thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các Đơn vị chấp nhận thẻ mà Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ. Loại thiết bị được chấp nhận thực hiện theo quyết định của VPBank từng thời kỳ.
4. “**VPBank/NH/Ngân hàng**”: là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, VPBank được hiểu bao gồm bất kỳ: Hội sở chính, Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
5. “**Khách hàng/KH/Chủ thẻ**”: là chủ thẻ tín dụng do VPBank phát hành.
6. “**Thiết bị di động**”: Là những thiết bị di động của Khách hàng có thể cài đặt và sử dụng Ứng dụng thanh toán di động.
7. “**Thiết bị hợp lệ**”: Là Thiết bị di động mà Thẻ của Khách hàng được đăng ký Số hóa thành công vào

đó.

8. **“Activation code”**: Mã xác thực do Tổ chức thẻ cung cấp, dùng để xác thực thông tin Thẻ, thông tin Khách hàng khi Khách hàng thực hiện đăng ký Thẻ lên Ứng dụng thanh toán di động, được sử dụng cho mỗi giao dịch phát sinh.
9. **“Tổ chức thẻ”**: Là tổ chức thẻ quốc tế, được thành lập, hoạt động ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ và/hoặc các bên liên quan để hợp tác về hoạt động thẻ ngân hàng đối với thẻ có mã tổ chức phát hành thẻ do tổ chức thẻ quốc tế cấp hoặc thẻ có mã tổ chức phát hành của quốc gia khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.
10. **“Token Vaults”**: Là dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật số của các Tổ chức thẻ, dùng để mã hóa và số hóa thông tin Thẻ của Tổ chức thẻ được phát hành tại VPBank, cho phép quản lý, tạo và cung cấp thông tin thanh toán của thẻ.
11. **“Token”**: Là thông tin do Token Vaults sinh ra và gán cho số thẻ, thông tin thẻ để sử dụng thay số thẻ, thông tin thẻ trong giao dịch thanh toán. Token bao gồm 16 chữ số và trên Ứng dụng thanh toán di động, Token được hiển thị với 4 chữ số cuối (các chữ số còn lại được hiển thị ẩn nhằm bảo mật thông tin Token). Các giao dịch của thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động được thực hiện thông qua dãy số Token.
12. **“Thẻ”**: Là thẻ tín dụng do VPBank phát hành cho Chủ thẻ. Loại sản phẩm thẻ được phép số hóa và sử dụng trên Ứng dụng thanh toán di động thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
13. **“Số hóa Thẻ”**: Là việc mã hóa số thẻ, thông tin thẻ của Chủ thẻ thành Token bằng thuật toán không thể đảo ngược trên Ứng dụng thanh toán di động để sử dụng thay số thẻ, thông tin thẻ trong giao dịch thanh toán thẻ.
14. **“Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ”**: Là Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã được xác lập giữa VPBank và Chủ thẻ mà căn cứ trên đó Chủ thẻ đã được VPBank phát hành Thẻ để sử dụng.
15. **“Đơn vị chấp nhận thẻ/DVCNT”**: Là các cơ sở cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong lãnh thổ Việt Nam, chấp nhận cho khách hàng thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với tổ chức thanh toán thẻ.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần E này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các điều khoản và điều kiện chung của Điều kiện giao dịch chung này; Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

Điều 2. Quy Định Chung

1. Nội dung tại Phần A – Các điều khoản và điều kiện chung và Phần 1. – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cung Cấp và Sử Dụng Dịch Vụ Số Hóa Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng Do VPBank Phát Hành Qua Ứng Dụng thanh toán di động được áp dụng cho Chủ thẻ VPBank đăng ký Số hóa Thẻ và thực hiện các giao dịch Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động được cài đặt trên các Thiết bị di động.
2. Trước khi sử dụng Thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động, Chủ thẻ phải hoàn tất việc đăng ký Số hóa Thẻ vào Thiết bị di động và phải nhận được xác nhận đã đăng ký Số hóa Thẻ thành công trên Ứng dụng thanh toán di động.
3. Bằng việc đăng ký Số hóa Thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động và thực hiện các giao dịch thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động, Chủ thẻ đồng ý rằng Thẻ và giao dịch thẻ của Chủ thẻ đã được xác thực bằng phương thức hợp lệ phù hợp với Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ. Chủ thẻ trong mọi trường hợp cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho VPBank đối với tất cả các giao dịch phát sinh đã được thực hiện qua Ứng dụng thanh toán di động.
4. Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng việc Số hóa Thẻ và sử dụng Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động ngoài

việc tuân thủ các quy định đã thỏa thuận với VPBank tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Chủ thẻ đồng thời phải tuân thủ các thỏa thuận hoặc các điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ giữa Chủ thẻ với Nhà cung cấp dịch vụ và các đơn vị liên kết liên quan đến việc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động được yêu cầu bởi Nhà cung cấp dịch vụ.

Điều 3. Đăng Ký, Sử Dụng, Thay Đổi, Chấm Dứt Việc Số Hóa Thẻ Vào Thiết Bị Di Động Và Thực Hiện Giao Dịch Thẻ Thông Qua Ứng Dụng Thanh Toán Di Động

1. Điều kiện để KH đăng ký Số hóa Thẻ vào Thiết bị di động:
 - a. Thẻ do VPBank phát hành, đang trong tình trạng còn hiệu lực và không bị khóa;
 - b. Chủ thẻ sở hữu Thiết bị di động đã cài đặt Ứng dụng thanh toán di động;
 - c. Thiết bị di động phải có kết nối mạng di động 3G, 4G, 5G hoặc wifi.
2. Việc đăng ký Số hóa Thẻ vào Thiết bị di động, thanh toán giao dịch Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động được thực hiện theo quy trình được thiết lập, hướng dẫn trên Ứng dụng thanh toán di động và các yêu cầu, hướng dẫn khác từ VPBank, Nhà cung cấp dịch vụ và các bên thứ ba có liên quan từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý rằng, các quy trình, hướng dẫn nêu trên có thể được thay đổi, điều chỉnh và Chủ thẻ cam kết bảo đảm luôn tuân thủ đúng các quy trình, hướng dẫn được áp dụng.
3. Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo quản Thiết bị hợp lệ, đảm bảo Thiết bị hợp lệ không bị sử dụng bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác ngoài Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn việc bảo đảm rằng Thiết bị hợp lệ không bị thay đổi trái ngược với chính sách phần mềm và phần cứng của nhà sản xuất); và đảm bảo rằng mật khẩu hay các số định danh cá nhân khác cho phép sử dụng Thiết bị hợp lệ để truy cập và sử dụng Thẻ của Chủ thẻ để thực hiện thanh toán qua Ứng dụng thanh toán di động không bị tiết lộ/ chia sẻ cho bất kỳ người nào; và Chủ thẻ phải hợp tác thực hiện tất cả các yêu cầu cần thiết từ VPBank và/hoặc Nhà cung cấp dịch vụ và/hoặc bên thứ ba liên quan để phòng ngừa, ngăn chặn giao dịch gian lận, mất mát hay mất cắp liên quan đến Thiết bị hợp lệ hoặc bất kỳ Thẻ, thông tin Thẻ nào đã được Số hóa vào Thiết bị di động của Chủ thẻ.
4. Trường hợp Thiết bị hợp lệ bị mất cắp, thất lạc hoặc dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt, móng mắt, ...) hay số định danh cá nhân hay mật khẩu cho phép sử dụng Thiết bị hợp lệ để truy cập và sử dụng Thẻ của Chủ thẻ để thực hiện thanh toán qua Ứng dụng thanh toán di động bị đánh cắp, bị lộ hoặc nghi ngờ bị lộ, hay Thẻ của Chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán qua Ứng dụng thanh toán di động mà không được phép của Chủ thẻ, Chủ thẻ phải thông báo ngay cho VPBank theo số điện thoại 1900 545 415 hoặc số điện thoại khác theo thông báo của VPBank từng thời kỳ hoặc Điểm giao dịch gần nhất. Khi xảy ra các trường hợp nêu trên, trước khi VPBank nhận được thông báo từ Chủ thẻ và có xác nhận về việc đã hoàn thành việc xử lý thông báo của Chủ thẻ, Chủ thẻ vẫn hoàn toàn chịu trách nhiệm về các giao dịch của Thẻ do việc Thiết bị hợp lệ và/hoặc Thẻ bị lợi dụng gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn trách nhiệm thanh toán, hoàn trả cho VPBank giá trị giao dịch Thẻ tương ứng, trách nhiệm trong việc chịu thiệt hại ...).
5. Chủ thẻ chịu trách nhiệm cho tất cả các giao dịch Thẻ được thực hiện thông qua Ứng dụng thanh toán di động, không phụ thuộc vào việc giao dịch này do Chủ thẻ thực hiện hay bất kỳ cá nhân, tổ chức khác thực hiện (do được Chủ thẻ ủy quyền, ủy thác hoặc do bị lợi dụng). Chủ thẻ đồng ý rằng, tùy thuộc vào quy định nhà sản xuất Thiết bị di động, Chủ thẻ có thể được yêu cầu chấp thuận giao dịch thanh toán Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động với dấu hiệu sinh trắc học của Chủ thẻ, số định dạng cá nhân, hoặc mật khẩu của Chủ thẻ. Khi Chủ thẻ đăng ký thông tin dấu hiệu sinh trắc học, số định danh cá nhân hoặc mật khẩu khác trên Ứng dụng thanh toán di động, việc thu thập, lưu trữ, đăng ký và thiết lập truy cập Ứng dụng thanh toán di động thông qua định dạng dấu hiệu sinh trắc học của Chủ thẻ, số định danh cá nhân, hoặc số mật khẩu khác của Chủ thẻ sẽ được thực hiện bằng công nghệ đang có trên Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ. Vì vậy, khi Chủ thẻ đăng nhập vào Ứng dụng thanh toán di động và thực hiện xác

thực danh tính bằng công nghệ trên Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ với thông tin dấu hiệu sinh trắc học, số định danh cá nhân hoặc các số mật khẩu khác của Chủ thẻ, **nhưng thông tin này sẽ được xác thực và đối chiếu bằng việc sử dụng công nghệ đó.** Chủ thẻ xác nhận và đồng ý rằng Nhà cung cấp dịch vụ là đơn vị chịu trách nhiệm kiểm soát về công nghệ, cũng như tính sẵn sàng, sự khả dụng, tính năng, phương thức xác thực, tính an toàn và đồng bộ trên Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ. VPBank không chịu trách nhiệm cho bất kỳ giao dịch nào được thực hiện bằng việc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động và được xác thực bằng dấu hiệu sinh trắc học, số định danh cá nhân hay số mật khẩu nào khác của Chủ thẻ. Chủ thẻ xác nhận hiểu, nhận thức rõ các rủi ro có thể xảy ra liên quan đến việc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động và chấp nhận hoàn toàn đối với các rủi ro này.

6. Chủ thẻ đồng ý và thừa nhận rằng các lịch sử giao dịch thể hiện trên Ứng dụng thanh toán di động liên quan tới việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động chỉ đơn thuần thể hiện sự phê duyệt của VPBank đối với giao dịch của Chủ thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động và sử dụng Thiết bị hợp lệ và hoàn toàn không phản ánh/liên quan đến các hoạt động sau khi phê duyệt giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hoạt động liên quan đến thanh toán bù trừ, xác nhận giá trị, quy đổi ngoại tệ, hoàn tiền, hoàn trả hay khiếu nại. Vì thế giá trị giao dịch, loại ngoại tệ hay các thông tin khác được hiển thị trên lịch sử giao dịch của ứng dụng thanh toán di động liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động sẽ có thể sai biệt với giá trị sau khi bù trừ, xác thực và ghi có vào tài khoản Thẻ của Chủ thẻ. Chủ thẻ luôn có nghĩa vụ thanh toán giá trị hiển thị trên Sao kê Thẻ của Chủ thẻ phù hợp với thỏa thuận giữa VPBank và Chủ thẻ tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.
7. Chủ thẻ đồng ý rằng, khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động, VPBank sẽ gửi thông báo liên quan đến giao dịch Thẻ đó cho Chủ thẻ thông qua Thiết bị hợp lệ, không phụ thuộc vào việc Thiết bị hợp lệ đó phải hoặc không phải là thiết bị có số điện thoại mà Chủ thẻ đã đăng ký với VPBank. Chủ thẻ cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp gì về việc VPBank gửi thông báo liên quan đến giao dịch Thẻ của Chủ thẻ tới Thiết bị hợp lệ.
8. Thiết bị di động được thay đổi và không tuân thủ chính sách phần mềm hoặc phần cứng của nhà sản xuất, bao gồm việc chỉnh sửa (tắt, ngừng) các phần cứng, phần mềm – đôi khi được biết đến như “Jailbreaking” – thì sẽ không được xem là Thiết bị hợp lệ. Chủ thẻ thừa nhận rằng việc sử dụng thiết bị có chỉnh sửa để thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động là hoàn toàn bị cấm và là hành động vi phạm các điều khoản và điều kiện quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này, và là cơ sở để VPBank chấm dứt quyền truy cập của Chủ thẻ vào Thẻ của mình qua Ứng dụng thanh toán di động.
9. Chủ thẻ đồng ý rằng (i) Nhà cung cấp dịch vụ là nhà cung cấp công nghệ Ứng dụng thanh toán di động để hỗ trợ cho việc thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng Ứng dụng thanh toán di động; (ii) mạng thanh toán tương ứng có tên trên Thẻ của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn: MasterCard, VISA và công ty liên kết Interlink) cũng như các nhà thầu phụ, đại lý, và đơn vị liên kết của các tổ chức đó sẽ có quyền truy cập vào những thông tin nhất định của giao dịch của Chủ thẻ với các ĐVCNT được thực hiện thông qua Ứng dụng Ứng dụng thanh toán di động, lưu trữ các thông tin Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về thẻ (không bao gồm các thông tin phải được bảo mật theo quy định của pháp luật), giao dịch thẻ ...) để phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký sử dụng Ứng dụng thanh toán di động. Số hóa Thẻ, thực hiện giao dịch Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động. Chủ thẻ thừa nhận rằng việc thu thập, lưu trữ, sử dụng và tiết lộ các thông tin cá nhân do chính Chủ thẻ cung cấp trực tiếp cho Ứng dụng thanh toán di động, hoặc các mạng thanh toán tương ứng trên Thẻ, hoặc các bên thứ ba tham gia hỗ trợ cho Ứng dụng thanh toán di động sẽ được điều chỉnh bởi chính sách bảo mật của các bên đó, VPBank không tham gia và không chịu trách nhiệm về chính sách bảo mật của các bên này.
10. Trường hợp ĐVCNT áp dụng chương trình khuyến mãi cho Chủ thẻ như giảm giá, hoàn tiền hay những

ưu đãi khác ("Ưu Đãi") khi thực hiện thanh toán qua Ứng dụng thanh toán di động, tùy thuộc vào chính sách của ĐVCNT, ĐVCNT có thể quy định các điều khoản và điều kiện áp dụng Ưu Đãi. Việc áp dụng, dừng áp dụng, thay đổi các Ưu Đãi, điều khoản và điều kiện áp dụng Ưu Đãi được thực hiện theo quy định của ĐVCNT và thỏa thuận (nếu có) giữa Chủ thẻ và ĐVCNT. Chủ thẻ đồng ý rằng, mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) phát sinh liên quan đến việc hưởng, áp dụng Ưu Đãi sẽ do Chủ thẻ và ĐVCNT chịu trách nhiệm giải quyết, hoàn toàn không liên quan đến VPBank. VPBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hay mất mát xảy ra do bất kỳ tương tác nào giữa ĐVCNT và Chủ thẻ liên quan đến những Ưu đãi đó.

11. Tùy thuộc vào các quy định pháp luật hiện hành, vào bất kỳ thời điểm nào, VPBank có quyền (i) chấm dứt việc thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động của Chủ thẻ; (ii) Điều chỉnh hay tạm ngừng các loại giao dịch, thiết lập, quy định hoặc thay đổi giá trị giao dịch Thẻ được thực hiện thông qua Ứng dụng thanh toán di động. Khi có các thay đổi nêu trên, VPBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ bằng một, một số trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm phương thức gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Chủ thẻ, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Chủ thẻ, gửi email tới Chủ thẻ, gửi thông báo tới Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ, thông báo trên website chính thức của VPBank (website: www.vpbank.com.vn).
12. VPBank có thể thay đổi hoặc bổ sung nội dung của Điều Kiện Giao Dịch Chung này và cập nhật lên Ứng dụng thanh toán di động. Chủ thẻ được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của VPBank nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động sau khi VPBank thông báo. Nếu Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của VPBank, Chủ thẻ được quyền xóa thông tin Thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động, chấm dứt thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động.
13. VPBank có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động của Chủ thẻ mà không cần có thông báo trước đối với các trường hợp sau:
 - a. VPBank phát hiện, nhận định, đánh giá rằng các giao dịch Thẻ được thực hiện thông qua Ứng dụng thanh toán di động là các giao dịch giả mạo/gian lận hoặc bị nghi ngờ là giả mạo/gian lận, hoặc Ứng dụng thanh toán di động bị sử dụng trái mục đích hoặc bị lợi dụng.
 - b. Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật.
 - c. Các trường hợp khác mà VPBank thấy là cần thiết để bảo đảm an toàn cho Thẻ và các giao dịch thẻ của Chủ thẻ.
14. Việc xóa thông tin Thẻ được đăng ký và mã hóa trên Ứng dụng thanh toán di động không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Thẻ của Chủ thẻ, Chủ thẻ vẫn có thể sử dụng Thẻ theo quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.

Điều 4. Trách Nhiệm, Cam Kết Của Chủ Thẻ

1. Chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin phục vụ cho việc Số hóa Thẻ, thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động và đảm bảo rằng tất cả các thông tin cung cấp cho VPBank là chính xác, đầy đủ và cập nhật nhất.
2. Tuân thủ Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các thủ tục đăng ký, và các hướng dẫn khác của VPBank, Nhà cung cấp dịch vụ và các bên liên quan. Tự trang bị, bảo trì, bảo đảm an toàn các Thiết bị hợp lệ.
3. Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho VPBank khi có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến số điện thoại di động, việc ngừng sử dụng dịch vụ với nhà cung cấp mạng di động, Thiết bị hợp lệ bị mất, thất lạc, Thẻ bị mất hoặc dấu hiệu sinh trắc học hay số định danh cá nhân hay mật khẩu cho phép sử

dụng Thiết bị hợp lệ để truy cập và sử dụng Thẻ của Chủ thẻ để thực hiện thanh toán qua Ứng dụng thanh toán di động bị đánh cắp, bị lộ hoặc nghi ngờ bị lộ. Trừ khi nhận được thông báo của Chủ thẻ, VPBank sẽ tiếp tục xử lý các giao dịch Thẻ của Chủ thẻ được thực hiện thông qua Ứng dụng thanh toán di động, cung cấp các dịch vụ (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi Activation code cho Chủ thẻ để xác thực khi đăng ký Số hóa Thẻ (nếu Chủ thẻ đăng ký nhận Activation code thông qua tin nhắn SMS) qua số điện thoại di động mà Chủ thẻ đã đăng ký.

4. Chủ thẻ cam kết hiểu rõ rằng: (i) Bất kỳ cá nhân nào có thể mở khóa Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ sẽ có thể thực hiện giao dịch bằng việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ đã được đăng ký trên Ứng dụng thanh toán di động; (ii) Trường hợp Chủ thẻ sử dụng phương thức đăng nhập vào Ứng dụng thanh toán di động trên Thiết bị hợp lệ bằng dấu hiệu sinh trắc học thì bất kỳ dữ liệu sinh trắc học nào được lưu trữ trên Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ đều có thể truy cập vào Thẻ của Chủ thẻ trong Ứng dụng thanh toán di động để thực hiện giao dịch. Theo đó, khi Thẻ của Chủ thẻ đã được số hóa vào Ứng dụng thanh toán di động của một Thiết bị hợp lệ, Chủ thẻ chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng:
 - a) Ứng dụng thanh toán di động không được chia sẻ cho bất kỳ người nào khác và chỉ được sử dụng bởi chính Chủ thẻ;
 - b) Chủ thẻ luôn giữ số định danh cá nhân hay mật khẩu của Chủ thẻ trên Thiết bị hợp lệ an toàn như đối với mật khẩu ngân hàng trực tuyến, mật khẩu thẻ của Chủ thẻ, bao gồm việc không:
 - Chia sẻ với bất kỳ ai;
 - Ghi chú/lưu trữ và mang theo mật khẩu cùng với Thiết bị hợp lệ hay bất kỳ vật dụng nào có thể bị đánh cắp cùng với Thiết bị hợp lệ;
 - Chọn mật khẩu hay mã số định danh cá nhân dễ đoán, chẳng hạn như ngày sinh hay thông tin có thể đoán được từ tên của Chủ thẻ;
 - Mất cảnh giác để làm lộ mật khẩu hay số định danh cá nhân.
 - c) Chủ thẻ phải giữ Thiết bị hợp lệ được an toàn và luôn cẩn trọng để bảo đảm an toàn cho Thiết bị hợp lệ, ngay cả tại nơi ở của Chủ thẻ (bao gồm việc khóa Thiết bị hợp lệ khi không sử dụng hay khi không trong tầm kiểm soát và bằng việc cập nhật phần mềm chống vi-rút cho Thiết bị hợp lệ);
 - d) Xóa đăng ký Thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động trước khi từ bỏ, chuyển quyền sở hữu hay tiêu hủy Thiết bị hợp lệ.
5. Chủ thẻ cam kết hiểu rõ và đồng ý rằng, nhằm phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký Số hóa Thẻ vào Thiết bị di động, thanh toán Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động, các thông tin của Chủ thẻ, thông tin Thẻ của Chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về giao dịch Thẻ của Chủ thẻ, một phần thông tin số Thẻ của Chủ thẻ ... có thể được cung cấp cho, lưu trữ bởi các tổ chức liên quan có ký kết Hợp đồng, thỏa thuận với VPBank nhằm mục đích phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký, thanh toán Thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động.
6. Chủ thẻ thừa nhận rằng VPBank không phải là một bên trong bản điều khoản và điều kiện về sử dụng Ứng dụng thanh toán di động giữa Nhà cung cấp dịch vụ và Chủ thẻ. VPBank không sở hữu và cũng không chịu trách nhiệm cho Ứng dụng thanh toán di động và các Thiết bị di động. VPBank không cung cấp bất kỳ bảo đảm nào cho Ứng dụng thanh toán di động và các Thiết bị di động, không chịu trách nhiệm duy trì hay thực hiện bất kỳ dịch vụ hỗ trợ nào đối với Ứng dụng thanh toán di động và VPBank sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khiếu nại, thiệt hại, trách nhiệm, chi phí, tổn thất xảy ra liên quan đến ứng dụng Ứng dụng thanh toán di động, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ khiếu nại nào về trách nhiệm sản phẩm của bên thứ ba, khiếu nại rằng Ứng dụng thanh toán di động không tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, hay khiếu nại phát sinh từ quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hay các quy định tương tự, và các khiếu nại liên quan đến vi phạm về sở hữu trí

tuệ. Bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào liên quan đến việc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động, bao gồm cả các khiếu nại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đều phải được giải quyết trực tiếp với Nhà cung cấp dịch vụ. VPBank không khuyến nghị, chứng nhận hay thực hiện bất kỳ tuyên bố hoặc bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào về sự vận hành hoặc hoạt động của Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ. Chủ thẻ chịu trách nhiệm cho việc lựa chọn Thiết bị hợp lệ và cho tất cả các vấn đề liên quan đến việc vận hành, hoạt động và các chi phí liên quan tới Thiết bị hợp lệ đó.

Điều 5. Miễn Trừ Trách Nhiệm

1. VPBank được miễn trách nhiệm đối với tất cả những thiệt hại, tổn thất của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng Ứng dụng thanh toán di động trong những trường hợp dưới đây:
 - a. Chủ thẻ không tuân theo những trách nhiệm/ cam kết tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các cam kết khác của Chủ thẻ với VPBank được quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.
 - b. Tổ chức, cá nhân khác sử dụng và/hoặc bảo quản Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ.
 - c. Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ bị hư hỏng hoặc bị lỗi.
 - d. Bất cứ vi phạm nào của Chủ thẻ đối với các quy định về sử dụng Ứng dụng thanh toán di động giữa Nhà cung cấp dịch vụ và Chủ thẻ gây ra ảnh hưởng tới việc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động.
 - e. Các lỗi phát sinh từ phía Nhà cung cấp dịch vụ và các bên khác cùng tham gia cung cấp Ứng dụng thanh toán di động.
 - f. Bất cứ sự kiện bất khả kháng nào bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, đình công, hoặc các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác.
 - g. Ứng dụng thanh toán di động bị lỗi, chậm trễ, gián đoạn, hay chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.
 - h. Chủ thẻ không thông báo kịp thời cho VPBank khi Thiết bị hợp lệ bị mất cắp/lợi dụng và/hoặc nghi ngờ Thiết bị hợp lệ bị lợi dụng, lộ thông tin bảo mật
 - i. Việc Chủ thẻ để mất, mất cắp, lộ tài khoản đăng nhập Ứng dụng thanh toán di động, mật khẩu, Activation code và/hoặc các yếu tố định danh khác mà VPBank hoặc Nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dẫn đến người khác sử dụng các thông tin này để sử dụng Ứng dụng thanh toán di động hoặc tiếp cận những thông tin mà Ứng dụng thanh toán di động cung ứng.
2. Trong bất kỳ trường hợp nào, VPBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, mang tính trừng phạt, ngẫu nhiên, đặc biệt, phái sinh, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiệt hại về lợi nhuận, danh tiếng, việc sử dụng, dữ liệu hay các thiệt hại vô hình khác, phát sinh từ việc sử dụng, hoặc không thể sử dụng, hoặc sự không sẵn sàng của Ứng dụng thanh toán di động, bao gồm cả việc Chủ thẻ không thể thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động. VPBank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ: (i) lỗi, sự nhầm lẫn, hay nội dung không chuẩn xác; (ii) thiệt hại về sức khỏe hay về tài sản dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ việc Chủ thẻ truy cập hoặc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động, bao gồm việc Chủ thẻ thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động; (iii) bất kỳ sự gián đoạn hay ngưng kết nối từ hoặc đến Ứng dụng thanh toán di động; (iv) bất kỳ phần mềm gây hại, mã độc (virus, trojan, horses) hoặc các loại tương tự được truyền đến Ứng dụng thanh toán di động hoặc qua Ứng dụng thanh toán di động bởi bất kỳ bên thứ ba nào; (v) bất kỳ lỗi, sự thiếu sót trong bất kỳ nội dung, và những mất mát, tổn thất gây ra do việc sử dụng bất kỳ nội dung nào được đăng tải, gửi thư điện tử, truyền tải hay bất kỳ phương thức nào khác giúp hiển thị nội dung qua Ứng dụng thanh toán di động.

Điều 6. Phí

1. Tùy thuộc vào chính sách và quyết định của VPBank trong từng thời kỳ, VPBank có thể thu hoặc không thu các khoản phí liên quan đến việc thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động.

Khi có các thay đổi về chính sách phí, VPBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ bằng một, một số trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn phương thức gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Chủ thẻ, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Chủ thẻ, gửi email tới Chủ thẻ, gửi thông báo tới Thiết bị hợp lệ của Chủ thẻ, thông báo trên website chính thức của VPBank (website: www.vpbank.com.vn). Chủ thẻ được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của VPBank nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động sau khi VPBank thông báo. Nếu Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của VPBank, Chủ thẻ được quyền xóa thông tin Thẻ trên Ứng dụng thanh toán di động, chấm dứt thực hiện giao dịch Thẻ thông qua Ứng dụng thanh toán di động. Để tránh hiểu nhầm, VPBank và Chủ thẻ thống nhất rằng, các loại phí liên quan đến việc sử dụng mạng di động, 3G, 4G, Wifi ... do nhà cung cấp dịch vụ viễn thông thu hoặc các khoản phí khác liên quan đến việc tài, sử dụng Ứng dụng thanh toán di động do Nhà cung cấp dịch vụ và/hoặc bên thứ ba liên kết với Nhà cung cấp dịch vụ và/hoặc được Nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền thu thực hiện theo quy định của các đơn vị đó và không liên quan đến VPBank.

2. VPBank không chịu trách nhiệm với những chi phí phát sinh (nếu có) trong việc tài, sử dụng Ứng dụng thanh toán di động do Nhà cung cấp dịch vụ quy định, hoặc liên quan đến dịch vụ do bên thứ ba cung cấp (bao gồm cả nhà mạng điện thoại) để hỗ trợ việc sử dụng Ứng dụng thanh toán di động.

Điều 7. Tuyên Bố Và Bảo Đảm

Chủ thẻ tuyên bố và bảo đảm với VPBank rằng: (i) Thẻ mà Chủ thẻ Số hóa vào Thiết bị di động, thêm vào trên Ứng dụng thanh toán di động là Thẻ của Chủ thẻ, do VPBank phát hành cho Chủ thẻ; (ii) Chủ thẻ và tất cả các giao dịch được thực hiện bởi Chủ thẻ sẽ tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Chủ thẻ, bao gồm cả các quy định pháp luật về thuế; (iii) Chủ thẻ sẽ không sử dụng Thẻ của Chủ thẻ qua Ứng dụng thanh toán di động cho bất kỳ mục đích gian lận nào, hoặc theo bất kỳ cách thức nào có sự can thiệp vào hệ thống vận hành của Ứng dụng thanh toán di động; và (iv) việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ liên quan đến Ứng dụng thanh toán di động sẽ tuân theo Điều Kiện Giao Dịch Chung này và Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.